AN NAM

TẠP-CHÍ

Báo quán: *72, Phố hàng Khoai,* **Hanoi**

Ngày 25 Juin 1932

PHỤ TRƯƠNG

Ở XỨ TA ĐÃ THẬT CÓ CÁI NẠN TRÍ-THỨC THẤT-NGHIỆP CHƯA ?

Nạn thất-nghiệp là một cái bệnh-chứng nguy-hiểm nhất cho nền kinh-tế của thế-giới ngày nay. Mỗi một thứ máy móc phát-minh ra, tức là có hàng mấy ngàn mấy vạn thợ-thuyền bị ném ra ngoài đường phố. Bên này chân tay có mà công việc làm không, cho nên bên kia, hàng-hóa cứ chế ra mà người tiêu-thụ hiếm. Rồi các xưởng công-nghệ, nối gót nhau nào phá-sản, nào cáo-củng, thế là trong toán quân thất-nghiệp, lại mộ thêm được ít nhiều số lính mới. Mà trong số ấy, không riêng gì những thợ thuyền, nhiều khi, than ôi, lại có cả những ông chủ-nhiệm, ông quản-lý, tức là những tay hôm qua đây còn vận-dụng, chỉ-huy hàng muôn, hàng mớ tờ bạc giấy, mà bây giờ đã một chữ cũng không. Cái số người thất-nghiệp hiện nay không phải thổ-sản riêng của một xứ, một nước nào; nhưng kể ra, thì có nước Mỹ và nước Đức là đứng vào bực nhất. Đó là nói về cái nạn thất-nghiệp của những người lao-động bằng chân-tay. Cái nạn đó nguồn gốc ở sự cơ-khí phát-đạt, cho nên càng ở các nước cơ-khí thịnh-hành, thì cái số người thất-nghiệp cũng càng nhiều.

Nạn thất-nghiệp của các người trí-thức lại phát-sinh vì một nguyên-nhân khác. Trái lại với tiếng lao-công, cái danh-hiệu trí-thức gồm cả những người có theo-đuổi ít nhiều về đường học-thức, đã kiếm được một lá bằng-cấp gì chứng-nhận rằng mình đã có nền học-vấn tương-đương, và chỉ bằng ở cái học-vấn ấy, cái bằng-cấp ấy, để tìm đường sinh-kế. Trước đây ở các nước bên Thái-tây, nền giáo dục chưa được mở-mang, các người đi học,

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

bước lên được đến bực trung-học và cao-đẳng còn là số ít. Các công-việc xã-hội lại đương lúc mở-mang, cho nên các công-sở cũng phải cần đến nhiều người. Vì thế, các người học giả, ở các trường trung-học, đại-học, tốt-nghiệp ra, cũng dễ kiếm được chỗ tiêu-thụ. Những người không vác mảnh bằng đến gõ cửa các công-sở, như các ông kỹ-sư, ông y-sĩ, ông luật-sĩ, còn có thể tự mở ra các phòng thí-nghiệm, phòng luật-sư, phòng khám bệnh, để làm kế sinh nhai. Lúc đó tức là cái thời-kỳ hưng-vượng của các người trí-thức. Nhưng ở đời có cái gì trường cửu mãi được. Thấy đường trí-thức kiếm ăn, có bề nhẹ-nhàng thanh-thả, các con nhà nông-thương, công-cổ, mới thi nhau vứt bỏ nghề cũ mà sò vào con đường học-vấn. Giáo-dục lại ngày một khuếch trương, trường học mở ra ngày một nhiều, thì các học sinh tốt-nghiệp ở các trường ra cũng tất ngày một lắm. Số chỗ làm việc ở các sở chỉ có hạn, mà số người tìm việc thì vô hạn, cho nên cái cảnh chen-chúc nhau ở trước các công sở ngày càng thấy hiện ra vẻ khắt-khe. Người nào tốt số hay tốt thế, được có chỗ dung thân, còn những kẻ không may, đành cuộn bằng bỏ túi, để ngồi chờ cơ-hội khác. Học-vấn lại thường chuyên về một môn, cho nên dẫu có muốn xoay sang nghề khác cũng khó; còn các công việc lao-động, thì lại bị cái danh-diện ở xã-hội nó cấm-đoán không cho dúng tay vào. Đó là một phương-diện của cái nạn trí-thức thất nghiệp. Còn về mặt các công-việc tư, cũng lại vì nỗi cạnh-tranh mà cái tình-cảnh chẳng khá hơn gì mấy. Trong một thành phố nhỏ, có đến mấy chục ông y-sĩ, trước một tòa án, có đến hàng trăm ông luật-sư, thì bạn hàng bởi ở đâu ra? Mới đây, một nhà viết báo bên Pháp, bàn đến cái nạn trí-thức thất-nghiệp, có nói một câu nói rõn rằng :

« *Rồi đây, có lẽ các ông Bác-vật chỉ nghiên-cứu tìm cái cách thế nào để làm bánh không cần phải bột mì ; các ông y-khoa Bác-sĩ sẽ khám-nghiệm xem cái ảnh-hưởng của sự nhịn-đói đối với các cơ thể ra thế nào và các ông Luật-sư sẽ cố biện-luận xem những thằng lội-nhàn phạm tội trong khi rỗng bụng có nên cho lượng giảm không !* » Câu nói tuy bông-lơn mà chua-chát biết chừng nào !

Gần đây đã thấy có người muốn đem nhập-cảng cái chữ trí-thức thất-nghiệp mà lo xa ràng cái nạn ấy, đã sắp bắt đầu xuất-hiện ra xứ ta. Nhưng cứ ý tôi, thiết-tưởng mới có cái nạn *vô-nghệ-nghiệp*, chứ cái nạn trí-thức thất-nghiệp thì thực chưa có. Muốn cho có cái nạn thất-nghiệp, tất phải là cái nghề-nghiệp của mình đang làm mà bị cướp mất đi, hoặc là cái nghề-nghiệp của mình đáng được làm mà bị người tranh mất. Nay xét đến hiện-tình xứ ta, thì những người có thể cho là trí-thức là hạng người nào ? Để sự may rủi và thực-tài riêng của từng người ra một bên, tất ta phải mượn cái mảnh bằng để làm bằng-chứng cho cái phẩm-lượng trí-thức của người đi học, mà trên thang học-vấn, tất ta phải kể từ bực thành-chung trở lên. Nội trong các người trí-thức có bằng-cấp từ bực ấy trở lên, dù là những người chỉ có trơ-trọi một cái bằng thành-chung, hay là những người du-học có bằng Kỹ-sư, Cử-nhân, Bác-sĩ ở Pháp về chăng nữa, cũng đều có thể kiếm một chỗ, làm một nghề để làm kế sinh-nhai cả. Vậy hẳn trong các người trí-thức ấy, chẳng có ai là người thất-nghiệp. Còn những người ở dưới bực ấy, nếu vì không được vào học trường trung-học hoặc vì hỏng thi Cao-đẳng tiểu-học mà thành ra vô-nghệ, thiết-tưởng không thể coi là hàng trí-thức thất-nghiệp, bởi vì họ không đủ tư-cách và tài-lực để làm nổi cái nghề-nghiệp mà họ muốn làm.

Vả giời đất sinh ra biết bao nhiêu là nghề, làm ruộng làm nương, làm thầy, làm thợ, làm thuê, làm mướn, làm báo hay làm anh bán báo chăng nữa, nghề biết khối ra đấy, sao không xoay ra mà chọn lấy. Hay các ông bảo những nghề này không đáng làm hay không thể làm được, thì các ông chỉ nên tự trách, là mình vô-nghệ-nghiệp, chứ đừng nên tự phàn-nàn là mình thất-nghiệp mà nhầm.

Ngô-thúc-Địch

CHUYỆN ĐƯỜNG RỪNG

Người Mèo.—Khảo cứu người Mèo. một cuốn sách tây có câu : « *Người Mèo là dòng dõi một con chó* ». Câu nói như cười, tôi cho là hài-hước. Nhân tôi lại được nghe câu chuyện sau đây, xin hiến các độc giả, ai là người không tin câu sách kia như tôi, một vài lời giải-thích.

Người ta kể rằng : đã lâu lắm, về đời nhà Tùy ở Trung-quốc, một nước chư-hầu đem cống nhà vua con chó đực rất khôn ngoan. Vua yêu quý lắm, nuôi nấng chăm nom con vật ngày thêm đẹp đẽ.

Trong nước lúc ấy bỗng có một thân-vương đem lòng bạn nghịch, muốn cướp ngai vàng, tướng mạnh quân hùng làm cho nhà vua tưởng đến mà lo, đêm ngày áy-náy ngồi đứng không yên, đến nỗi con chó khôn-ngoan kia ở gần cũng hiểu.

Buồn lại thêm buồn, trong cung điện nhà vua lại xảy ra truyện mất chó ! Tiếc giống vật khôn, nhà vua cho tìm khắp cả, nhưng nào có thấy tăm hơi. Vậy con chó ấy đi đâu ? — Nó đến theo ông Thân-vương phản nghịch.

. . .

Ông Thân-vương vẫn nghe vua Tùy có con chó quý, nay tự-nhiên nó đến với mình, lòng mừng khấp-khởi — cái mừng ấy, nếu tôi đoán chẳng lầm, thì hẳn chẳng giống như cái mừng của nhiều người nhà quê ta, năm mới thấy chó hàng xóm chạy vào nhà mình, tin rằng năm ấy phát-tài, cái mừng của Thân-vương đây là cái mừng sắp được Thiên-hạ vậy. Gần một tháng trời, con chó quỷ-quyệt đó theo Thân-vương từng bước, quấn-quýt hộ-vệ Thân-vương, nên Thân-vương tin yêu ve-vuốt chăm-nom lúc sai bảo làm gì lại đều được như ý.

Ngờ đâu một đêm kia, khi Thân-vương giấc điệp đang nồng, con chó nọ cắn đứt cổ Thân-vương, rồi đem đầu trốn đi mất.

Trên điện vua Tùy, bữa chiều buổi sớm, nhà vua và quần thần còn đang bối-rối nghị bàn về việc trị-an, thì con chó trung-thành tự nhiên xuất-hiện Mặt, mình day máu, dưới chân lại có vật gì, nhìn kỹ mới hay : đó là đầu lâu của Thân-vương phản-bội. Triều đình vui-vẻ, trên dưới hoan-hô những lời tán-dương xin độc-giả tự tưởng-tượng. Thế còn con chó ?

Chẳng biết ban thưởng cho nó cái gì, vả chăng nó lại chẳng kêu-ca, vua Tùy chỉ nuôi-nấng chăm-nom như lúc nó chưa lập được kỳ-công vậy.

Lại nói vua Tùy có người công-chúa vua rất yêu đương. thời thường trên điện, công-chúa vẫn theo hầu, vì thế con vật tinh-khôn kia có lúc cũng theo công-chúa. Thâm cung nghiêm-mật, lại tới vắng người, trừ ra lũ thị-tỳ cung-nữ, lớn quanh chỉ thêm con vật quý của vua cha, công-chúa đâu ngờ bỗng không sinh chuyện.

Hoàn cảnh tạo tư nhân, con vật có công kia hẳn cũng vì hoàn-cảnh sinh tình, vả cái tình kín-đáo đêm hèn ai mà biết được, huống chi công-chúa nào được từng trải như ai.

Ngày tháng thoi đưa, sự lỡ-làng vỡ-lở, vua cha biết chuyện nổi trận lôi-đình, nhưng sự đã rồi, còn biết làm sao được.

Phụ tử tình thâm, lòng vua nào nỡ gia hình công-chúa, nhưng quốc-pháp vô thân, lỡ ra ở chốn cung vi mai sau sinh nở ra một con vật, thì chả là một điềm quái-gở sao. Đắn-đo nghĩ-ngợi, sau nhà vua đành đem đầy công-chúa ở trên núi Cối-Kê (thuộc Giang Nam), còn con vật tinh-đời kia cũng trốn mà tìm đi theo công-chúa. Thương con lòng nặng. Hoàng-hậu khôn đành, nhưng ngoài sự cung-cấp, cùng gián-tiếp thăm nom, thì cũng không còn cách nào có thể gần công-chúa nữa.

Đến như công-chúa, sơ ý biết gì, cũng đành phận rủi, còn hay tội lỗi ở đâu ra. Bốn mùa thay đổi qua năm, lặng-lẽ ngày xanh lần lữa, rồi mà nhà-vua được tin công-chúa có tất cả năm, sáu con giai, con gái. Con gái thì theo y phục mẹ, xiêm áo dịu-dàng, con giai thì ăn vận theo lối thổ dân đều gọn-ghẽ cả. Vua cho theo sáu họ : Đặng, Triệu, Chu, Dương, Hầu, Mã mà đặt tên thêm cho sáu người con, rồi cứ khai khẩn miền núi cao sinh nhai nầy nở thành một giống người Mèo.

Người hóa hổ — Giống người Mèo thọ lắm, lại ở trong cái hoàn cảnh nguy-hiểm, thú dữ quanh mình, cho nên tính chất có điều hung-bạo. Tính hung-bạo ấy lâu thành thói quen, nếu sống nhiều năm thì dần-dần không chịu nổi những sự cư-xử êm-ái của loài người, mà có phen hóa ra cọp nữa. Riêng về chi họ Mã, cứ cách vài đời, lại có người già hóa cọp. Người ấy sống hơn trăm tuổi, thì mình mẩy mọc lông dài, tính thích ăn thịt sống, thường vồ bắt gà, lợn xé thịt mà ăn, ít nói mà hay hầm-hè, người nhà biết không thể giữ được nữa, phải giết lợn, gà, lấy thịt sống cho ăn, rồi tiễn chân vào nơi rừng rậm thì từ đấy trở đi không về nữa.

Mấy phen phấn-đấu. — Ở đỉnh núi cao, người Mèo làm-lụng cũng chăm-chỉ lắm, nhưng đá nhiều đất ít, may mới đủ ăn, lại còn y-phục, thuế sưu, cho nên những dụng-cụ sơ-sài là lẽ cố-nhiên như thế. Vả lại núi này mầu hết, gai, bắp khó trồng, thì lại dọn nhà sang núi khác, kéo nhau cả họ cùng đi, nhà nào ở lại thì không nhận họ-hàng với nữa, muốn xuống gần chân núi một ít, thì bị ngăn cản bởi người Mán. người Nùng muốn xuống hẳn thung-lũng tiện chỗ nước nôi, thì không sao hớt nổi chân người Nùng, người Thổ. Vì thế đã nhiều phen người Mèo bạo-động đem nhau xuống núi giết tràn, có phen đã làm bận cả binh-gia Chính-phủ, mà chủ ý của họ chỉ là muốn xuống nơi thung-lũng vì dễ sinh kế mà thôi.

Tuy vậy, cũng có nhiều nơi, người Mèo đông-đúc, thịnh-vượng lạ-lùng, (Mèo-vạc, Lùng-phìn, Sà-phìn) đó tức là những núi phù-dung sản-xuất ra giống cơm-đen cho các quan-viên làng bẹp ta vậy. Nhân tiện xin giới thiệu cùng độc-giả cây phù-dung của người Mèo reo cấy ở vùng này. Y như cây rau riếp, lá xù-xì nhưng rộng, dài hơn. Lúc còn non cũng có thể nấu canh ăn được. Không khác trồng ngô, cũng

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

phải cày bừa vun xới, phân bón hẳn hoi. Cây lớn lên rồi nẩy ra một cái cuống thật giống cuống hoa sen, cao từ tám chín tấc đến thước rưỡi ta, tùy cây xấu, tốt. Trên đầu cuống có cái bầu tròn trên có cánh hoa giống như hoa ổi, nhưng tràng hoa lại hệt hoa hồng, mà mỗi hoa có một màu riêng : đỏ, vàng, tím, trắng, đi qua một đồi trồng thuốc phiện, trông đẹp vô cùng. Hoa tàn quả lớn, không cây nào có hoa đực để phải nhổ đi. Hình thù cái quả giống hẳn quả găng, ở trong có màng dọc ngăn hạt y như quả vừng, mà hạt thì tròn nhỏ hơn hạt cải, rang ăn bùi như vừng.

Lấy thuốc phiện thì đã có thứ dao riêng họ tự làm lấy, hoặc bằng sắt tây uốn tròn lại, hoặc bằng sắt họ đánh, rồi mỗi quả họ rạch một nhát rồi khía ra nhiều nơi theo dọc quả để cách đêm cho nhựa chảy ra, sáng hôm sau đem bát đi gạt lấy nhựa tức là thuốc phiện, nhưng còn phải nấu lọc mới tiêm hút được. Cứ về tháng ba tháng tư là mùa lấy nhựa, lỡ ra nhà nào chiều đi rạch quả, mà đêm có trận mưa to, thì thuốc trôi đi hết, tức là mất mùa riêng vậy. Thuốc ấy một phần nộp cho Bang Mèo để bán với nhà Đoan, còn thì giấu đi, để bán cho những bọn ta, Tàu làm nghề buôn lậu. Khắp nơi họ ở, mỗi ngày phiên chợ, họ đem thuốc phiện bày bán như dưới chợ nhà quê ta bán bánh đúc bánh đa, mỗi lạng giá có bốn năm hào lúc đắt, mà lúc rẻ chỉ có hào tám hai hào. Mười lạng thuốc nhựa thì gọi là nén, một trăm lạng lại gọi là một cân, thế thì một cân tức là mười nén. Họ bán thuốc được rất lắm tiền, mà nghề buôn lậu cũng rất lợi. Những nơi có mỏ, bọn thợ nghiện nhiều (trước hết thị hút để chống nước độc ! sau quen không bỏ nổi), nên bọn khách-thương dựng thành công-ty buôn lậu, họ có đủ cả khí giới, mỗi chuyến đi hàng mấy chục người, lúc gặp cướp, nhiều phen sẩy ra những trận lưu-huyết, mà lỡ có bị bắt, họ cũng thừa tiền nộp phạt chuộc tù. Đến như người Bang Mèo ở những nơi sản ra thuốc ấy thì sung-sướng lạ lùng : cửa nhà chẳng kém gì cung-điện, đồ bày biện cũng đủ ngọc, vàng, phục-sức lại cực sang, tây, tầu mọi kiểu, mấy thứ tiếng, cả chữ tây, nho đều hiểu, là vì môn-khách sẵn trong nhà ; vợ nàng hầu cũng xuyến, nhẫn, hột, hoa, sau tiền bạc thì còn gì thiếu . . . Trong nhà mỗi người chia nhau trông coi mỗi việc, thật có quy-củ văn-minh, đủ biết giống người Mèo cũng tiến bộ lắm.

(*con nữa*)

Y-HỌC

MỘT VỊ THUỐC HAY GIẢN TIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT ĐẾN

Chanh quả (citron)

Ta thường bảo chanh quả độc. Trái lại, chanh quả không những không độc lại còn có ích lợi cho người dùng nó. Hôm nay ký-giả vui lòng hiến các bạn độc-giả một vị thuốc thần hiệu và giản tiện mong các bạn dùng thử và kinh nghiệm.

***

Nước chanh quả (acide citrique) có tính chất làm loãng và đánh tan được nước « acide urique » và chất « Urates » chứa trong nước tiểu lưu hành khắp trong thân thể người ta. Nước chanh quả làm cho thứ ăn dễ tiêu hóa, thân thể được nhẹ nhàng và mát mẻ.

. . .

Dùng chanh quả để chữa bệnh cốt khí (goutte) và bệnh thấp (rhumatisme)

Cách chữa :

Lấy hạng chanh to, vỏ mỏng, để cả quả không bóc vỏ, rửa sạch, bổ vào bàn ép bằng thủy tinh, ép lấy nước uống. Sợ nước chanh làm hư răng thì dùng 1 cái ống nhỏ bằng thủy tinh hay rơm mà hút uống luôn trong 18 hôm, vào lúc sáng sớm chưa ăn uống gì. Muốn cho chóng khỏi thì nên theo cái bảng kê dưới này mà uống. Nếu bệnh-nhân ăn được chua hay không ăn được chua, thì tùy sức gia giảm, nhưng cốt phải theo thứ-tự từng ngày mà ăn, mới chóng hiệu-nghiệm.

Ngày thứ nhất. . . 1 quả	Ngày thứ 10. . . 25 quả
Ngày thứ hai. . . . 2 —	Ngày thứ 11. . . 20 —
Ngày thứ ba. . . . 4 —	Ngày thứ 12. . . 15 —
Ngày thứ tư. . . . 6 —	Ngày thứ 13. . . 10 —
Ngày thứ năm. . . 8 —	Ngày thứ 14. . . 8 —
Ngày thứ sáu. . . . 11 —	Ngày thứ 15. . . 6 —
Ngày thứ bảy . . . 15 —	Ngày thứ 16. . . 4 —
Ngày thứ tám. . . . 20 —	Ngày thứ 17. . . 2 —
Ngày thứ chín. . . 25 —	Ngày thứ 18. . . 1 —

Theo cách trên này, không những chữa khỏi bệnh cốt-khí và thấp mà thôi ; mà lại còn trừ được mầm nọc các bệnh ngoài da, như : *hắc lào, dinh mụn, dòm, lang ben*, v.v...

Dùng chanh quả để chữa bệnh sổ mũi (coryza) và đau hầu (maux de gorge)

Cách chữa :

Lấy chanh quả ép như trên đã nói, lấy nước chanh quả đổ vào lòng bàn tay, để vào mũi, hít mạnh lên mươi lượt, trong khoảng hai giờ đồng hồ thì khỏi.

Đau hầu thì lấy nước chanh ngậm vào mồm như ngậm nước súc miệng, vài lần thì khỏi.

Phương thuốc bằng chanh quả này, bên Âu-châu đã hiệu-nghiệm, nhiều người đã dùng và rất công hiệu. Không cứ người ốm mới dùng chanh quả, người khỏe cũng nên ăn, nhất là chỉ ép lấy nước uống thì tốt lắm. Trong nước chanh có chất mát, về mùa hạ nên dùng và bữa ăn thường nên lấy nó thay dấm thì hơn.

Nhời dặn : nước chanh quả không nên đựng vào thứ dùng bằng *kim-khí*. Vì nước chanh ăn vào sắt, đồng, kẽm, thiếc vân... vân... sẽ thành ra chất độc, có thể chết người được. Nên dùng *cốc thủy-tinh* đựng nước chanh, không có thì *vỏ chai, vỏ sò* thì hơn.

Trẻ con mới đẻ độ vài ba ngày, cũng nên giỏ vào mắt chúng nó mấy giọt nước chanh quả để phòng bệnh đau mắt sau này.

Nguyễn-ngọc-Lâm

VĂN-ĐÀN

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Moncay le 10 Juin 1932

Monsieur Tản-đà

Ba bài thơ *«ngày xuân tương-tư»* của ngài đăng ở số báo *30* và *37*, trước tôi có họa theo vần xuôi, vần ngược 2 bài, và lạm bình qua những ý tưởng sai lạc trong ba bài ấy. Cứ những nhời tôi lạm bình trước, tưởng cũng đủ rồi; nhưng ngài đã không nề hạ-vấn, mà muốn giảng-giải cho minh bạch, vậy xin theo ý ngài, kết-cấu một phen bút-chiến nữa sau này; có điều gì bất-hủy, xin ngài lượng cho, vì đó là văn-hành công khí.

Những nhời đàm phán:

1 — Bài nguyên-vận. — Câu 1, 2 *«Trách cái tấm xuân nhả mối tơ, làm cho bối-rối mối tương-tư.»* Câu trên được; câu dưới 2 chữ *«làm cho»* tiếp với 5 chữ *«bối-rối mối tương-tư»*, nghe còn tối nghĩa; vả lại một câu có 7 chữ, mà dùng 3 chữ *«bối rối mối»* liền nhau một tiếng, tuy không hại gì, nhưng nghe hơi rối, tưởng nên đổi là: *«để mình vương-vít mối tương-tư»*, có nhẽ rõ nghĩa và dễ nghe hơn.

Câu 3, 4, *«Sương mù mặt đất người theo mộng, nhạn lẳng chân giời kẻ đợi thư»*. Câu ấy mới thoạt nghe thì hay lắm, đài-các, trác luyện, hùng-kính, tao-nhã đủ vẻ; nhưng nghĩ cho kỹ, thì lậu mất chữ *«xuân»* ở đầu đề, mà chữ *«sương»* lại là cảnh thu, chứ không phải cảnh xuân. Giá chữa lại cho hợp cảnh thì phải, nhưng một câu thơ hay như thế, ít khi nghĩ được, chữa đi thì hoài; xin để dành về mùa thu, hoặc Tác-giả còn có tương-tư nữa chăng.

Nói cho đúng, bài nguyên-tác này, có nhẽ Tác-giả ngẫu-nhiên được câu thứ 3 và 4, lại nhân ngày xuân, đặt ra đầu đề mà làm cho đủ luật.

2 — Bài họa theo vần xuôi. — Câu 1, 2. *«Trách quần con tằm với sợi tơ; nhớ ai? mà lắm nỗi sầu tư!»* Ý tưởng cũng hệt như 2 câu đầu bài nguyên-tác, không cần diễn giải thêm nữa.

Câu 3, 4, *«Muốn đi tửu-quán chừng không bạn; ngó lại văn-đàn cóc có thơ»*. Câu trên, chữ *«chừng»* không được, vì cái người mà mình đã phải tương-tư, thì có ở đâu bên mình nữa, thế là không có hẳn, chứ còn phải ức-đạc gì, mà dùng chữ *chừng*? Tưởng nên đổi làm chữ *«hiềm»*. Còn câu dưới, chữ *«cóc»* càng không được lắm, vừa không nhã, vừa có ý gắt, so với câu vịnh Tiên-trà của cụ Yên-Đổ: *«Cóc thấy mùi hương một chút khà»*, khác nhau xa lắm. Vẫn biết tác-giả khổ tâm về chữ ấy thực, nhưng nhà làm thơ quốc-văn, nên kiêng những chữ nôm quá; những tiếng nói sã như thế, dùng vào bài đáng nói sã thì được, chứ dùng vào bài này thì không thể được, tưởng nên đổi làm chữ *«chả» thấy thơ*, còn dễ nghe hơn.

Câu 5, 6, *«Tóc bạc đã nên ông Cụ thế; đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa»* Hai câu này đối với hai câu 5, 6 ở bài nguyên-vận, không khác gì mấy; mà chữ *«đầu xanh»* thì chưa sướng, xin đổi làm chữ *«mắt xanh»*. Còn chữ *«thế»* ở câu trên, không biết Tác-giả nói ai? Nói mình chăng? Không phải thế. Nói người mà mình nhớ chăng? Không cần câu dưới. Chắc là dùng ép.

Câu 7, 8, *«Thuyền nan sông cái con tầu bể; bờ bến nào đâu, đã đến chưa?* Đương nói tương-tư, mà sao đột-nhiên quay ra cái tư-tưởng ấy? Hỏi mình chăng? Không phải chỗ hỏi. Hỏi người mình nhớ chăng? Huếnh lắm, không hồi-cố đến đầu bài; giá dùng vào bài tự-thuật nào mới phải.

3. — Bài họa theo vần ngược. Câu 1, 2, *«Hỏi giống đa tình đã biết chưa? tơ tằm vương mãi tự ngày xưa»*. Chữ *«tằm»* này vô tình lắm không mật-thiết, giá dùng chữ *«lòng»* thì phải; nhưng có nhẽ Tác-giả để dành chữ *lòng* xuống câu thứ 5, *«lòng son»*.

Câu 3, 4 *«Gió mưa bốn bể hồn theo bạn, vàng ngọc trăm năm tái nặng thơ»*. Câu trên hay, câu dưới tự-phụ không phải thể.

Câu 5, 6, *«Lửa đốt lòng son câu thế-sự; gương soi tóc trắng nỗi sầu-tư»*. Câu trên hay, có vẻ bi-tráng, câu dưới kể cũng không tội gì, nhưng hai chữ *«sầu-tư»* là non một chút, không được thông thường dễ hiểu như chữ *«thế-sự»*.

Câu 7, 8 *«Thuyền nan sóng đánh, tầu than hết», đương cột giây buồm một sợi tơ»*. Câu ấy tự-nhận càng không phải thể, không ăn thua gì với đầu bài; đã hay rằng sĩ-phu ở đời, ai cũng phải có bão phụ, nhà làm báo là nhà thanh-nghị, muốn duy-trì phong-giáo một thì, phải có chí cao-thượng như *Nghiêm-tử Lăng*, mới có thể *một tơ phù chín đỉnh* được; nhưng riêng về câu này, để cho người đuyệt báo kỳ-vọng thì hơn, chứ tự mình nói ra miệng, lại nói ngay

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

vào chỗ không đáng nói, sợ không đắc thể, ngộ nói mà không làm được, thì đối với mình cũng không thỏa, huống chi đối với xã-hội, với quốc-dân.

Nói tóm lại, 3 bài thơ này, vừa lậu dấu đề, vừa sai lạc, vừa trùng phức, cảnh ngày xuân mà toàn bài không nói đến xuân, sự tương-tư mà bắt vần làm sự tư-tưởng, bài diễn làm 3, ý thì có một, tức như:

Bài nguyên-tác nói: *Trách cái tằm xuân nhả mối tơ*;

Bài thứ hai lại nói: *Trách quần con tằm với sợi tơ*;

Bài nguyên-tác nói: *Trăm năm còn nhớ truyện ngày xưa*;

Bài thứ hai lại nói: *Đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa*;

Bài thứ hai nói: *Tóc bạc đã nên ông cụ thế*;

Bài thứ ba lại nói: *Gương soi tóc trắng nỗi sầu-tư*;

Bài thứ hai nói: *Thuyền nan sóng cái, con tầu bể*;

Bài thứ ba lại nói: *Thuyền nan sóng đánh, tầu than hết*;

Đọc lên thì những 3 bài, mà nghe ra lủng-củng như có một. Tục-ngữ có câu « *ông Nỉnh, ông Nỉnh, ông ra đầu đình lại gặp ông Lang: ông Lảng ông Lang, ông ra đầu làng, lại gặp ông Nỉnh* », đáng nên lấy làm định-bình vậy. Tưởng cả ba bài này, góp lại làm một bài; có nhẽ gọn hơn. NAM-ĐÁN

Lời đáp lại ông Nam-Đán đây như sao, xin sẽ coi ở kỳ tới.

Tản-Đà

THƠ

Đất khách

(Họa vần của một người bạn)

Tỉnh giấc hương quan luống thẩn thơ,
Lạ tình lạ cảnh những bơ-ngơ.
Nước non quanh-quất tình e-lệ.
Hoa cỏ lưa-thưa dạ sững-sờ.
Cất bút đã buồn thơ nhẩm-nhí,
Hở môi thêm ngán truyện tầm-phơ.
Chân trời xa ngắm ngàn mây trắng,
Bối-rối lòng ai chín khúc tơ.

Đề bức tranh sơn thủy

Mặt nước sóng ngâm câu cầm tú;
Đầu non trăng họa nét đan thanh.

Kiên-phong

CÂU ĐỐI

Cụ Phan viếng Thủ-tướng Nhật Khuyển-dưỡng

Cụ Phan-sào-Nam ta 20 năm trước vốn là bạn tri thân với Nhật-tướng Khuyển-dưỡng-Nghị. Ngày nay Khuyển-dưỡng tiên-sinh chẳng may bị hại, cụ Phan có câu đối rằng:

七旬今攻治生涯，無限雄心，方將於眾弟兄間，一棒叱咤；
萬里外排遣羈客，不能知己，乃不料亡山檣海際，四面蒼茫；

«Thất tuần dư chính-trị sinh-nhai, vô-hạn hùng-tâm, phương tương ư Đông-Á Tây-Âu gian, nhất thanh sất-sá;

«Vạn-lý ngoại bôn đào kỵ khách, hữu thùy tri-kỷ, nãi bất liễu Phù-sơn, Hoành-hải tế, tử cố thương mang.

«Đời chính-trị trên bảy mươi năm, một khối hùng-tâm, Đông-Á Tây-Âu lừng-lẫy sấm;

«Thân bôn-bá ngoài muôn vạn dặm, mấy ai tri-kỷ, biển Hoành non Phù mịt-mù tặm.

Cuộc chợ phiên

Nên tán-thành cuộc Chợ-phiên tại hội Khai-Trí Tiến-Đức ngày mồng 3 tháng bảy tây này, để lấy tiền giúp dân bị bão ở phía nam Trung-kỳ.

Nghe mấy tỉnh anh em bị bão,
Lệ hai hàng áo-não tâm thay!
Trời xanh độc địa chua cay,
Mưa sa đổ nước, gió bay tung trời.
Nhà ai mất, thuyền trôi, người chết,
Kẻ nào còn, tiền hết gạo không.
Bơ-vơ trên bãi cánh đồng,
Tiếng kêu tiếng khóc cầm lòng sao đang.
Tinh thảm ấy đã vang các tỉnh,
Hội Lạc-quyên chấn chỉnh mọi nơi.
Hà-thành Nam-Việt ta ơi!
Mau mau cứu giúp lấy người đồng-bang.
Nào những kẻ hoang mang chơi phiếm,
Nào những người lủu-điếm ca-trường,
Nào là các giới công-thương,
Các nhà từ-thiện vẫn thương giống nòi?
Nên hợp-nghĩa cùng soi gương sáng,
Cuộc chợ-phiên sang tháng gần đây,
Nữ-công hóa-vật sẵn bầy,
Trò vui cảnh lạ những tay biệt tài.
Cuộc hội-họp mở nơi Khai-Trí,
Dùng tiền quyên bác-thí nạn dân,
Gọi là như rết nhiều chân,
Cứu-mang lúc đói đỡ-dần lúc nguy.
Nhời trần-cáo lâm-ly thống-thiết,
Giòng giống ta thương tiếc nhau cùng.
Ai ơi! nghĩ đến việc chung!

Nguyễn Phú-Thành

Bài ca « Thành Diễn-châu »

Thành Diễn-châu (1) xây ven bờ bể,
Mười mẫu vuông địa-thế bao la.
Năm Minh-Mạng thứ mười ba,
Đào hào đắp lũy lập ra thành nầy.
Đá sò (2) trắng vuông xây bốn mặt,
Tám thước cao trong đất ngoài thành
Đất sâu hào rộng bao quanh,
Long-lanh khuất-khúc như in (1) một mã
Nam, Đông, Tây rộng cao ba cửa,
Có ba cầu uốn giữa vòng ra.
Xa trông một đám nguy nga,
Hướng nam cửa trước có nhà lầu canh
Trong thành nội thự-dinh dài các,
Có phủ-nha, có Pháp-Việt trường,
Nhà hộ-sản với nhà thương,
Nuôi tằm có sở, nữ-trương có nơi.
Có đường lối trong ngoài qua lại,
Có cỏ cây tử dãy non xanh.
Lấp-lô ngọn lá đầu cành,
Mái nhà đỏ ngói, bức thành trắng vôi
Lúc đăng thành vui chơi ngắm cảnh,
Trắng phao phao một cảnh long đôi. 3)
Nhuộm màu cây cỏ xanh tươi,
Sông Bùng (4) khuất-khúc trong soi gương giời.
Phóng tầm mắt qua nơi Đông-hải,
Tít xa xa một giải mênh-mông.
Xa trông mấy lớp trập trùng,
Lấp-lô mấy lá buồm dong giữa vời.
Sực tai nghe tiếng còi inh-ỏi,
Liếc mắt lên nhà ngói một tòa,
La-ga (5) chính sở hỏa-xa,
Tầu đi về lối, khách qua lại đường.
Trước cửa thành-phố phường buôn bán
Giữa dòng sông (6) bè bản ngược xuôi.
Xung-quanh một nước một giời.
Thảnh-thơi trăng gió thú vui hàng ngày.
Khen trẻ tạo vẽ bày lắm cảnh,
Cảnh này xinh càng chạnh lòng người.
Phong-quang cảnh vẫn cảnh giời.
Cỏ hoa sắc vẫn tươi cười như xưa.

. . . . . .
. . . . . .

Lê-văn-Bích
(*Vũ-đình-Hình cung lục*)

(1) Tức là thành Phủ Diễn-châu, thuộc tỉnh Nghệ-an, xứ Trung-kỳ. (2) Ở Phủ diễn có thứ đá gọi là « *đá sò* ». Gọi như thế là vì những vỏ sò, hến đóng lại mà thành. Còn có tên gọi là « *đá Phủ-diễn* » dùng xây nhà tốt lắm. (3) Thuộc Phủ-diễn có giải đất dài chạy thẳng từ chân núi Mộ-dạ (đền thờ vua An-dương-Vương) đến Phủ-lỵ, dài 8 cây số. Giải đất ấy chỉ rặt những vỏ sò, gọi là (*đất sò*). Người ta đào lấy *đá sò* ở đấy. Giải đất ấy gọi là *Bạch-long đôi* (*Dragon blanc*). (4) Tục danh sông Bằng-giang chảy ở Phủ-diễn (5) Tức là nhà gare « Phủ-diễn » trên con đường xe lửa Hanoi — Vinh. (6) tức là sông Bùng (Bằng-giang.)

THỜI ĐÀM

Chín cái hi-vọng của thầy Lê-Tấn-Tiếp và một cái hi-vọng của làng báo.

Thầy Lê-Tấn-Tiếp người trong Nam theo gánh hát Phước-Cương ra Bắc. Mới đây thầy Tiếp tự-tử, nhưng may có người biết cứu được, thầy chưa chết. Nhân việc này, một tờ báo đăng bức thư tuyệt-mệnh của thầy, rồi một báo khác thấy thế cũng lồng lộn lên đến phỏng-vấn thầy trong nhà thương. Có ngài lại quá yêu cố hỏi dò cho được ngày sinh, tháng đẻ của thầy Tiếp, phương-hướng mồ mả của nhà thầy, để giở Niên-lịch thông-thư xem ngày sinh tháng đẻ của thầy có « tốt », xem mồ mả nhà thầy có được « hướng » không?

Bức thư tuyệt-mệnh của thầy Tiếp có nói rõ sao thầy tự-tử: thầy có chín cái hi-vọng: du-học ngoại-quốc, kiếm người tri-kỷ, làm giàu phương xa, đi tu... vân vân..., thì chín điều hi-vọng của thầy đều theo hoàn-cảnh mà ra tro cả. Thầy Tiếp thất-vọng.

Song thầy Tiếp không biết ngày nay còn bao nhiêu người khác cũng thất-vọng như thầy. Ông chủ thiếu tiền công cho thợ, đến tháng hậm-hực đi tự-tử. Anh học-trò hỏng thi muốn nhảy quách xuống hồ. Thầy ký thất-nghiệp cũng dấm thanh thuốc phiện. Còn khủng-hoảng, còn nhiều anh muốn tự-tử.

Rồi thì trong làng báo cũng còn lắm ông thất-vọng. Báo ra hàng ngày, lương chủ-bút được ba mươi « của », mà tháng có tháng lại không. Ông nhà in đưa giấy đòi tiền, khất lần chẳng được. Còn một cái hi-vọng bán văn thì văn vẫn bán được mà tiền vẫn chẳng được.

Thầy Tiếp có chín cái hi-vọng mà hành ra có chín sự thất-vọng. Thầy Tiếp tự-tử.

Làng báo có một điều hi-vọng: trông mong vào các bạn độc-giả. Các bạn độc-giả lại chẳng nuôi « *nó* », giúp « *nó* ». Làng báo thất-vọng.

TIN VẮN

NƯỚC-NHÀ

— Có tin quan chánh-án Collet sẽ làm cố-vấn tư-pháp cho đức-Bảo-Đại . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

— Đức Bảo-Đại hồi-loan sẽ ngự tại điện Kiến-trung.

— Ông Nguyễn-phan-Long và ông Bùi quang-Chiêu không đi dự Thượng-hội-nghị thuộc-địa bên Pháp. Theo lời ông Long thì ông Dương-văn-Giáo sẽ đi dự.

— Ông bà Nguyễn-đức-Nhuận (Phụ-nữ tân-văn) phải bồi-thường 1000 đồng bạc thiệt-hại cho ông y-sĩ Ngô-văn-Liêu.

— Hội trạng-sư Bắc-kỳ kiện một quan Thanh-tra thuộc-địa tại Pháp, đòi 300.000 quan bồi-thường.

— Đào-tiến-Tuộng, phải kết án 5 năm về vụ bội kín (5 Août 1930), đã tạ-thế tại nhà thương Phủ-Doãn Hanoi.

— M. Arnoux, chánh-mật-thám, vừa ngã ô-tô gẫy tay ở Huế.

— Sứ Ai-lao vừa được quan Tổng-trưởng thuộc-địa chánh-thức truy-nhận quyền bảo-hộ lại sử đó.

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

PHÁP

— Ông Ghurbrandt tuyên bố: muốn cứu-vãn cái tình-hình kinh-tế ở thuộc-địa hiện-thời thì nên mở rộng cái quyền mua bán của nông-dân. Phòng Thương-mại thuộc-địa và ngoại-quốc lại thỉnh-cầu: nên đặt một cái chương-trình tiết-kiệm để còn mong khuếch-trương việc xuất-cảng.

Thầy Tiếp thất-vọng thì thầy Tiếp muốn chết. Làng báo thất-vọng thì làng báo tự-nhiên cũng phải chết. Thầy Tiếp chết có người biết mà cứu; làng báo chết nào biết ai cứu cho *nó*? Thầy Tiếp hãy còn sung-sướng chán.

Lý Đình-Dũ

— Dị-hài ông Briand sẽ đem tặng cái Cocherel ngày 3 Juillet.

— Hung-thủ Gorguloff xin chống án vì vợ hắn mới có mang 5 tháng. Có lẽ đến tháng Août hay octobre, cái án Gorguloff mới đem ra trước tòa án Đại-hình.

— Ông Poincaré tuyên-bố ông không hề xin từ chức Nguyên-lão nghị-viên.

— Vào vòng thứ nhì giải quần-quần Wimbledon, Cochet bị Collins (Anh) hại trong bốn sets 6/2, 8/6, 0/6, 6/3.

ĐỨC

— Hitler tuyên-bố: việc cần-thiết nhất là việc « lắc cái cầu nối đảng xã-hội vào đảng quốc-gia xã-hội ». Hitler lại định họp các đảng phái do dân quê và thợ-thuyền họp nên để lập thành một đảng lớn.

— Tình-hình tài-chánh làm náo lòng dân-chúng. Họ cực-lực phản-đối cái chánh-sách tiết-kiệm của Hindenburg.

— Hitler sửa sang lại quân-đội, đặt thêm một đạo quân. Strasser sẽ coi hết binh-quyền và nội-tình của đảng quốc-gia xã-hội.

TRUNG-HOA

— Tại Mãn-châu, Nhật muốn đặt một chức Tổng-đốc để việc hành-chính được thống-nhất. Chính-sách cai-trị tại đất Mãn sẽ hoàn-toàn giống như cái chính-sách . . . . Triều-tiên. Phổ-nghi rồi đây được đóng vai ông vua « bù-nhìn » cũng như nữ-vương Cao-ly.

— Uông-tinh-Vệ cực-lực phản-đối công-việc Nhật tại Mãn-châu. Chính-phủ Nam-kinh cho rằng: Nhật đã trái khoản-định của hội Vạn-quốc.

— Hội Vạn-quốc tại Genève sẽ họp để bàn có nên để thêm hạn (sáu tháng) cho ủy-ban điều-tra được tự-tiện tiến-hành công-sự tại Mãn-châu.

— Nhật thực-lực phản-kháng việc Cố-duy-Quân theo ban điều-tra lên Mãn-châu, và nhất-định không cho phép Cố theo ủy-ban hội Quốc-liên sang Đông-kinh.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

XÃ-HỘI BA-ĐÀO KÝ

ĐỜI VĂN-SĨ

... Nhà Văn-sĩ ngồi cái lom khom ở trước cái bàn gỗ mộc, mà từ trên mặt bàn xuống đến chân một gặm be bét; trước mặt một ngọn đèn dầu ánh sáng hung-đỏ; góc bàn đống sách nát quyển nào cũng sộc sệch và đã mất bìa. Văn-sĩ ngồi im lặng không động đậy, một tay bóp chán một tay cầm cái quản bút đặt trên tập giấy trắng; con mắt là đà dấp-dim, nhìn vào ngọn đèn khi mờ khi tỏ...

Đương lúc ấy, bên ngoài có tiếng người gọi:

— Mở cửa!...

Văn-sĩ rời quản bút xuống bàn, đứng dậy khẽ nâng cái then mục, rồi đẩy cánh cửa ra ngoài.

Một bà lão già, vẻ mặt đanh ác, hai tay bưng ấm nước sứt vòi đi vào đặt xuống bàn, rồi nói buông thõng:

— Hết chè tươi rồi, đây chỉ còn nước vối nguội thôi. Tất cả trước sau là ba hào tám nửa xu.

Văn-sĩ soa tay, đáp lại một cách ôn hòa:

— Vâng ạ, cám ơn cụ, bao nhiêu cũng được. Cụ cứ nhớ cho con.

Bà cụ cau hẳn nét mặt lại:

— Thế nào?... cậu lại...

Văn-sĩ toát mồ hôi:

— Vâng, mai con xin giả cụ thật...

Bà cụ bĩu môi, hai tay chắp vào hông:

— Lại mai, sao mà lắm mai thế!!...

Sau cái nguýt khinh bỉ, bà cụ ngoắt đi ra, hất mạnh cánh cửa vào đánh sầm một tiếng...

Cùng lúc ấy, trong căn phòng thấp bé của nhà văn-sĩ vẫn yên lặng như không; ngoài tiếng ngòi bút gãi trên tập giấy, chỉ có những giọt mưa tóc-tách ngoài hiên, làm mất cả cái vẻ êm đềm tiện-mịch. Rồi... tiếng gió lọt qua chỗ vách thủng, những mảnh giấy nhật trình cũ giấy cồm-cộp mà văn-sĩ đã quét hồ bồi-dán để che chỗ chói nắng lúc ban ngày và tránh những giọt mưa hắt vào chỗ giường ngủ, thì lúc ấy cũng bị thủng rách bay lả tả.

Ngọn đèn yếu ớt, bị gió thổi tắt mấy lần, văn-sĩ vội vàng kéo cái chăn khố-tải phủ lên trên trồng sách cho khỏi ướt. Mái nhà cũng rột tứ tung, đứng chỗ nào cũng thấy nước mưa rớt vào mình.

Nhà văn-sĩ thu hình, ngồi củ dủ ở góc giường như con ma đói; bấy giờ mới chính là lúc cảm hứng ngâm nga, những bài thơ rất não nùng ai oán...

Nửa giờ sau, gió mưa đã ngớt, văn-sĩ đẩy cánh cửa sổ nhìn ra đường đã thấy người đi kẻ lại. Cái nhà hai tầng sế cửa, bốn cánh mở toang, ánh đèn sáng rực; chung quanh bờ tường cũng một mầu xanh phơn phớt; lại thêm bóng quạt trần quay tít, trông rõ hai cánh đuổi nhau. Rồi đã thấy tiếng kèn máy hát, những bài tây, bài tầu, những bài «Cải-lương» Sai-gon thánh thót du dương...

. . . . . .

Nhà văn-sĩ quay vào lau ván ghế cho khô, xếp lại đống sách nát đâu đấy rồi mặc quần áo ra đi.

* * *

— Thưa ngài đấy là cuốn chuyện «Tàng-hình», tôi đã viết xong ba hôm nay rồi, tôi định đưa đến cho ngài từ hôm qua, nhưng vì có chút việc bận nên hôm nay mới lại được, ngài tha lỗi cho. Và nhân tiện thưa cùng ngài giúp cho ít nhiều để chi dụng...

— Vâng, tôi bao giờ cũng rất vui lòng cấp đỡ ngài, tôi lại còn mến phục cái tài viết văn của ngài lắm! Từ ngày cuốn sách «Sống về tinh-thần» và quyển «Chết vì vật-chất» của ngài ra đời thì xem ra quốc dân hoan nghênh lắm! Có lẽ từ nay giở đi người ta mới biết đến ngài, người ta mới để ý đến cái tên của ngài. Nếu mà sách xuất bản chạy, bản quán chúng tôi đây có lời, thì chắc chả khi nào dám để ngài thiệt...

— Cám ơn ngài quá yêu mà tặng cho những nhời khen quá đáng, miễn là ngài cưu đỡ cho trong lúc thiếu thốn là vạn hạnh rồi; còn đối với lòng vàng ngọc của ngài, tôi rất vui vẻ trước sau không có ân hận gì cả.

Nhà văn-sĩ mỉm cười hớn hở, hai tay xoay cái mũ quay mấy mươi vòng, hình như cõi lòng của chàng đã được người đời xét thấu và tự lấy làm hả hê cho số-phận mình lắm!

Ông chủ nhà in ngồi bệ vệ trong bàn giấy, ông nói cười vui vẻ và tỏ ra ý mến phục nhà văn sĩ vô cùng; cái « pốt » kệu gât gù trên cặp môi, thỉnh thoảng ông lại vuốt bộ râu mép, hoặc bấm chuông gọi người planton để pha nước uống và làm ra kiểu ta đây bận rộn suốt ngày.

. . .

Chín giờ tối, nhà văn-sĩ mới lang thang về đến nhà; cái mũ giạ sám nặng chình chịch vì đã đựng những giọt mưa bay từ lúc ra đi; áo quần cũng bị ướt-át hết cả. Nhà văn-sĩ vào bàn ngồi, vặn ngọn đèn cho sáng thêm lên ít nữa, rồi móc túi lấy cái phong bì để hở mà ông chủ nhà in đã tặng lúc ra về.

— Năm đồng...

Nhà văn-sĩ lẩm bẩm, mười đầu ngón tay run rẩy như có ý mừng...

Văn-chương bạc-bẽo thực, nhưng cái số năm đồng một tuần lễ, cũng đủ chi dụng, chả đến nỗi thiếu thốn; ấy là cái công của người đời bù giả cho mình.

Khi canh vắng ngọn đèn tàn, ngòi bút đã thu hết cả tâm trí tài năng, nát gan choáng óc đổi cho người, để cầu lấy sự sống ở tinh thần; sống một cách êm đềm thanh nhã thì dù sự sinh-hoạt có khó khăn chật hẹp chăng nữa, cũng vui lòng với số phận, không có ăn năn hay hối hận gì...

Mười phút sau, bà chủ nhà đã lần đến, bà nhớ lắm, nhớ như in vào óc món tiền cơm bà đã thổi chịu cho văn-sĩ ăn hàng ngày.

— Thế nào cậu ??

Bà chủ đứng dựa cây thịt vào cánh cửa như có ý đợi cậu giả lời.

Nhà văn-sĩ hôm nay không có cái vẻ mặt tái nhợt, bẽn lẽn như hôm trước nữa, chàng tủm tỉm cười đứng vội ngay dậy; tay đếm tiền, ra cách ung dung điềm đạm:

— Dạ, thưa cụ con đương định sáng sớm mai gửi cụ, may cụ lại đến bây giờ.

Bà chủ hàng nhách mép cười, chạy vội ngay lại, mắt thao láo nhìn vào cái phong bì đựng bạc của văn-sĩ cầm:

— Gớm!.. hôm nay cậu giầu nhỉ, cho lão mượn vài đồng làm vốn nào? Tôi chắc hôm nay cậu lĩnh tiền nên tôi mới lại đấy chứ, nếu không thì tôi đã đi ngủ rồi.

Bà cụ nói đến đó thì gãi đầu gãi tai, tỏ ra ý mình đây quý trọng nhà văn-sĩ lắm; đoạn bà ta lại nói tiếp:

— Tất cả trước sau lặt vặt là ba hào tám nửa xu. Còn như tiền cơm tính cả đến bữa nay nữa là hai đồng bốn hào hai. Thế, « ông » cứ xem là bao nhiêu đấy thì « ông » cho tôi.

Văn-sĩ chẳng phải để ý nghĩ về việc nhỏ nhặt từng xu, chàng bớt lại hai đồng cất vào phong bì, còn lấy ba đồng đưa giả bà cụ nhà hàng:

— Đây, thôi con cứ xin, giả cụ tất cả là ba đồng, thừa thiếu thế nào cho cháu (cháu bà chủ nhà hàng) để cháu ăn quà.

Bà cụ đương đôi mắt đen nháy nhìn văn-sĩ không chớp; trong trí bà ta hình như cũng không ngờ nhà văn-sĩ lại có bụng tốt đến thế. Bà ta lại toét-miệng cười:

— Ồ! có hai đồng mấy tất cả mà cậu lại cho « cháu » nhiều thế này...

Rồi bà cụ cầm từng tờ giơ lên đèn chiếu xem, hễ thấy nét nào mờ mờ thì vội vàng nói với nhà văn-sĩ:

— Cậu... cậu đổi cho tôi đồng này, không có đi chợ họ không lấy.

Đoạn bà ta lần rùi-tượng cất tiền vào; cái rùi-tượng to kếch sù và vá chằng chịt năm bảy thứ vải giầy cồm cộp và phùng cả một bên hông lên. Rồi bà ta kiếm vài câu chuyện dãi bôi:

— Tội trông giạo này cậu xanh lắm! có lẽ vì cậu thức đêm nhiều quá đấy mà. Cậu phải uống thuốc bổ đi... À, cậu có uống nước không?

nước chè ngon đáo để.

Nhà văn-sĩ mỉm cười:

— Thôi ạ, cám ơn cụ, đêm khuya rồi, đun nấu cách rách bất tiện lắm!

— Không... việc gì mà cách rách; tôi đun đến xoẹt một cái là được ngay, lâu la gì. Nhân tiện có chè ngon tôi mới mua được buổi trưa, chỉ định để « dành » cho cậu thôi chứ con bé cháu nhà tôi — tôi cũng không cho nó uống...

* * *

Đêm khuya canh tàn, nhà văn sĩ mỗi đêm được phép nghỉ cây thịt độ năm sáu tiếng đồng hồ là cùng bạng; chính lúc ấy cái linh hồn của nhà văn-sĩ mới được yên lặng, mới được khoan khoái một hai phần. . . .

Cách sinh hoạt của nhà văn-sĩ thật đáng ái ngại, cái đời của nhà văn-sĩ đáng thương mà cũng đáng quý trọng. Mấy mươi năm trời trong túp lều tranh vách đất, nhà văn sĩ sống ở trong cái cảnh ngộ bần cùng chật hẹp; nhà văn sĩ có cái ý cương-quyết mà trọng ở con đường tinh thần hơn là người đời có cái quan-niệm quá thiên về vật chất! Thật vậy, nên chi cảnh đời chàng, trong mấy mươi năm trời lặn lội; mùi đời cay chua đã chải, con mắt chàng đã nhìn thấy nhiều lần, những cái vực thẳm hang sâu..

Ôi! cái thời kỳ quá khứ chỉ là một giấc mộng, ngày nay nhớ lại trong trí tưởng, những vật vô hình vô ảnh đã làm cho nhà văn-sĩ phải một phen lao đao khốn khổ. Đến bây giờ mưa tạnh gió quang, nhà văn sĩ vẫn còn mang nặng những vết thương, nhưng vết thương chỉ có thể thở than thổ lộ với người đời, bằng một thứ giọng văn thảm sầu, khô-héo hay mạnh bạo hùng-hồn. . .

Nhà văn sĩ đã deo cái mầm sầu thảm cho những người quá cảm; những giọt nước mắt tở cõi lòng kéo ra như suối chảy. Văn-chương là người, khóc văn sầu là thương người khổ; thế là nhà văn sĩ đã có cái tài, giục khiến được người đời thương mình, người đời đã chịu mang giúp mình những giọt nước mắt tình-cờ, những mối tơ lòng vương vít bấy lâu.

Văn-chương có cái ảnh hưởng sâu xa, dễ khiến cho người ta bị cảm hóa, bị chết mê chết mệt như một người tình nhân, như một người bạn quý. Vậy thì kẻ đọc văn mà khóc, là vì quá cảm chỗ đoạn văn ấy, nó hợp với cảnh ngộ và tình tình mình; khác nào mối khổ tâm của mình có người hiểu thấu, có người an ủi san chia. . .

Nhà văn sĩ cũng vậy, chắc là chàng cũng một ý tưởng như tôi, chàng cố moi gan nặn óc để viết lên những bài thơ tuyệt sắc, những tập văn cảm động não nùng; mà biết đâu rằng trong những tập văn ấy, nhà văn sĩ đã hòa biết bao ròng lệ huyết, vào những giọng than đời trách đời, ai oán thiết tha.

Ấy đấy, đêm nào cũng thế, chăm chọc thâu canh, nhà văn-sĩ nghĩ, vơ nghĩ vẩn, cho cái đời mình đáng thương mà cũng đáng giận, nhớ lại mà muốn quên đi. . .

Ngọn đèn mập mờ, tiếng mõ cầm canh rời rã, tiếng muỗi vo ve qua lại, trong túp lều lặng lẽ như không; nhà văn-sĩ thở dài, kéo cái mầu chăn khổ-tải chùm lên mặt

. . . . . .

Một bữa kia, nhà văn-sĩ vừa ở đằng ông chủ nhà in về, thì thấy đứa cháu bà chủ chạy vào đưa cho chàng một cái danh thiếp có đề mấy chữ:

Phương-Thái-Lang

Tonkin *Haiphong*

— Phương-Thái-Lang là ai nhỉ?

Nhà văn-sĩ ngồi ngẫm nghĩ mãi mà chẳng biết người đó sao lại quen biết mình, mà chính ra cái tên Phương-Thái-Lang, chàng mới được nghe thấy lần này là đầu; như thế thì không khỏi hồ nghi sao được. Đằng sau cái danh thiếp lại có mấy dòng chữ nhỏ viết bằng bút chì:

Thưa Ngài,

« Tôi đến để tiếp kiến ngài, và có một câu chuyện rất có ích lợi cho ngài và tôi lắm! Nhưng ngài đi vắng. Vậy đến hai giờ chiều, tôi sẽ đến thăm ngài và bầy tỏ ý kiến »

Phương-Thái-Lang

(còn nữa)

Trần-văn-Năng

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

21

Trà-sơn
dịch

Chàng Xen-đôn cố mở mắt thật to ra để nhìn theo. Đến sau chàng phải chạy đi lấy thiên-lý-kính.

Một luồng gió lốc đương dự-bị từ phía Phố-lô-ri-đa thổi lại. Mặt bể bọt nổi trắng xóa. Thế mà cô Gian-nê cùng hai người Ta-hải-ty vẫn đùa dỡn với những ông lão bạc đầu.

Chàng tuy rất phục cái tài bơi của thiếu-nữ, song chàng lại nghĩ cá mập bao giờ vẫn là cá mập, biết bao kẻ bạo lội, cũng bị những luồng nước hiểm-độc nó cuốn đi mà bỏ mình nơi đáy bể.

Trên trời, giữa chỗ trên đầu ba người, mây kéo đen ngòm. Rồi một vòi nước trút xuống, thôi thì giời, bể, người bỗng biến mất cả...

Sau đó, mây lại tan, mặt giời lại ló, giữa lúc ấy, trên mặt biển lóng lánh, ở trước đảo Bê-rang-đệ, cô gái tài bơi và hai tên người nhà giỏi lội đã thấy nhô đầu lên.

Chàng Xen-đôn vội vác thiên-lý kính lên mắt. Đứng trong nhà trông ra, chàng thấy thiếu-nữ mình ướt như chuột lột, vừa vũ tóc vừa chạy lên cái ngõ vào vườn, để đến tắm ở chỗ thùng nước ngọt.

Suốt tối hôm ấy, hai người không có bàn đến việc gì khác nữa.

Sáng hôm sau, vừa mở mắt dậy, cô Gian-nê đã đến tìm chàng Xen-đôn để xem chàng quyết-định ra sao.

Đã không trả-lời một cách trực-tiếp, chàng lại còn khéo đem lời bàn tán đến chuyện mời một người bảo-mẫu đến Bê-rang-đệ để bảo-hộ cô Gian-nê và giữ-gìn thể-diện với thiên-hạ.

Chàng lại nói thêm rằng: người đó sẽ rất là được việc. Người ta sẽ giọn giẹp cửa nhà, coi nom đứa ở, và giúp cho chàng và cô Gian-nê nhiều việc có-ích.

Cô Gian-nê hỏi:

— Vậy thì cái cách của tôi xếp đặt công việc trong nhà từ khi đến đây không vừa ý tôn-ông sao? Tôi thấy tôn-ông khi ấy sinh-hoạt y như một người đường rừng; ăn thì chỉ toàn có một món thịt ướp với lại bánh bích-qui, thứ bánh bích-qui ấy, gia-dầy con lạc-đà ăn mãi cũng không chịu nổi. Đến nay, dù thế nào tôn-ông chắc cũng không bao giờ chết về cái bịnh ăn không tiêu nữa!

Chàng Xen-đôn vừa toan cãi lại thì cô Gian-nê gạt ngay đi mà nói rằng:

— Cái ý-kiến của tôn-ông về việc tìm một người bảo-mẫu nó dở lắm... Nó dở lắm! Nếu như thế, thì chỉ có hai đường: một là trong tám hôm sau, tôi sẽ sóa tờ hợp-đồng của tôi ký công-ty với tôn-ông đi rồi để mặc kệ tôn-ông đi kiếm một người bảo-mẫu nữa để cho mẹ ấy bảo hộ cái người bảo-mẫu của tôn-ông; hai là tôi sẽ đem cái người bảo-mẫu của tôn-ông lên cái xuồng của tôi ra bể mà dìm chết quách đi. Xin tôn-ông chớ tưởng rằng tôi đem thân đến cái nơi sơn cùng thủy tận này, cốt để đặt mình dưới mệnh-lệnh một người bảo-mẫu.

Chàng Xen-đôn lại nói:

— Một người bảo-mẫu là một cái vạ, tôi biết, song nó là một cái vạ cần phải có.

— Cần phải có cho ai? chứ tôi đây tự trước đến giờ, tuyệt-nhiên không cần đến. Thử hỏi ở trên tầu Mi-ê-lê ngày trước, tôi có ai là người bảo-mẫu đâu? Mà thật sự ra, lúc đó ở trên tầu, chỉ có một mình tôi là đàn-bà. Ở hạ-giới này, tôi chỉ sợ có ba thứ. Ông mặt quỷ là một. Sốt rét phát ban lên là hai. Các bảo-mẫu là ba.

« Rõ thật chán! không còn cái gì tởm bằng những hạng làm nghề dạy khôn ấy. Cái óc của họ xấu lắm cho nên nhất thiết cái gì họ cũng cho là dở, một việc làm rất tự-nhiên chẳng có phương-hại gì đến ai, họ cũng cho là có tội. Vì cái trí tưởng-tượng tàng-tật ấy đã xui cho người ta nẩy ra nhiều những tư-tưởng bậy bạ, thành ra nhiều khi chính họ là nguyên-nhân những cái tội-ác xấu-xa, mà họ có biết đâu.

Chàng Xen-đôn vừa cười vừa la lên rằng:

— Cô-nương có tài hùng-biện thật! cô-nương có tự biết không? Nếu cô-nương mà lên diễn-đàn thì chắc được người ta hoan-nghênh lắm...

Cô gian-nê lại nói tiếp:

— Thật quả không bao giờ tôi tưởng bị bắt-buộc phải nói lắm nhời như thế ở cái đất mọi ăn thịt người này! Tôn-ông nên biết rằng nếu tôi là người lương-thiện là vì tôi tự-ý thích làm một người lương-thiện, chứ chẳng phải vì có một mụ già nào, quẩm-quặm đôi mắt vọ để dòm-nom coi-sóc tôi đâu!

— Đáng lẽ cô-nương phải sống vào khoảng mấy nghìn năm về trước... hoặc là vào khoảng một nghìn năm về sau này mới phải. Cô nương vừa là người thái-cổ vừa là người tối-tân. Cái thế-kỷ thứ hai mươi này đối với cô-nương còn là chậm-trễ.

— Thôi nói thế là đủ. Tôn-ông có bằng lòng nhận cho tôi chung phần mà không cần có người bảo-mẫu không? Nhận hay không, còn tùy ở tôn-ông đó.

— Nếu hai chúng ta mà góp vốn chung phần với nhau, thì cô-nương không được chỉ-huy chiếc tầu kia nhé. Chúng ta sẽ mướn một người quan ba tầu.

(Còn nữa)

Phòng chữa mắt
Từ-ngọc-Liên
Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi
chuyên-môn chữa mắt
và bán thuốc đau mắt
Từ-ngọc-Liên rất
hay giá 0$10
và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước
cấp bằng thưởng
Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hợp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết ly 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH
Hiệu Bảo-Nguyên-Trường
N· 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ
DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi
Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình.
Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

集詩賢時
THỜI-HIỀN THI-TẬP

Ít hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-Thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là « *Thời-Hiền Thi-tập* ». Vậy có lời xin phép ở các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tủn-đà thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THUỐC HAY!

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :
VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điếm.
PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điếm.

Kiểu Mới

HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN
60A Phố Commerce (Ba-ty)
HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các qui-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy qui ông qui bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin qui-khách chiếu cố sẽ được như ý.
Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con
SƯ-TỬ

Khẩn-cáo

Bản-chí từ kỳ này đi, cứ dán-tiếp xuất-bản một kỳ chính một kỳ phụ, song lại ra đúng ngày thứ bảy như cũ, cho được tiện ngày độc-giả nhớ ngày mua.

Đối với các bạn độc-giả mua dài hạn, đến ngày 16 Juillet đã hết hạn nửa năm. Vậy ngài nào chưa giả tiền, xin kíp gửi về cho, và nếu các ngài có sẵn lòng mua thêm, cũng xin cho biết để Bản-chí tiện sự gửi tiếp.

☆☆☆

Về phần các Đại-lý, hầu hết các ngài đã gửi tiền, Bản-chí xin nhân đây tỏ lời cảm-tạ. Duy còn một vài ngài như :

Ông PAUL-BẢU ở Pnom-Pênh,

Ông THÀNH-ĐỨC ở Thanh-Hóa.

đến nay vẫn chưa có hồi-âm.

Vậy xin nhắc lại để các ngài lưu-ý cho.

AN-NAM TẠP-CHÍ

THUỐC TRỊ BỆNH

Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài !

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa.

Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm, nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc nầy thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại **NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG**

114 Hàng-Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH

Thêm sức-lực, cho các bạn Thanh-Niên ! ! !

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan-nghênh công-nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên mòn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật máy gân thịt, tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt, tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chụy (sa-dì) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

L'Administrateur Gerant : NGÔ-THÚC-ĐỊCH

Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí

Ảnh Phóng đại Mỹ

Từ nay các ngài không cần phải gửi đi xa mà cũng được ảnh rất đẹp vì đã có người mình chuyên môn làm rất khéo, giá lại rẻ tiện cho các ngài không phải chờ đợi lâu. Dù ảnh đã cũ mờ hoặc sứt lở cũng có thể làm lại được như mới. Các ngài còn có thể thay đổi Fond : như trắng đen, salon, paysage v. v. hoặc thêm bớt người như : (2 người ở hai ảnh làm chung vào một, nửa người cả người mà không thể ai ngờ được.

Giá một bức ảnh phóng-đại 30×40 cả khung kính 5$00.

Khổ ảnh	Khuôn khung	Có khung	
24×30	2$00	3$50	Làm couleur tính thêm 30% postal 50%
30×40	3, 00	5, 00	
40×50	4, 50	6, 50	
50 60	5, 00	7. 00	Những ảnh đã mờ hoặc sứt lở tính thêm 1$00.
60 1m	8, 00	12, 00	

Khung ảnh làm bằng gỗ lát — teck đánh vernis tampour theo kiểu mới, có rất nhiều kiểu để, để treo ảnh sous verre từ 24×30 trở xuống. Các ngài muốn dùng theo kiểu catalogue xin dính thêm cả timbre 5 cents.

Ở xa các ngài gửi kính ảnh hoặc muốn thương lượng điều gì xin đề về :

PHOTO PIERRE NINH

175, Avenue Paul Doumer — HAIPHONG

Téléphone 426

Mới có làm nhà chụp kiểu mới, lấy được nhiều ánh-sáng rất đẹp.

THUỐC TRỊ BỆNH

Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài !

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa.

Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm, nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50, nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại **NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG**

114 Hàng - Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh căn mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH

Thêm sức-lực, cho các bạn Thanh-Niên ! ! !

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan-nghênh công-nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật mày gân thịt. tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tinh chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời đầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chụy (sa dì) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00, nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh-chóng và cẩn-thận.

ANH EM! CHỊ EM!

Cứu-giúp đồng-bào trong cơn khốn-quẫn, chỉ là một việc bổn-phận.

Cứu-giúp đồng-bào khốn-quẫn trong khi mình cũng đương bị khốn-quẫn, mới là một việc nghĩa-cử.

Hàng mấy mươi vạn đồng-bào bị nạn ở miền Nam Trung-kỳ đương trông-cạy ở tấm lòng hiếu-nghĩa của chư quý Độc-giả của An-nam Tạp-chí Vậy trông đến hai chữ *An-nam*, chắc các ngài chẳng còn ngần-ngại gì mà không vui lòng hy-sinh chút đỉnh, để tỏ cho người ngoài biết rằng ta còn biết thương nhau.

SO-SÁNH TIẾNG ANNAM VỚI TIẾNG PHÁP

Vấn-đề vay chữ là một cái cấp-vụ (急務) hiện-thời cho dân-tộc ta. Vậy ta nên vay chữ của dân-tộc nào? — Tất ai cũng trả lời rằng: Ta nên vay chữ của người Tàu và của người Pháp vì chữ Tàu và chữ Pháp ảnh-hưởng đến chữ An-nam ta, là một nhẽ hiển-nhiên. Vậy chữ Tàu, chúng tôi không cần bàn nữa, vì ta học chữ Tàu mà đọc theo tiếng ta, nên bao nhiêu chữ Tàu đều viết ra chữ ta được cả. Nhưng vay chữ Tàu cũng không đủ, vì nước Tàu là một nước văn-minh cũ, bao nhiêu danh-từ về triết-học, nhất là về khoa-học, về kỹ-nghệ, về cơ-khí, tuy người Nhật đã phiên-dịch ra rất nhiều, nhưng thiết-tưởng cũng không được sung-túc cho lắm. Vả lại, ta đã đi vay, thì vay một cách trực-tiếp tội gì mà vay bằng cách gián-tiếp để không phải thác-tạp phân-vân?

Hiện thời ta lại giao-thông với người Pháp, về phương-diện chánh-trị, về phương-diện kinh-tế, về phương-diện tinh-thần . . . . . Chữ Pháp thực là phong-thiệm đích-xác, rõ-ràng, ai cũng công nhận như vậy. Vì bao nhiêu lẽ đó ta nên mượn chữ Pháp để làm cho chữ ta thêm giầu, thêm đích-xác, thêm rõ-ràng.

Nhưng, trước khi bàn phải vay những thứ chữ nào, phải vay cách nào, đứng về phương-diện nào mà vay, ta nên so-sánh tiếng Ta với tiếng Pháp cho biết hiện-trạng tiếng ta hơn tiếng Pháp về phương-diện nào, kém tiếng Pháp về phương-diện nào, cái gì ta thiếu nên bắt trước của người Pháp mà bổ-khuyết, cái gì ta khuyết-điểm, ta nên mô-phỏng theo tiếng Pháp mà cải bỏ đính-chính, kỳ cho được hoàn-bị, phân-minh.

Vậy trước hết ta phải biết tiếng một dân-tộc là cái gì? Theo thiển ý chúng tôi thì tiếng một dân-tộc nào là tất cả tiếng mà dân-tộc ấy dùng để giao-thông với nhau (trong đơn-tự (單字) hay trong phức-tự (複字) của họ)

Ví dụ (tiếng Annam): Non sông nào phải buổi bình-thời. Những tiếng: *non, sông, nào, phải, buổi* là những tiếng dùng trong đơn-tự của Annam; còn những tiếng: bình-thời thì dùng trong phức-tự.

(Tiếng Pháp) La-va-lơ nát-tăng-poăng lơ nông-bờ-rờ đề dan-nê (La valeur n'attend point le nombre des années.)

Những tiếng: la, poăng, lơ, đề thì dùng về đơn-tự còn những tiếng: va, lơ, nát, tăng, nông,

bờ, rờ, dan, nê thì dùng về phức-tự.

Vậy ta hãy so các tiếng mà người An-nam dùng với các tiếng mà người Pháp dùng.

I — Tiếng và giọng

A) Tiếng.— Khi ta xét một tiếng nào, tiếng « non » hay là tiếng « la » thì ta phải xét hai mặt, mặt âm và mặt thanh. Xét mặt âm là xét giống (nature) của tiếng, nghĩa là tìm cho biết cái tiếng đó phát-xuất từ cơ-quan nào trong bộ máy thanh-âm của người (appareil vocal). Xét mặt thanh là xét cái độ của tiếng nghĩa là tìm cho biết tiếng đó nặng, nhẹ, dài, vắn thế nào. Hãy so âm-thanh tiếng Annam cùng âm-thanh tiếng Pháp.

Thanh → / Âm ↓	Trường bình	Đoản bình	長上 (–) Trường thượng	短上 (?) Đoản thượng	(´) Trường khứ	(•) Đoản khứ	Trường nhập	Đoản nhập
Hầu	a ga ha qua gia nga	à gà hà quà già ngà	ã gã hã quã giã ngã	ả gả hả quả giả ngả	á gá há quá giá ngá	ạ gạ hạ quạ giạ ngạ	ét ghét hét quét giét	ẹt ghẹt hẹt quẹt giẹt
	ga, ya, lla, a						cat, ex	
Thiệt thượng	tra na							
	na							
Thiệt đầu	tha ra							
	ra							
Chính xỉ	xa cha							
	sa							
Bán xỉ	la nha							
	gna la							
Xỉ đầu	ta da đa sa							
	ta za da (ja) cha							
Nha	Ca kha							
	ka							
Khinh thần	Pha va							
	Fa, va, wa							
Trọng thần	Ba ma							
	(Pa), Ba, Ma							

(Bức đồ nầy, đã theo lời chỉ-giáo của Tản-đà Tiên-sinh mà kiểu-chính lại)

Xét trong cái đồ thanh-âm nầy, tiếng An-nam ở trên điểm-tuyến (pointillée), tiếng Pháp ở dưới điểm-tuyến, thì ta không có những âm « ja » và « pa », (tiếng « za » của Pháp cũng na-ná như tiếng « da » của ta) còn tiếng Pháp chỉ có thanh trường-bình và trường-nhập, còn bao nhiêu thanh khác: đoản-bình, trường-khứ, đoản-khứ, trường-thượng, đoản-thượng, đoản-nhập thì tiếng Pháp không có. Về phương-diện âm, ta chỉ thua Pháp những âm: « ja » và «pa» mà lại hơn Pháp những âm: nga, tra, tha, kha. Về phương-diện thanh thì tiếng ta hơn tiếng Pháp đến sáu thanh. Có số tiếng mà người An-nam ta dùng trong ngôn-ngữ, văn-tự của ta độ chừng trên dưới một vạn năm ngàn tiếng, còn số tiếng của người Pháp dùng trong ngôn-ngữ, văn-tự của họ, chỉ có trên dưới hai ngàn tiếng mà thôi. Thế là tiếng An-nam phỏng chừng tám lần nhiều hơn tiếng Pháp (ta có thể chiếu theo « xi-láp » mà biết số tiếng của ta hay là của người một cách đích-xác, nhưng chuyện đó là chuyện giải-trí, chưa cần-thiết cho cái vấn-đề nầy bao nhiêu).

B) Giọng — Giọng là cái kết-quả của sự biến-hóa của tiếng. Một tiếng có thể biến-hóa ra nhiều giọng. Chúng tôi không phải là một nhà âm-nhạc-

học nên không biết số giọng của một tiếng là hữu-hạn hay là vô-cùng. Chúng tôi chỉ biết một tiếng có thể biến-hóa ra được nhiều giọng mà thôi.

Hiện-thời tiếng An-nam ta có những giọng sau này :

1o giọng ca : ca nam-bình, ca nam-ai, ca kim-tiền, ca tứ-đại, vân. vân. . .
2o — hát : hát ru con, hát giã gạo, hát chèo đò, hát bợi, hát sẩm, v. v . . .
3o — thảy : thảy bát-dật.
4o — lý : lý hoa-tình, lý nam-xang, v. v...
5o — bình : bình văn, bình sách, v. v...
6o — ngâm: ngâm Kiều, ngâm sa-mạc, ngâm cải-lương, v.v. . .
7o — đọc chúc : đọc văn-tế, đọc văn-ai,v.v...
8o — xướng : xướng cát-sự, xướng hung-sự v. v. . .
9o — bạch
10o — tán.
11o — tụng.
12o — nghinh-linh.
13o — diễn-thuyết.
14o — đọc-kinh v. v . . .

Tiếng Pháp có những giọng:

1o — hát.
2o — diễn-thuyết.
3o — đọc kinh, sám-hối, v. v...

Chúng tôi không biết được nhiều giọng tiếng Pháp. Nhưng, tiếng Annam nhiều hơn tiếng Pháp, chúng tôi có thể chắc rằng giọng tiếng Annam cũng nhiều hơn giọng tiếng Pháp vì tiếng biến-hóa ra thành giọng như đã nói trên kia. Tiếng Annam phong-phú hơn, giọng Annam lại cũng phong-phú hơn, nên thơ-ca Annam có nhiều phần đặc-sắc hơn thơ-ca Pháp. Người ta dùng một « xi-láp » để hình dung một tiếng. Người Pháp hình-dung tiếng họ, có khi họ dùng một « lết » âm hay là nhiều « lết » âm. Ví dụ e, ai; khi thì họ dùng một « lết » câm, ví dụ : France (« lết » e hình-dung tiếng « phờ » cũng như là một « xi-láp »); khi thì họ dùng một « lết » âm với một « lết » câm hoặc với nhiều « lết » câm, ví dụ : ad, art; khi thì họ dùng một « lết » câm với một « lết » âm hay nhiều « lết » âm, ví dụ : ta, toi, v. v. . .

Người Annam ta hình-dung tiếng ta thì dùng « lết » âm, « lết » câm và năm dấu tiếng.

Vậy Annam ta không khi nào dùng một « lết » câm làm một « xi-láp » mà trong tiếng Pháp thì mấy dấu tiếng không thấy dùng khi nào.

Người Annam cũng như người Pháp đều dùng tiêu-điểm (ponctuation) để hình-dung các giọng. Chấm hỏi (?) dùng để hình dung giọng nói; chấm phát tinh (!) dùng để hình dung giọng kinh-ngạc, giọng kỳ-dị; giọng đắc-ý, v. v., hai ngoặc dùng để đổi giọng; chấm qua hàng dùng để phân-triệt; chấm cuối cùng (.) dùng để rứt nhời. Vì giọng quá nhiều, nên người ta không có thể hình-dung hết được.

II — Chữ và sự thay đổi của chữ

A — Chữ. — Tiếng và chữ khác nhau, có tiếng không thành chữ, như là : huyên, lươu, v. v. , .

Có khi một tiếng thành một chữ như là :

a) đầu, cổ, bụng, ngực, (chữ Annam).

b) cou, nez, œil, dent, main, (chữ Pháp).

Có khi hai tiếng thành một chữ :

c) lạt-lẽo, lặng-lẽ, êm-đềm, thong-thả, thàn-lằn, bó-cạp, (chữ Annam).

d) marcher, pied, cheval, bateau, content, (chữ Pháp).

Có khi ba tiếng thành một chữ :

đ) Tửng-tửng-tưng, tảnh-tảnh-tanh, sạch-sành-sanh, bất-đắc-dĩ, vỏ-dư-lương (vị thuốc) chữ Annam).

e) pharmacie, pantalon, mangoustan, vêtement, manguier, (chữ Pháp)

g) lắc-la-lắc-lẻo, ngắc-nga-ngắc-nghẽo, vương-bất-lưu-hành (chữ Annam)

h) Monovalent, habillement, rapidement, (chữ Pháp).

(Còn nữa)

Nguyễn-Hà-Nhân

CHUYỆN ĐƯỜNG RỪNG

(Tiếp theo)

Phong-tục người Mèo. — Ngoài những nơi giồng thuốc, thì dân Mèo trồng bắp mà ăn, trồng cây gai làm vải. Suốt đời họ toàn ăn bắp, trừ ra những ngày phiên chợ, thì vợ chồng con cái, dủ nhau đi chén một bữa thịt rượu mà thôi. Họ ít dùng bát đũa, khi ăn cháo bắp thì mỗi người một cái môi bằng gỗ để múc bắp ở trong một cái chậu gỗ to, rau cỏ loàng-soàng mà thường thiếu muối. Chiếu, giường, cũng hiếm, sập đất, chiếu rơm. Một bó rơm họ vơ ở thung-lũng đem lên, mỗi lần nằm dậy, lại bó lại gác lên, lúc ngủ lại rải ra làm chiếu. Núi cao hiếm nước, họ phải đi địu ở tận dưới lên, trong lúc đi địu (cõng ở sau lưng, có giây quàng qua hai vai) nước, là lúc họ se sợi gai để giệt vải. Vừa se, vừa cuộn, vừa đi, đi bước một, chỗ lấy nước càng xa, se càng nhiều sợi, thứ vải họ làm bền lắm, dùng được rất lâu, phần thì nhuộm chàm xanh làm áo mặc, phần thì để trắng may xiêm. Y-phục của họ, trừ ra cái ô mua ở các hiệu buôn, còn toàn một thứ bằng gai của họ làm ra cả. Những khi ma-chay, xin cưới cũng mặc một thứ ấy như thường.

Thổi kèn ăn cắp vợ

Khi trai gái đến tuổi lấy vợ lấy chồng thì họ không cưới hỏi như các dân khác. Người con giai muốn lấy người con gái nào, thì sửa một cái kèn loa (thông dụng của người Mán theo gọi tên chữ nho là «hồ già» 胡笳) ghép bằng tre, trên loa có ống dài dùi lỗ như ống quyển, ngày ngày đem đến gần nhà người con gái mà thổi, người con gái trước nghe tiếng kèn, sau nghé trộm mà nhìn mặt, nếu nghe kèn đã không hay, nhìn mặt lại đáng ghét, thì cứ ở lỳ trong nhà, anh thợ kèn thổi chán thì đi, và đủ biết đám ấy chim không đặng; nếu trái lai, êm tai, vừa mắt, thì ít lâu cô thể ra chào hỏi, chuyện trò, rồi dần dần thăm hỏi đến gia-thế, anh em, dò xét tính-tình, đều cùng vừa ý, thì giao kết với nhau, rồi hẹn ngày cho người con giai đến đón trộm đi mà cùng về ăn ở với nhau. Viết đến đây, tôi không khỏi cảm-động về sự hòa-hợp rất quý-hóa đáng thèm ở trong gia-đình của các dân: Mèo, Nùng, Mán, Thổ. Không kể cha con, anh em, chồng vợ không hề cãi-cọ, điều-tiếng với nhau, mà cả đến mẹ-chồng con-dâu đều làm ăn êm-đềm vui-vẻ, suốt đời không sầy ra xô-xát bao-giờ. Vì sao có cái hòa-khí đó?

Hai người ăn ở với nhau cũng như đôi vợ chồng đã cưới, nhưng người con gái không dám trở về thăm cha mẹ đẻ nữa, mà cha mẹ người con gái cũng không tìm hỏi han gì. Trừ ra khi nào người con gái ấy đã có con, lúc ấy mới ẵm con về nhà cha mẹ đẻ. Nhà người con giai lúc này mới phải lo liệu các phẩm-vật để cưới xin, mới rước dâu minh bạch, đãi-đọa họ hàng.

Bón cho người chết

Tục người Mèo lúc trong nhà có một người chết, thì họ đem xác buộc vào một cây gỗ rồi dựng ở một xó nhà. Cùng lúc ấy, họ cho người đi báo cho tất cả anh-em thân-thích xa gần đều biết, rồi họ nấu cháo bắt xới vào một cái bát để ở trên bên cái xác đứng chênh-chênh ấy, mỗi người anh em thân-thích đến thăm, lại lấy môi gỗ xúc cháo ngô bón vào miệng cái xác chết ấy, tay bón miệng mời như mời người đang ốm nặng, mời chán lại dỗ dành, dỗ chán cũng không thấy ăn, lúc ấy họ mới buông môi vào bát mà bắt đầu khóc lóc. Họ chờ được hết anh em xa gần về đủ, có khi đến mấy ngày, lần-lượt bón, mời, dỗ khóc rồi mới làm ma. Họ lấy cây gỗ to khoét giữa ra như cái thuyền độc-mộc, rồi bỏ xác vào đậy nắp mà đem chôn. Cả đám cưới lẫn đám ma, người mèo đều dùng kèn, trống, đàn cùng một lối cả. Họ lại có lòng giúp đỡ nhau rất là sốt-sắng, khi có một đám cưới hoặc một đám ma, thì cả họ-hàng cho chí bè bạn và người quen biết đều đem đủ cả lợn, gà, gạo rượu mà giúp cho nhau, nghĩa hợp quần của họ cũng đáng để ta lưu-ý.

Duy-Bảo *thuật*

Coi chừng! cái ông văn-sĩ Kipling phương Tây: phương Đông tôi còn có ông Hoàng Tích-Chu!

Cái ông văn-sỹ Kipling thực đã to gan! Chẳng chịu ngó qua tới đàn ngôn-luận thế-giới, ông cứ nhắm mắt nói liều nói lĩnh ở só trời Tây! Đến nay mà trong sách ông còn dám để câu:

« *Đông là Đông, Tây là Tây, không bao giờ Đông với Tây gặp nhau được!* »

Đông với Tây có thể gặp nhau không? Nếu nhà văn-sỹ Ăng-Lê có coi báo Việt-Nam, nếu ông có nhìn thấy tờ báo của bạn đồng-nghiệp họ H. (chứ không phải họ Hoàng nữa!) tất ông bị mắc cở vì sự ông đã nói quấy!

Phúc bẩy mươi đời nhà ông Kipling, nếu ông lại sang nước Việt Nam, mà chạm chán bạn Hoàng-Tích-Chu, thì quyết ông bị một phen can, xin, van, chờ, cuống quít!

— Nó bậy lắm, cái câu nói của ông! bạn Hoàng-Tích-Chu như nói thế. Chẳng xem báo tôi, ông, mà sự chạy cả cụ Táo cũng biết tâu lên Thượng-Đế.

« Thì đã biết mà!

« Sợ quốc dân quên công, tôi phải luôn luôn nhắc-nhỏm trên cột báo. Phương-diện xã-hội? Chương chỉnh mười bẩy: đồ! Độc-quyền Phông-Ten: lộn tùng phèo! Nhà máy điện: cụt sự bắt-nạt!

« Phương-diện văn-chương? Cưa bớt chân câu văn cho đỡ dài: *lối văn Hoàng-Tích-Chu*, tôi đặt tên cho nó thế.

« Lối văn Hoàng-Tích-Chu ?

« Cộc !

« Phương-diện chữ viết ? Dũa ngắn đi : ông, tôi viết Ô.; bà, tôi viết B.; cô, tôi viết C.; cậu, tôi viết C.!

« Thì vẫn biết cách ấy tiện sao bằng chữ M của tây : Mr : me sừ ; MM : mê-sừ ; Mme : ma-đam ; Melle : ma-đờ-moa-den ; Me : mét-tờ-rờ ; Mon : me-dông, vân vân, nhưng, theo tôi, chữ ông, bỏ được *ng* ; chữ bà, bỏ được *à* ; chữ cô, bỏ được *ô* ; đỡ tốn thì-giờ biết mấy ! Nga y họ Hoàng tôi bây giờ, đấy ông trông xem, tôi cũng hi-sinh cả cái đuôi mà chỉ viết có mỗi chữ H.!

« Công tôi chẳng nên riêng gì ở nước Việt-Nam, nó phải lan cả ra ngoài thế-giới, tôi đinh thế.

« Đông là Đông, Tây là Tây, không bao giờ gặp nhau, ông nói, nhưng, thưa ông, Đông và Tây có bao giờ gặp nhau không ? Ông thử coi lại cái chữ Co-đỏ ở lá nhãn tờ báo tám đồng rưỡi mốt năm của tôi thì rõ :

đôngtây !

« Nối Đông vào với Tây, làm cho Đông, Tây gặp nhau, công tôi tự hai ba năm về trước, nó vẫn có kết quả. Thì chẳng nhắc, ông chẳng biết ; nhắc, ông cho là kể công ! Nó đáng giận lắm, cái đời này !

« Vậy, xin lỗi ông, câu nói không đúng sự thực ấy, xin ông sóa toẹt đi ! : tôi can ! tôi xin ! tôi van ! tôi chờ ! »

Bạn Hoàng-Tích-Chu, chẳng nói ngoa, có công nối Đông với Tây làm một : Thôi, vĩ-nhân đến nơi rồi !

Nhưng còn một điều, bạn quên, tôi mách :

Tên của bạn, nên viết qnách là :

H. Tichu ở báo *đôngtây*

cho nó khỏi lêthê, lôithôi, giải-giằnggiặcgiắcgiối ! !

N.



THƯ GỬI CHO BẠN VỀ
VĂN-PHÁP VIỆT-NAM

V

Trương qui-huynh,

Đệ đã nói : về *số ít*, quán-tự của ta đối « chăm chắm » với quán-tự trong văn Pháp, nghĩa là các chữ *le* và *la* có thể dịch ngay là *người, con, cái* hay *sự*(tùy danh-tự), và hai chữ *un, une* có thể dịch ngay là *một người, một con, một cái, một sự*, hay *một* không thôi, nếu gặp danh-tự có cái tính-cách nói trong *lệ thứ nhất* trong bức thư của đệ mới rồi.

Nhưng về *số nhiều*, thì quán-tự ta với quán-tự Pháp không giống nhau hẳn.

Les không phải chỗ nào cũng dịch là *các* được. Có khi phải dịch là *những*. Chỉ có chữ *des* chỗ nào cũng dịch được là *những* mà thôi, nhưng có khi lại không dịch là gì hết.

Tại làm sao thế ?

Tại cái quan-niệm của dân ta đối với nghĩa « định » và « bất-định », không hẳn giống cái quan-niệm của người Pháp. Của người Pháp giản-dị sáng sủa hơn, nhưng của ta tinh-tế hơn, Ta nên đem phát-huy và bảo-tồn lấy, tưởng đó cũng là một cái tinh-thần riêng của văn-chương nước mình vậy.

Hãy lấy vài thí-dụ :

Câu kiệt-tác của cụ Nguyễn-Du ;

« Trải qua một cuộc bể dâu,

« *Những* điều trông thấy mà đau đớn lòng. »

Nếu đem dịch ra văn Pháp, tất chữ *những* phải dịch ra chữ *les* là định-quán-tự số nhiều, (article défini, pluriel). Vì theo cái quan-niệm của người Pháp đã nói trên, « *những* điều trông thấy » đây là *hết thảy* các điều tác-giả đã trông thấy trong một thời-kỳ dâu hóa ra bể, tức là 60 năm, là tuổi của tác-giả lúc làm quyển Kim-Vân-Kiều. Như vậy, đối với cái óc Lăng-sa, « những điều » như thế là « nhất định » lắm rồi, không còn trệch đi đâu được nữa, không sao mà nhầm với những điều trông thấy ngoài cái kỳ dâu-bể ấy, hay những điều nào nào khác nữa.

Óc Việt-Nam thì không thế. Nếu chỉ có *một* điều, mà điều đó ai cũng biết, thì đã đành dùng được định-quán-tự số ít : « *Cái* điều trông thấy mà đau đớn lòng. » . Nhưng lại là *nhiều* điều, thì *khi chưa kể những điều đó cho hết, cho rành từng cái một*, chưa có thể bảo « những điều » đó là « định » được, hãy phải dùng bất-định quán-tự đã.

Câu : « Các điều trông thấy mà đau đớn lòng » không phải là không lọn nghĩa, xuôi tai, tôi muốn nói ra chữ tây là *correcte*, nhưng ví đem đọc nó cho một người Việt-Nam chưa biết truyện Kiều, tất họ phải tự hỏi : « Đâu ? *các* điều ấy đâu ? *Những* gì ? Tác giả kể ở chỗ nào ?... » Rồi nếu họ ghé vào quyển truyện và chỉ, mới thấy có mấy câu khai-mào, tất phải cho cụ Nguyễn-Du là dùng sai chữ. Tôi thí-dụ như thế, chứ một người Việt-Nam đã không biết đến truyện Kiều là gì, thì còn hiểu làm sao được tinh thần Nam-Việt, còn hiểu làm sao cái « mầu » (nuance) tương-dị của hai chữ *các* và *những* dùng trong một câu này nữa !

Nay ta thử thí-dụ ngược lại.

Lấy một câu trong một tập văn dịch-quyển Sử-ký thanh-hoa chẳng hạn :

« Tous *les* auditeurs prenaient un grand plaisir à l'entendre.... (page 74), ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch ra là : « *Những* người đứng nghe, ai nấy thích chí...»

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh là một nhà danh-sĩ bây giờ, văn ông rất giản-dị dễ hiểu, nên truyền bá được rất rộng. Vậy chữ *những* ông dùng để dịch chữ *les* đây, không thể gọi là nhầm với chữ *các* được. Thử mở hú-hoạ mà lấy vài thí-dụ nữa :

« Je ne possède plus que tous *les* plaisirs dont j'ai pu contenter mon envie.... (page 94)», ông dịch là :

« Nay duy còn có *những* sự vui thú thỏa thuê mà trẫm đã được hưởng » (Lời vua Sardanapale).

« Tous *les* ennemis du tyran, tous *ceux* qui éveillaient ses soupçons, *les* citoyens les plus considérables d'Agrigente connurent tour à tour cet affreux supplice (page 204), dịch là :

« *Những* kẻ vô phúc đã khiến nên cơn giận cửu-trùng, hoặc để mắt thiên-nhan ngờ vực, toàn là *những* người danh-giá trong đất Agrigente lần lượt phải chui vào cái máy nghiệt án đó, v. v. »

Quí-huynh lại bảo « Chắc đâu! chắc đâu khi ông Nguyễn-văn-Vĩnh viết những chữ đó, mà lại cân nhắc như ta đang cân nhắc chúng đây!?»

Ấy, quí-huynh ạ, càng vô-tình, cũng buột tay ra mà viết, những chữ đó mới lại càng nên xem xét. Vì cứ theo cái hồn văn Nam-Việt mà viết ra một cách *tự-nhiên*; thế mới thực là đúng văn Nam-Việt! Nếu cứ nghĩ đến chữ *les* của Pháp-văn rồi viết *các*, chữ *des* rồi viết *những*, lời văn tất không khỏi câu-nệ, cứng quèo! Tinh-thần Nam-việt rồi cứ phải đuổi theo tinh-thần Lãng-Sa mãi, mà muốn viết văn quốc-ngữ sau này, tất cứ phải học qua Pháp-văn.

Thế thì tìm mẹo-luật tiếng Việt-Nam, sao lại còn phải so-sánh với mẹo-luật tiếng Pháp? Nếu quí-huynh hỏi thế, tôi lại lấy cái câu của ông Kế-Khoa hôm trước ra mà trả lời : Tôi theo cách « lấy tinh thần Khoa học mà bồi bổ các chế-độ của ta», (vivifier nos institutions par l'esprit de la science), hay nói cho rõ là lấy mẹo-luật tiếng Pháp làm phương-châm để tìm lấy ít nhiều mẹo-luật tiếng ta, chứ không phải dịch mẹo-luật tiếng Pháp vậy.

Trên mới là mấy cái thí-dụ để chỉ rằng ta với người Pháp có cái quan-niệm khác nhau vì tính-cách « định » hay «bất-định» của sự-vật.

Nhưng mấy cái thí-dụ đó chưa đủ. Phải phân biệt từng « ca » như sau này mới rõ được hết cái tương-dị của hai chữ « những » và « các» và của hai chữ « des » và « les ».

1°) Nhân, vật, sự có nghĩa tuyệt-đối. — Không kể những chữ *chỉ dùng về số ít*: Giời, đất, Chúa-Trời, v. v... Các chữ này thì đến chữ « cái » cũng không đứng được ở trên, vì không ai nói : Cái giời, cái đất, cái Chúa-Trời v. v... Nhưng nếu danh-tự dùng được *về số nhiều*, thì ta phải đặt chữ *các* lên trên :

Các sinh-vật, *các* thiên-thần, *các* loài người, *các* danh-gia... Nghĩa là hết thảy *các* sinh-vật, thiên-thần, loài-người, danh-gia... ở trong vũ-trụ, hết thảy các cái gì xứng-đáng các danh-tự đó. Tức là các danh-tự đó dùng vào nghĩa *tuyệt-đối* vậy.

Các danh-tự có cái tính cách như thế, ta chưa hề thấy một danh-sĩ nào lại đặt chữ *những* lên trên.

Xem mấy cái thí-dụ:

1 — Tất cả *các* nước mạnh đều có đủ phi cơ để đánh nhau trên không. (P. V. T. C.)

2 -- Vua Denys l'Ancien cũng muốn thu phục *các* bậc hiền-tài, nhưng lại phải một nết khinh đãi *các* nhà tư-tưởng (Denys l'Ancien s'efforçait d'attirer à sa cour *les* poètes et *les* philosophes. Mais il ne témoignait que peu d'égards *aux* hommes de pensée .— Les Parfums de l'Humanité — Nguyễn-văn-Vĩnh dịch).

Vậy, khi danh-tự dùng vào nghĩa tuyệt-đối và số nhiều, ta phải đặt định-quán-tự số nhiều lên trên, định-quán-tự đó hoặc *đơn* (các) hoặc *kép* (các người, các con, con cái, các sự), tùy theo danh-tự đó.

2°) Nhân, vật, sự thuộc vào một hạng khác mà ta biết nhất định.— Trong ca này, phai dùng chữ *các*.

Ví dụ :

Các nhà của người em tôi.

Các sông núi ở Bắc-kỳ,

Các văn tài ở chốn nghìn năm văn vật.

Các đồng-bào ở Trung, Nam kỳ.

Phần nhiều *các* bậc thức-giả trong thành Corinthe cho việc mưu sát ông Timophane là việc nghĩa (*Les* principaux citoyens de Corinthe approuvaient le meurtre de Timophane — Les Parfums de l'Humanité — Nguyễn-văn-Vĩnh dịch).

Tìm *các* tiếng đồng-âm với *báo*, v. v. . .

Nhưng không cứ phải có những chữ đệm : *của, ở, trong, với...* viết ra như thế mới được.

Ví dụ :

«*Các* tướng tá cảm phục đều hô vạn tuế» (Frappés d'admiration, les cavaliers se mirent à l'acclamer — Les Parfums de l'Humanité — Ng. v. Vĩnh dịch) — Phải hiểu ngầm : *các* tướng tá *của vua Alexandre*.

«Một khi nhân ông cãi giúp cho một đứa bất nhân kia bị cáo, trong *các* thân-hữu, có ông chê là quá đáng...» (Un jour, *ses* amis lui reprochaient de parler ainsi en faveur d'un méchant homme...) Sử-ký thanh hoa — Ng. v. Vĩnh dịch) — Phải hiểu ngầm : *các* thân hữu *của ông*.

3°) Nhân, vật, sự đang nghe ta nói. — Ta muốn nói với một hạng nhân, vật, sự nào, tất phải coi hạng đó như ở trước mắt ta, ta biết rõ từng thứ thì lời ta nói mới có lý. Vậy danh-tự của hạng đó phải theo sau chữ *các*.

Nên nhắc lại cái thí-dụ của ông Phan-Khôi : «Thưa *các* ngài» không khi nào nói là «Thưa *những* ngài».

Gọi một cách khác cũng thế :

«*Các* anh em ơi!

«Bỏ *các* trâu dê lừa ngựa kia!

«Hỡi *các* tâm sự của ta ơi! v. v....

Đã có một câu gọi như thế, thì trong hết thảy các lời nói mà ta muốn họ nghe, ta phải dùng chữ ***các*** trên danh-tự của họ:

«*Các* anh em ôi! Họ buông được lời tục tằn ra trên mặt báo, cũng là tại Xã-hội dong-túng! Thôi, *các* anh em tha thứ cho họ. *Các* anh em phải nghĩ rằng... v. v...»

4°) Nhắc lại nhân, vật, sự vừa kể trên từng thứ một, mà đã kể hết. — Ca này cũng phải dùng chữ *các*.

Ví dụ :

a) «Những ông sau này được trúng cử :

Ông A, ông B, ông C, v. v. (Phải kể cho hết).

Các ông đó đã vào yết kiến quan Tổng-trưởng».

b) «Tôi có một cái nhà ở phố Gia-Long, một cái phố Đồng-khánh, hai cái phố hàng Ngang, ba cái ở phố hàng Nón. *Các* nhà đó tôi đã bán một giá rất dẻ.»

Đó là bốn cái ca, mà *tất nhiên* phải dùng chữ *các* trên danh-tự. Trong bốn ca ấy, nếu nói sang tiếng Pháp đều phải dùng chữ *les* : article défini, pluriel. (*Còn nữa*)

Nguyễn-cát-Ngạc

ESPERANTO

MƯỜI BÀI HỌC CỦA KẺ CHỈ BIẾT QUỐC-VĂN

Lời nói đầu

Sách hay không cần phải tựa, nhưng đây là một cái tiếng mới ở Đông-pháp nên cũng cần ít lời nói đầu. — Một người bạn tôi đã viết một bài trường-thuật ở báo nầy số 43 thì quý độc-giả cũng thừa rõ sự ích-lợi của T.G.N. — Ngôn-ngữ bất đồng, nhân-loại bất hiệp. — Cái thuyết « Tứ hải chi nội giai huynh đệ giã » mà không có đồng ngôn ngữ tưởng e cũng còn ở trong vòng mộng-ảo thôi ! —

Đồng-bào ta nên bỏ chút thì-giờ mà học nửa tháng *Một trang* nầy, trong ngót *nam tháng* thì đã viết được, xem được, nói được, hiểu được thứ tiếng ích-lợi nầy. Tri-thức nhờ học rộng xem nhiều mà mở-mang mà liên-hiệp với cả nhân-loại, thì sự tấn-hóa kết-qnả càng mỹ-mãn, khỏi nỗi u-ám vì bả cặn văn-minh.

Ông Tolstoï nói : « Công học T.G. N. thậm ít mà kết-quả rất nhiều khiến người vô-tình cũng phải vui lòng học-tập. »

Riêng cho những kẻ học-sinh thì học T. G. N. lại dễ học tiếng Pháp.—

Ông Corcos (Ligue des droits de l'homme) nói :

« Ngh'ĩ đến thì-giờ bỏ phí để học Ăng-le, I-pha-nho, Í-đại-lợi, La-tinh v v... thì tôi căm-tức vô-cùng, tôi chỉ bỏ một ít thì-giờ mà học Esperanto thì ra Thế-giới mở toang cửa rộng trước con người tôi vậy. »

Viết các ý-kiến thì không bao giờ cho hết. Có thơ vịnh T. G. N. sau nầy :

Thế-Giới-Ngữ rất là dễ học,
Có chi chăm vài tháng đã tinh !
Vần A B nhứt tự nhứt thanh,
Điệu làm văn mỗi câu mỗi luật.
Hợp nhân-loại ác tâm trừ khuất,
Bình ngữ ngôn liên-hiệp xuất dương.
Dân chăm học, nước tức hương,
Người chăm học ắt thương giống nòi.
Ai ơi ! học lấy kẻo hoài ! ! !

N.B. Vần A B, mỗi chữ đọc một cách nhất định và điệu làm văn có 16 câu nhất định không thêm giảm.— *Sách này dạy đã nhiều người kết-quả rất mỹ-mãn. — Vậy xin kính hiến đồng-bào.*

Ai muốn hỏi gì xin đính tem để giả lời.

H. B. Dưỡng
Hanoi

Bài đầu

Vần A B (chữ cái) có 2 thứ chữ. *cách đọc nhất-định, khi nào cũng phải đọc cả* (không có câm điếc như Pháp, Ăng-lê v v...)

1) Một thứ đọc như Quốc-văn : A. B. G. H. I. L. M. N. R. T. U. V.

2) Một thứ đọc khác Quốc-văn (nên học kỹ, ví-dụ thi nhớ, không cần học chữ. —)

C đọc tx ví dụ Cimo, tờ-xi-mô : con rệp (1)
D — đ v. d. Du, đu : Hai
E — ê — velo, vê-lô : cái buồm ghe
F — ph — fali, pha-li : ngã, bỗ
K — C — koko, cô-cô : con gà trống
O — Ô — lito, li-tô : cái giường nằm
P — b(nặng giọng)—pano, pa-nô : bánh tây (mì)
S — X — salo, xa-lô : muối
Z — dz — Zinko, dzincô : kẽm

(Những chữ sau này có giấu mũ ^ trên đầu song vì nhà in ta không có nên tạm dùng giấu ' Học xin chữa lại cho rõ-ràng. Từ rày về sau vẫn dùng thế)

C' đọc ts. vd. c'aro. tờ-sa-rô : xe bò (1)
G' — đj (j tây như r không rung lưỡi) v. d. nag'i, na-đờ-ji : lội bơi (1)
J' — j — j'eti, jê-ti : quăn, vắt.
S' đọc s, v d. s'afo, sa-phô : con cừu,
H' — h (nặng giọng) h'emio, hhê-mi-ô : hóa-học,

Chữ h' này ít có lắm và có lẽ rồi bỏ, k thế vào. — (1) Những tiếng tờ, đờ đọc nhẹ nhẹ, thoảng qua thôi. —

Vần xuôi :

Hễ ghép a. i, u, e, o thì đọc được như quốc-văn vậy. Nếu hai chữ phụ-âm gặp nhau chữ trước đọc như có « ờ » mà nhẹ thoảng qua thôi ví dụ libro đọc li-bờ (nhẹ nhẹ) rô (sách học)

Vần trắc :

Aj đọc ay v.d. kaj, cay : với, mấy
Ej — ây — ejo, ây-ô : chỗ, nơi
Oj — ôi — fojno, fôi-nô : rạ, rơm
Uj — ui — tuj, tui ngay, liền
Ja — i-gia — jam, i-giaim : rồi đã
Je — i-giê — jesi, i-giê-xi : nói vâng
Jo — i-giô — jonko, i-gion-cô : ghe
Ju — i-giu — juna, i-giu-na : trẻ

Au' eu' (trên chữ u có giấu á (˘) đọc au, êu v d. nau' nau : 9 ; — eu'-ropo, êu-rô-po : Âu-châu.

Ngoài mười vần trắc nầy thì không có vần nào nữa nếu gặp ao, oa, ai, oe, ii, ui v v... thì mỗi chữ riêng nhau, v d : boao, bô-a-ô (con trăn).

Cách đọc tiếng một : Chữ nào cũng phải đọc, gộp cả mấy chữ là 1 tiếng. Vậy 1 tiếng có 1, 2, 3 v. v. âm

Âm trước âm chót phải đọc to hơn cả v. d : eu'ropo, *rô* phải to hơn êu và pô. —

14 ngày mới xong một bài như thế nầy tưởng cũng quá « ăn chơi », vậy xin học thêm một ít tiếng một để mà dùng — Những tiếng sau nầy do Hàn-lâm-viện T.G.N. và hội-đồng kỹ-sư đã duyệt y khuyên học. — Tiếng đóng lại là tiếng Pháp. —

Abelo (abeille) con ong

Abio (sapin) cây tủng
Aboni (s'abonner) mua báo có hạn
ac'eti (acheter) mua
adiau' (adieu) xin vĩnh biệt
admiri (admirer) ngắm mà say
adepto (adepte) đạt nhơn
adori (adorer) thờ phụng
advokato (avocat) trạng-sư
aero (air) không-khí
Balai (balayer) quét nhà
balbuti (bégayer) nói lặp-cặp
baleno (baleine) cá voi
baloti (voter) bầu cử
bambuo (bambou) tre
banko (banque) ngân hàng
barbo (barbe) râu cằm
beko (bec) mỏ chim
bela (beau) đẹp
benko (banc) ghế dài
cedi (ceder) nhường
centimetro (cm) phân tây
centro (centre) trung tâm
cenzuri (censurer) kiểm duyệt
cervo (cerf) con nai
cifero (chiffre) chữ số
cigaro (cigare) điếu thuốc xì-gà
cigaredo (cigarette) — — nhỏ
C'agreni (chagriner) phiền não
c'ambro (chambre) phòng, buồng
c'apelo (chapeau) mũ đội
c'arniro (charnière) bản lề (khóa)
c'asi (chasser) đi săn bắn
c'asta (chaste) tinh-khiết
c'emizo (chemise) áo lót mình
C'eno (chaîne) giây chuyền xúc xích
C'erko (cercueil) cái hòm, quan tài
C'erpi (puiser) múc nước giếng
C'esi (cesser) thôi
C'evalo (cheval) con ngựa. —

Lời dặn. — Mỗi ngày, chép ra một quyển sổ tay nhỏ 5 tiếng, học cho thật thuộc 8 ngày là hết (40) Học thì phải đọc to cho quen. nhất là người có tuổi, chớ sợ ai dài lưỡi.

Chí đã quyết, ta nên chăm học,
Mặc người ngu trêu giọc ghẹo ngang !
Học xem ai đất. ai vàng !

* * *

Vì lắm kẻ học với tôi đã giỏi rồi than phiền không có sách đọc, tôi xin nhắc lại rằng : Nhà sách Librairie centrale Esperantiste 11 Rue de Sèvre Paris có đủ cả. Từ rày về sau sẽ đăng mỗi kỳ vài bài bằng T. G. N. để quý-bạn đồng lầm, kẻ chưa thạo sau này cũng cần đến. —

La verda stelo (Ngôi sao lục, bảo hiệu của người dùng T. G. N. đeo ở khuy áo).

La bela verda stelo
Kviete brilas jen
G'i estas alta celo
Allogas nin . . . . . kien ?

* * *

Steleto, kara mia,
Kion do volas vi ?
La brila lumo via,
Kion alportas g'i ?

* * *

La stelo, bela, klara
Mallau'te diris g'i :
Mi petas, mia kara,
La fratojn amu vie. —
Marie Hankel (Heroldo)

Đại-ý : Ngôi sao lục là một vật trước mắt nó xui dục ta thương nhau « tứ hải chi nội dai huynh đệ giã. »

Parizo, thành Pha-lê

Memoru mia koro, memoru pri Parizo,
Pri pasigitaj tagoj en tiu paradizo,
Pri Seino verda brila en sunsubira lumo,
Pri kanto de l'Urbego, pri tiu milda zumo.
Pri milda, ol la kanto de l'birdoj kaj l'maro.
Vespere tiu voc'o murmuras en domaro,
Rulig'as en aero vibranta de homspiroj,
G'i estas de la kisoj, deziroj, kaj sopiroj,
Ardanta kunfluado, loganta sinfonio,
Melankolia bruo, kaptanta harmonio.

J. Richepin — Carlo Bourlet
dịch (Movado)

Đại-ý : nên vọng-tưởng thành Phale, nơi thắng cảnh dộn nhịp. — (Bài này nguyên văn tiếng pháp).

Infaneto, por vi, vi laboras !

(Cậu bé ơi, cậu học cho cậu !)

Infaneto, mia kara, vi aliras lernejon por klerig'i. por ke, estontatempe, vi estu felic'a. Por vi do, vi laboras, Laborante por vi, vi kontentigas ne nur viajn gepatrojn, kaj vian parencaron sed ankorau' vian tutan sampatrujanaron ! Vi provas do ke vi dankemas viajn gepatrojn, vian parencaron, kaj vian patrujon !

Ông Cự-phú có khi phải đi vay

Nhà triệu-phú Rockefeller ốm nặng, lúc khỏi có tiếp khách tại biệt-thự của cô con gái. Trong tám qui-khách, có một ông phóng-viên nhà báo. Nhà báo liền phỏng-vấn :

— Thưa ngài, ngài đã mạnh?

Nhà triệu-phú trả lời :

— Dạ, chưa lấy gì làm mạnh cho lắm... cũng như tình-hình kinh-tế hiện-thời.

— Ngài hẳn lấy làm rầu lòng... vì..?

— Dạ, cũng không lấy gì làm rầu lòng, vì tôi có ốm, tôi mới biết hưởng cái hạnh-phúc những khi còn khỏe-mạnh. Thưa ngài, «những khi ta xung-xướng mà ta nghĩ lại lúc khốn-khổ vừa qua thì ta lại càng xung-xướng lắm». Ngài nên biết câu vừa rồi tôi... mượn của Lamartine (1).

Nhà báo phì cười :

— Bây giờ tôi mới thấy một ông triệu-phú đi vay... vay Lamartine là một.



(1) Câu này của Musset chứ không phải của Lamartine.

Laborante ankorau' por vi, c'iam por vi, vi ne estos malutila por la Homaro, male vi povos g'in servi, vi provas do vian dankemon al g'i.

Unuvorte, laborante por vi, vi plenumas viajn tri devojn : devo de bona filo, de bona s'tatano. de bona Homo. —

Laboru do, infaneto, mia kara amiko.

Thiên-Hương

Đại ý : Học để được thông thái sung sướng (ích cho mình) cha mẹ, bà con đồng bào được vui lòng, ấy là tỏ hiếu, thảo, trung. Học đã ích cho mình, làm mình khỏi là sâu mọt xã-hội, làm mình ích cho xã hội, ấy là trả nợ cho xã hội. Học ích cho mình mà trọn hiếu-thảo trung nghĩa. Gắng học đi cậu bé bạn tôi ơi !

H. B. Dưỡng

PHỤ-NỮ

PHỤ-NỮ NHẬT VỚI VẤN-ĐỀ MÃI-DÂM

Sự mãi-dâm đã nêu trong dư-luận thế-giới một vấn-đề rất quan-trọng. Nước ta tuy các sự phong-lưu phù-phiếm không được như các nước người, song ít lâu nay các nhà ngôn-luận, mà nhất là trong phái phụ-nữ có đôi chút học-thức, đã thấy hao giấy tốn mực về vấn-đề mãi-dâm. Thậm-chí đã có người phải lớn tiếng kêu cái tỉnh Hà-nội là *Hànoi—Sodome*, ví cái kinh-thành đỏ xứ Bắc như một nơi dong dài đàng-điếm (1). Tôi tuy ưa lạc-quan, song đem đến như tình-thế sự mãi-dâm ngày nay, cũng phải cho câu Hanoi—Sodome là không quá-đáng. Nếu không tin, các ngài hãy ra chơi phố, chơi dong phố một đêm thôi, các ngài sẽ thấy cái phong-vị của thành Sodome xứ Bắc. Đây là một « cái phòng cho thuê », các ngài chỉ ra hiệu là tụi bồi « săm » răm rắp đi gọi « mèo » cho ngài. Bước vào rạp hát, đi qua các phố « hàng lơ » (2), ... mà nếu các ngài có chịu khó qua cái chốn « Bạch-Kiều » (3), các ngài sẽ thấy hàng nghìn con người mà tụi phu xe hay công-tử-bột thường gọi là « cảnh sộp ».

* * *

Cái « phong-vị » cay đắng đó, ta lại tìm thấy nó ở nước Nhật, mà nhất là ở trong thành Đông Kinh. Thế-giới đã có ba cái « khoái » : ăn cơm Tàu, ngủ giường Tây, lấy vợ Nhật. Người đàn-bà Nhật mềm mỏng dịu dàng như bông hoa hồng trong vườn Đông-Kinh bách-thảo, người đàn-bà Nhật kín đáo nhẹ nhàng như cái áo Kimono quấn ép cái thân con cháu Thiên-hoàng, nói tóm lại người đàn-bà Nhật là biểu-hiệu tất cả các vẻ đẹp của một người con gái Đông-phương mới tỉnh giấc.

Cái đẹp của nước Nhật, cái mới của nước Nhật, cái « sướng » ở nước Nhật, cái « hay » ở nước Nhật... từng ấy cái « khoái » đã xô-đẩy có đến mấy vạn người ngoại-quốc hàng năm tới đất Nhật. Mà chỉ có hạng nhiều xu mới sống nổi ở đất Nhật, nên cuộc « phong-lưu-trận » ở Nhật-Bản đã thành một câu tục-ngữ.

Tối đến, khách chơi phố thường thấy dưới cột đèn, cạnh nhà hát, hay ở trước các ca-lâu tửu-điếm, lũ lượt từng «com-ba-nhi» «cảnh sộp». Ngài có đứng dừng lại nhìn cái chương-trình rạp hát hay rạp chớp bóng dán ở đầu đường thì tụi lâu-la đó đã lại kéo áo ngài, ghé tai ngài, nói nhỏ với ngài một câu dáo hoảnh: « *Thôi chúng ta ... đi chứ !* ». Nếu ngài có cái tính tò mò mà «đi », thì bọn họ sẽ kéo ngài « lên giời » nghĩa là bọn họ đưa ngài tới rạp « The passinger », tới các ngõ cụt (impasses) mà bọn phong-lưu công-tử ngoại-quốc vẫn gọi là « *cõi Nát-Bàn của tụi đi nhặt mẩu si-gà* » (le nirvâna des mégotiers) (4). Ngài là triệu-phú, mời ngài vào các phòng tắm do hạng người nửa làm bồi (5) nửa chơi điếm hầu-hạ các ngài : nếu ngài tắm « suông » thì ngài trả từ mười đến trăm nhật-kim (tùy từng hạng sang, hèn), nếu ngài « tò mò » thì xin ngài giốc cả túi tiền, dầu ngài có sẵn hàng nghìn trong « bót-tầm-phơ ». Cái lối « *Thôi chúng ta đi chứ* » thì Thượng-Hải, Hàng-Châu, Nửu-Ước... đâu cũng có, còn cái lối « phòng tắm » thì chỉ riêng có nước Nhật là khoản-ứng được các ngài... khoản-ứng các ngài một cách thật « quí-phái ».

Tuy ở Nhật không có cái thú đi ngắm các bộ chân nõn nà như ở rạp Folies Bergères hay ở các rạp Music-hall, nhưng nếu, cạnh bàn ăn trong các tửu-điếm, một cô gái điếm người Nhật vén cái tay áo thùng thình lên mà để cho khách ngồi đó « nuốt » cánh tay ngà ngọc của cô, thì tôi thiết tưởng cái giá chỗ ngồi trong Folies-Bergères cũng không đắt bằng cái giá tiền ngài phải quẳng ra lúc bấy giờ. « Vạch cánh tay áo » cũng là một nghề rất mới mà chỉ riêng nước Nhật có.

Ở Pháp có Bois-de-Boulogne, ở Nhật có đến hàng trăm Bois-de-Boulogne. Nước Nhật vốn nổi tiếng về nghề trồng cây, trồng hoa, nên có nhiều rừng nhỏ đẹp bằng trăm cái rừng Boulogne của nước Pháp. Chiều đến, nam-thanh nữ-tú kéo nhau vào trong các khu rừng đó để « hi-sinh » với thần Vệ-nữ.

Cuộc phong-lưu-trận đó kể ra thì còn nhiều thứ lạ, song từng ấy cũng đủ tả cái phong-trào mãi-dâm ở nước Nhật ra sao rồi. Bây giờ tôi mới nói đến cái hại.

Trước hết ta hãy xem cái « lợi » nó ra sao đã. Năm 1928, nước Nhật thu được 589.000 Nhật-kim. Năm 1930, số thuế đó tăng lên gấp bốn : 2.675.089 Nhật-kim ! Rồi mấy năm khủng-hoảng, cái số làm điếm có thuế tăng vọt lên, số tiền không biết thu vào đến bao nhiêu ! Làm đĩ mà cho chính-phủ từng ấy tiền đó.

Còn cái hại, bất-tất phải nói, thì chắc các ngài cũng đoán được cái

---

(1) *Hanoi-Sodome* : câu này của một bạn đã từng viết trong Phổ-Thông vào khoảng năm 1930.

(2) *Phố hàng lơ* : tiếng riêng của bọn chơi điếm dùng để gọi các phố có thanh-lâu.

(3) *Bạch-kiều* : tức là Cống trắng ở dưới khâm-thiên. Nhân-tiện tôi xin kể một cái khóe của mấy ông « lên giời » mà lại hay trốn vợ : nếu các ông có nợ chầu hát nào ở xóm dưới, các ông gửi tiền bạn xuống trả hộ, các ông ngâm mấy câu thơ sau này :

Có ai qua lối Bạch-kiều,
Xin nhờ gửi nhắn ít nhiều bi-ai.

Nguyên văn câu thơ đó là của Cao-bá-Nhạ.

Có ai qua lối Hoạn-kiều,
Xin nhờ gửi nhắn ít nhiều bi-ai,
Tình Kiều-tử hôm mai đăng đẵng...

(4) Tiếng *mégotiers* không những là chỉ riêng những người đi nhặt mẩu thuốc lá đã vứt đi, tiếng đó còn dùng để gọi các tay dãng-tử mà ít xu.

(5) Đáng nhẽ là tiếng geurl, song ta quen gọi bồi (boy), nên phải dùng chữ « bồi » cho quen tai (tôi vẫn sợ cái thuyết đính-chính).

hại đó, to-tát thế nào rồi. Tôi chỉ hiến các ngài một con số, các ngài đủ hiểu chỗ quan-trọng của cái hại đó.

Năm 1930, nước Nhật tiêu-thụ mất: 729. 560 nhật-kim về các thuốc bài-trừ « bệnh tình »

Một người đàn-bà Nhật viết trong một tờ tạp-chí, nhân bình-phẩm về cuốn « *L'égoïsme, seule base de la société* » của ông Félix le Danre, có nói rằng: « Bất tất phải nói tới cái giá-trị của cuốn triết-học đó. Ta xem ngay như nước ta (nước Nhật) thì đủ rõ cái tính vị-kỷ của người đời là thế nào rồi: thứ nhất là cái tính ích-kỷ của mấy người cầm vận-mệnh nước nhà trong tay;... họ để vào « két » hơn bầy triệu nhật-kim về tiền thuế của bọn chơi điếm, họ thí cho hơn sáu vạn người khốn-nạn chưa đầy một triệu để phòng bệnh hoa-liễu . . .» Bà ta kết bài đó bằng một câu đau-đớn rằng: «Tôi cũng biết mà: *Họ là đàn-ông!*»

. . . Có một ông người Nhật, bình-phẩm bài của bà đó, viết:

« Bà này chỉ biết nói tới cái đầu-đề của cuốn sách đó (L'égoïsme, seule base de la société) thôi »

Xem đó thì biết người đàn-ông ích-kỷ đến thế nào.

. . .

Phụ-nữ Nhật cũng đã rõ tình-thế đã lâu rồi. Song vì họ không có thế-lực gì nên trong mấy năm đành ngồi bó gối thở dài. Một năm, tôi không nhớ là năm nào, đàn-bà Nhật quyết xin ra ứng-cử và bầu phiếu nghị-viên. Họ thả những quả bóng bơm bằng hơi nhẹ cho bay khắp thành Đông-kinh có đến hàng vạn quả, quả nào cũng có đề mấy câu: *cho chúng tôi đầu phiếu, cho chúng tôi ứng-cử*. Nhân đó, một phóng-viên có đến phỏng-vấn một bà hăng-hái nhất trong bọn đó, và hỏi bà lúc bà ra nghị-viện thì bà thỉnh-cầu điều gì. Bà đáp:

« Tôi xin bỏ sự mãi-dâm ».

* * *

Về sau, xem phụ-nữ không có thế-lực gì trong trường chính-trị, mấy bà có tâm-huyết quyết xin phép mở *Phụ-nữ toàn-quốc hội-nghị* (Etats généraux des femmes). Hội nghị nhóm lần đầu, nên cái vấn-đề mãi-dâm lên trước tiên, rồi sau mới bàn tới vấn-đề khác.

Kết-quả: các bà bàn nên lập một hội gọi là Phụ-nữ quốc-phòng, mục-đích là trừ tiệt hay làm bớt sự mãi-dâm trong nước.

. . .

Hội *Phụ-nữ quốc-phòng* (natahi-karaijhi) cũng như các hội khác, có chia ra một ban trị-sự và một tiểu-ban. Tiểu-ban làm như một đội quân nữ-tử, chia làm hai phần-bộ:

1° Ban cổ-động, và

2° Ban cảnh-sát.

Ban cổ-động toàn là nữ-sinh-viên các trường cao-đẳng và các bà có tai mắt trong nước, công-việc là đi khắp tửu-điếm, ca-lâu diễn-thuyết về vấn-đề mãi-dâm, khuyên-bảo các gái giang-hồ cải-tà qui-chánh.

Còn ban cảnh-sát, phần nhiều là hạng người đã trải qua cái vòng hoa-nguyệt, nói tóm lại là hạng người bất-đắc-chí, chuyên sục-sạo các nơi ngõ liễu tường hoa, ngăn-cản các con nhà tử-tế sắp bước vào đường tình-dục.

Đội quân cảm-tử đó càng ngày càng đông, lấy chủ-nghĩa *quốc-phòng* làm mục-đích. Cái hại của sự mãi-dâm là cái hại to có ảnh hưởng tới vận-mệnh toàn-quốc, nên hội mới lấy cái danh-từ *quốc-phòng* mà đặt tên cho đội quân cảm-tử đó.

Trong một năm 1931, hội đã làm nhiều việc đáng ghi. Tuy từng ấy hòn đá của bà Nữ-Oa không vá được cái bầu giời ảm-đạm, song tưởng cũng là một giọt nước trong bãi sa-mạc, một sự-nghiệp đáng gọi là vĩ-đại.

* * *

Còn cái tỉnh Hanoi—Sodome của ta thì sao? Đội quân quốc-phòng của ta đâu?

Theo cái ý mọn của tôi thì cái hội *Phụ-nữ quốc-phòng* cũng đáng cho phụ-nữ nước nhà để ý tới.

Thu-Tùng

TIN VẮN

NƯỚC NHÀ

— Hơn 240 dân-phu (có báo đăng : 1200) người Bắc làm tại Phú-Quốc, phải đi bộ lần về quê-hương vì không có việc làm. Tình-cảnh bơ-vơ ! Các ngài, thương lấy kẻ đồng-hương.

— Nguyễn-trí-Phác can về vụ ám-sá-Khuyến ở Đáp-cầu phải tòa Nam-án Bắc Ninh kết án tử-hình.

Phạm-Hữu-Hoán, đồng-phạm, khổ sai chung-thân.

Một người 20 năm khổ-sai, một người 15 năm, một người 10 năm. Còn tội đồ 5 người, trắng-án 13 người. Án tuyên xong, cô ả Nguyễn-thị-Nền đệ đơn xin thưởng vì đã kêu cho tuần-phiên biết mà bắt hung-thủ

XIÊM

— Vua Xiêm công-nhận mọi điều-kiện của Chính-phủ tạm-thời, chính-thể nước Xiêm sẽ hoàn-toàn là một chính-thể quân-chủ lập-hiến.

PHÁP

— Ông Paul Reynaud, nguyên tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, được cử làm Nguyên-lão nghị-viên thay ông Maurice Sarraut (quận Aude)

ĐỨC

— Đến kỳ bầu-cử nghị-viên này, đảng Xã-hội và Cộng sản sẽ cho cả vào một sổ chung, hai đảng đó sẽ hoàn-toàn hợp-nhất

NƯỚC NHÀ

Nguyễn-ái-Quốc, mới đây tạ-thế trong bệnh-viện một nhà ngục của Anh tại Hong-kong. Ái-quốc mất vì bịnh lao.

— 2, 3 Juillet. Bà con nên nhớ đến dự cuộc chợ-phiên ở Khai-trí Tiến-đức, vừa mua vui, vừa giúp bát cơm cho anh em nạn dân Trung-kỳ.

TIN BUỒN

Bản-chí vừa được tin buồn rằng:

Cụ Vũ Huy-Kỳ

thân sinh ra các ông Vũ-Cầu, chủ hiệu Cự-Xuân, Vũ-Tấn, thư-ký sở Kho-bạc, vừa tạ-thế tại số nhà 100, phố Bắc-ninh, Hanoi. Tang-lễ đã cử hành sáng hôm nay về quý-quán ở làng Cự-đà (Hà-đông),

Bản-chí xin có lời trân-trọng chia buồn cùng ông Cầu và ông Tấn.

MỸ-THUẬT VÀ ĐỒ CỔ CỦA TÀU

(Tiếp theo)

Ngọc Thạch

Người Tầu cho ngọc là một vật quí nhất trong các bảo thạch, vừa rắn, vừa trong, vừa bóng, vừa đẹp, có đủ các sắc, khác gì tinh tuỷ của tạo-hóa. Tục truyền rằng thần phong-vũ lấy ở cầu vồng trên trời mà gieo xuống đất để làm của châu báu cho loài người. Ngọc lại là một món thực-phẩm của môn-đồ đạo Lão, có chất thiêng liêng trị được nhiều bệnh.

Trong sách cổ của Tầu có nói ngọc trị được những bệnh: hiếm-hoi không sinh đẻ, đau dạ dầy, đau phổi, đau tim, đau ruột và các chứng bệnh của đàn-bà. Ngọc lại có chất làm cho khỏe gân cốt, an thần, sinh cơ nhục, thông huyết mạch.

Ngọc có những sắc này : đẹn nhờ nhờ, đen nhánh, trắng như mỡ, trắng như sữa, trắng như ngà, lục non, lục thẫm, lục thiên thanh, lục cát châu, lục chàm, vàng nhạt, vàng thẫm, vàng như nghệ, vàng điểm hồng, vàng da cam, đỏ mào gà, đỏ như son, đỏ như gấc, xanh tươi, xanh pha đen, xanh nguyệt bạch, tía điểm lục, sám mùi do, nâu già, nâu non.

Các sắc ngọc, người Tầu quí nhất là những sắc này : trắng như tuyết, xanh như cánh trả, vàng như sáp ong, đỏ thẫm và đen như mực ; vài thứ ngọc hiếm nữa là ngọc sắc mỡ cừu điểm đỏ và xanh tươi điểm vàng ; hai hạng ngọc ấy đắt tiền lắm.

Từ thượng-cổ các vua chúa bên Tàu dùng nhiều ngọc lắm ; các chư-hầu đem cống tiến cũng nhiều.

Ngọc vì rắn lắm cho nên người thợ làm phải dụng công, phải chịu khó mài dũa cho trơn bóng, nhiều khi chạm một cái đồ bằng ngọc phải mất năm, sáu trăm công.

Người thợ trước khi mài dũa phải lựa hình thể miếng ngọc theo ráng tự-nhiên mà làm thành một vật quí.

Các đồ dùng để mài, dũa, khoan, đều có mũi bằng kim-cương mới làm được ; khi đã phác thành hình một cái đồ rồi, phải sửa-sang mãi và đánh cho thật bóng.

Người Tàu cho ngọc là một vật có tinh-thần, có cảm-giác, cho nên đời cổ làm nhiều đồ thờ bằng ngọc.

Theo như tư-tưởng người Tàu, ngọc lại có chất mầu-nhiệm, thâm-thúy. Ông Tử-Cống có hỏi đức Khổng-Tử rằng : « Tại làm sao người hiền-nhân quân-tử lại thích ngọc mà không ưa đá hoa ; vì ngọc hiếm mà đá hoa nhiều hay sao ? — Đức Khổng-Tử dạy rằng : Không phải là đá hoa nhiều mà không có giá, không phải là ngọc ít mà quí hơn ; là vì từ đời xưa những bực hiền-nhân vẫn ví cái nết hay như ngọc. Sự bóng-bẩy của ngọc khác gì tinh-thần của người ta ; sự bền rắn của ngọc khác gì sự thông-minh vững-vàng của loài người ; những cạnh miếng ngọc trông sắc như dao mà không nỡ cắt ai ; ấy chỉ sự công-bằng ; những hạt ngọc đính trên mũ hay đeo ở thắt lưng ấy chỉ sự lễ-nghi ; cái tiếng kêu thanh thanh của ngọc, ấy là âm nhạc đấy ; cái sắc long-lanh của ngọc, ấy là sự rực-rỡ của trời, mà ngọc lấy ở trên núi, đáy sông, ấy là sự sinh-hoạt của đất. Bởi những lẽ ấy mà người hiền-nhân chuộng ngọc.

Những đồ thờ và đồ trang Pháp làm bằng ngọc thường chia ra làm hai hạng : một hạng dùng về việc lễ-nghi ; một hạng dùng về triều phục để phân chức tước.

Những đồ thờ có bát ngọc, bình ngọc và đồ âm nhạc : Mỗi bộ có mười sáu miếng đeo bằng giây lụa buộc vào khung gỗ, khi đánh thì lấy cái dùi bằng gỗ mun gõ vào thành điệu chầm cầm.

Những đồ ngọc về triều-phục thì phân-ra từng kiểu, từng hạng để phân biệt quyền chức cao thấp. Hồi sáu trăm năm trước Gia-Tô, vua Tàu có đội cái mũ đính mười hai miếng ngọc, ngang lưng đeo một cái đai đính toàn bằng ngọc trắng. Lại tùy những lúc hoặc vua ra ngự hay vua tế lễ đeo mỗi thứ ngọc khác nhau.

Khi tế thiên-địa và tứ-phương vua Tàu dùng những đồ thờ bằng ngọc theo từng sắc từng kiểu riêng : Như tế thiên, thì dùng ngọc thiên thanh hình tròn ; tế địa ngọc vàng hình bát giác, tế phương đông, dùng ngọc xanh hình dài đầu nhọn, phương nam, ngọc đỏ hình cũng thế mà bé hơn, phương tây, ngọc trắng hình con hổ ; phương bắc, ngọc đen hình bán nguyệt.

Khi vua tế về vị nào thì đeo ngọc theo sắc ngọc thờ vị ấy, và đồ tơ lụa phủ các tế-vật cũng phải sắc ấy.

Đời nhà Chu đã có một ông quan coi riêng về kho ngọc nhà vua. Các quan khi mặc triều-phục có đeo đai lụa hoặc đai gia có những miếng ngọc đính vào. Ở giây lưng và giải áo cũng có những miếng ngọc đính lẫn với những miếng chạm bằng vàng bạc đeo lõng-thõng gần đến gót chân. Những lúc cử động vàng, bạc, ngọc, đụng chạm lẫn nhau thành tiếng kêu lảng-sảng như âm-nhạc. Trong sách có dặn các quan nên tập đi cho những miếng ngọc ấy kêu lên mới là long-trọng. Trong những khi vua hay các quan tế lễ có cầm hốt ngọc để định tâm thần. Hốt của vua thì hai đầu đều vuông chỉ nghĩa thăng bằng chính-trực trong khi trị vì thiên-hạ ; hốt các quan thì đầu trên hoặc tròn hoặc nhọn để chỉ sự phục-tòng nhà vua.

Các hoàng-hậu, công-chúa cùng cung-phi có cái trâm ngọc trên đầu, khuy ngọc ở áo để phân thứ tự ; hình dáng và lối chạm khác nhau.

Ấy ngọc đời xưa quý giá là thế, lại vì một sự hào-hoa phong-phú trong đời cổ giả mà làm cho ngọc lại có nhiều vẻ nên thơ nên hoạ.

Vào quãng thế-kỷ thứ sáu sau Gia-Tô, nước Tàu bấy giờ như hình đã chán-nản cuộc đời vì hơn một nghìn năm về trước bao phen chìm nổi, thịnh thịnh suy suy, tinh-thần đã mỏi mệt, lòng người không ham mê gì đến quyền cao chức trọng cho lắm nữa, coi đời như giấc chiêm-bao, chóng qua chóng nát, chẳng bao lâu hoá ra gió bụi. Âu là, chơi cho phỉ chí tang bồng, non xanh nước biếc bạn cùng trăng hoa.

Bực thượng-lưu bấy giờ nghĩ mình cũng chả có ích gì cho xã-hội, mà cũng chẳng hy-vọng gì nữa, nên ngày đêm chỉ miệt-mài trong cuộc truy-hoan, lấy cấu thơ chén rượu để tiêu sầu khiển muộn.

Cho nên đời nhà Đường, ông Lý-Thái-Bạch cũng nhân những cái cảnh ấy mà làm ra những thơ tuyệt riệu.

Trong lầu cao gác tía kia, trang-hoàng những đồ châu báu, nào người thi-sĩ nào kẻ tài hoa cùng nhau họp mặt vui vầy tay cầm chén rượu, miệng đọc câu thơ, cùng nhau nhả ngọc phun châu, đua tài đấu trí. Khi ấy chưa có đồ sứ, đều dùng chén ngọc, bình ngọc mà thi lễ. Nào rượu sen, nào rượu cúc, nào hương trầm bay ngào-ngạt. Cho nên có câu thơ :

Mùi hoa thấm đến ngọc này,
Làm cho thu tửu, uống say nồng-nàn.

Những ống bút, nghiên mực, lư nương, con dấu, bình hoa cùng các đồ bầy chơi đều bằng ngọc cả. Sự bóng-bẩy, sự khéo, sự đẹp của ngọc đã đành, lại tay cầm đến thấy mát-mẻ làm cho có một cái thích riêng không tả cho hết được.

Đời nhà Đường là thế-kỷ thứ bẩy sau Gia-Tô, cái cách chơi-bời thành-tao phong-nhã ấy càng ngày càng thịnh làm cho các đồ xảo nghệ khác cũng được tấn-tới thêm lên.

Ngọc quí giá như thế, vừa vui mắt, vui tinh-thần, những thợ khéo chế ra nhiều kiểu lạ, chạm kỹ, nào đồ nữ-trang, đồ để làm kỷ-niệm trao lẫn cho nhau. (*Còn nữa*)

Trần-văn-Kỷ
Kỹ-sư

KHOA-HỌC

Mặt-trăng và bể Đại-tây

Theo như định-ý của Laplace thì các vì sao thất-chính (planètes) như trái đất, mặt trăng... là các khối lửa ở các tinh-tú (astres) như mặt-trời bắn ra : cái vòng lửa xoay chung quanh mặt-trời dần dần nguội đi làm thành một khối-chất to ; khối-chất đó cứ lần theo vết vòng lửa cũ mà chạy quanh mặt-trời, cũng như trái đất chạy quanh mặt-trời vậy. Thổ-tinh (Saturne) ngày nay cũng như mặt-trời ngày xưa, vì Thổ-tinh là một khối lửa tròn chung quanh có cái vòng lửa bao bọc ; lâu ngày cái vòng lửa của Thổ-tinh sẽ biến thành sao thất-chính chạy quanh khối lửa tròn. Các ngôi sao thất-chính chạy quanh đó ta gọi là sá-tinh (do chữ tầu dịnh ở chữ satellite).

Tuy-nhiên cuộc biến-thiên thứ nhất đó còn có một cuộc biến-thiên thứ hai nữa : sau khi ngôi sao thất-chính đã thành-hợp thì đầu tiên chung quanh ngôi sao đó cũng có một cái vòng lửa ; cái vòng lửa đó dần dần hợp thành một ngôi sao thất-chính thứ hai nữa, tức như mặt trăng do ở trái-đất mà ra ; mặt trăng là một ngôi sao thất-chính đối với trái-đất, cũng như trái-đất là một ngôi sao thất-chính của mặt-trời vậy.

Đến ngày nay, người ta cũng chưa biết đích nguyên-do phát-sinh của mặt trăng ở đâu mà ra ; người ta còn ngờ cái định-ý của Laplace lắm, cho nên có lắm nhà thiên-văn như các ông R. Staub và L. Kober còn cho cái vòng lửa chạy quanh trái đất thủa trước là không có, là hão-huyền. Ông Staub và ông Kober định-nghĩa là mặt-trăng do ở khối lửa bắn ra chứ không phải ở vòng lửa, vì các ông đó tin rằng bể Đại-tây-dương, ngày nay là một khối-chất ngày trước khối-chất đó bắn ra họp thành mặt trăng. Dần dần nước mưa, nước tuyết lấp đầy cái chỗ chũng đó mà làm thành biển, tức là biển Đại-tây-dương vậy. Song cái định-thuyết đó chưa có ai tin.

Xong xét ra thì có lẽ định-thuyết của Laplace đúng hơn định-thuyết của Staub và Kober. Nói rằng mặt-trăng là mảng đất do biển Đại-tây bắn ra, bây giờ ta thử đo khối-tích (volume) của biển Đại-tây mà so với khối-tích của mặt-trăng xem sao đã.

Vừa đây ông Eruvin Kossina chủ tính đi đo khối-tích các đại-dương, ông Eruvin tìm thấy bề sâu trung-bình của Đại-tây-dương là 4117 thước và khối-tích của Đại-tây-dương là 708.000.000 kilomètres cubes. Nguyên như chu - vi mặt-trăng đã đo được 3.480 km, còn như khối-tích của chị Nguyệt có hơn 22.000.000.000 kilomètres cubes. Đem so-sánh hai con số, 708.000.000 và 22.000.000.000, ta đã thấy khát nhau xa thì đủ biết việc đem so-sánh mặt-trăng với biển Đại-tây là đáng ngờ lắm.

Hai ông Staub và Kober còn cố cãi : nhưng, trước đây, khối-tích Đại-tây-dương to hơn nhiều. Vậy thì ta đo lại theo phép địa-chất-học và vật-lý-học (principes géophysiques) : ông Bouvie, theo phương-pháp đó, cho bề sâu bể Đại-tây là 30 hay 40 anh-lý, nhưng lúc tính-thành khối-tích thì cũng chỉ tìm được có 18.000.000.000 kilomètres cubes, tức là khối-tích của biển Đại-tây trước ngày lập-địa (époque éologique) ; 18.000.000.000 còn kém 22.000.000.000, ta không thể nào tin được cái thuyết của Staub và Kober.

Laplace cho mặt-trăng do ở vòng lửa chạy quanh trái-đất mà họp-thành, vì Laplace lấy sự mặt-trăng chạy quanh trái-đất là do sự mặt-trăng theo vết vòng lửa cũ mà di-dịch. Còn Kober và Staub cho mặt-trăng do ở chính khối lửa mà ra, thì tôi chưa hiểu mặt trăng của Staub Kober theo lối nào mà chạy ?

Tuy nhiên, ta chưa phải hẳn là thiên văn gia, thì việc thiên-văn ta còn nhờ các bậc đàn-anh dàn xếp. Staub và Kober đúng lý, hay Laplace đúng lý ta chưa biết rõ được.

Vũ-Lang

VĂN-ĐÀN

THI-ĐÀN GIẢNG TẬP

Cùng ông Nam-Đán thơ « ngày xuân tương-tư »

Nay tôi xin đáp lại « *những lời đàm phán* » của ông Nam-Đán về ba bài thơ *ngày xuân tương tư* đăng ở kỳ trước đây, số *46*.

1. **Bài nguyên-vận.**— Bài thơ này nguyên chỉ là một bài thơ chơi, thực cũng không là truyên nhớ ai, mà sự nhớ thực lại man-mác không xiết là những ai. Trong văn-đàn cần phải có thơ để mua vui cùng các bạn Độc-giả, mà thực cũng không biết làm ra bài thơ gì. Nhân một sự nhớ man-mác đó, cho nên lấy hai chữ « *tương-tư* » làm đầu đề ; lại hiềm vì vẩn vủn quá, cho nên nhân đương ngày xuân mà thêm hai chữ « *ngày xuân* » lên trên, cho được khỏi vẩn vủn và thêm có mầu-nhiệm. Ấy bài thơ nguyên-vận của tôi, bốn chữ đầu đề, do như thế mà lập nên ; thực không phải vì hai câu *tam tứ* đã có trước mà rồi mới mạnh đề vậy.

Cứ nguyên-ý mạnh đề như thế, cho nên đầu đề tuy bốn chữ mà thực chỉ trọng ở hai chữ «*tương tư*»; còn như hai chữ « *ngày xuân* » chỉ như vuông nhiễu phủ ở giá gương vậy. Cho nên trong bài làm, như một câu phá, « *trách cái tầm xuân nhả mối tơ* », đã có điểm ra chữ «*xuân* », như thế là đủ. Theo ý ông Nam-Đán cho là «lậu mất chữ xuân », là ông nói về lối thơ cử-nghiệp ; song như bài đó, là lối thơ tình.

Câu thứ hai, hai chữ « *bối-rối* » mà tiếp xuống chữ «*mối*», ý riêng tôi lấy làm rất hay ; đọc lên, chính càng thêm thấy bối-rối vậy. Hai chữ «*làm cho*», thừa câu trên tiếp xuống, êm mà xuôi, không cần phải nói mình mà tự là không có ai. Nếu như ông Nam-Đán muốn đổi làm chữ « *để mình* », thời lời thơ như thế quê thực qua, không có vẻ éo-léo, sao cho là thơ tình ? lại mọt chữ « *để* » là tiếng trắc, rất kỵ đặt ở đầu câu niêm bằng ; huống chi lại là câu thứ hai, câu thơ vần !

Hai câu *tam tứ* là địa-vị câu thích thực, tuy lấy chữ « *tương-tư* » làm trọng, mà thực cũng không lậu chữ *xuân*. Câu trên, chữ « *sương* », không cần phải cứ ở đâu khác, ngay như trong truyện Kiều : « *giọt sương gieo nặng cành xuân la-đà* », xem đó cũng đủ thấy. Câu dưới, chữ « *nhạn* », tuy là về cảnh thu đất hơn, song mà xuân cũng không phải là không có nhạn *Nhạn thu lai xuân khứ* 鴈秋來春去. Vậy thời «*nhạn lảng chân giời* ».. Chẳng cũng là hợp nghĩa, chớ sao ?

Câu thứ năm, ba chữ « *tình lúc ấy* », ông Nam-Đán cho là *không nhã*, ông muốn đổi là « *tình bạn cũ* », vậy thời ông tự thấy ra nghĩa hẹp, mà ông lại làm ra hẹp nghĩa, mất hay.— Nguyên cứ ý tôi thời như ba chữ ấy, tôi tự cho là hay nhất trong bài thơ.

Nguyên vì trong thân-thế của tôi, chịu cảm-tình của các người trong xã-hội thực lắm. Xin hãy kể qua như những *lúc* : cùng ông Diệp-văn-Kỳ trên cái ghế vườn hoa *ở Saïgon*, câu chuyện không dầy tiếng đồng-hồ, mà ông nhận giúp cho một nghìn bạc ; cùng ông Đỗ-đình-Đạt trong trái nhà lá ở ấp *Đồng-sành*, cùng đứng nói truyện trong phút-chốc, mà ông nhận bao-dung cả một gia-quyến kể có vừa nửa năm ; An-nam tạp-chí ở Hàng-Lọng đương nguy, mà *Mũi-ngọc* có người gửi cho bốn chục bạc ; Tản-đà thư-điếm ở Hàng-Gai mới mở mà *Phủ-lý* có người cho rau sắng chùa Hương ; *trên tầu thủy* ở Saïgon về Hải-phòng, muốn ăn dứa có người gọt cho ăn, muốn uống nước có người đun cho uống ; *trên xe hỏa* ở Hải-phòng về Hà-nội, trong khi cảm mệt, có người nhường nệm cho ngồi

Bắc nam đâu tá ? hỡi người !
Nước mây man-mác, ngậm-ngùi lòng ai.

Nay hồi-tưởng lại bao khi xưa, mà lấy ba chữ « *tình lúc ấy* » gửi đi, như đánh điện vô tuyến, phàm là người từng có chút cảm-tình trong phút-chốc, từ một miếng giầu mời ăn một cái chắp tay cùng vái, đều có thể là người nhận thơ.— Nếu theo ý ông Nam-Đán lấy hai chữ « *bạn cũ* » để thay, thời mười phần hẹp lại còn mấy !

Nay xin hãy trả lời ông Nam-đán về một bài nguyên-vận ; còn hai bài họa, xin đợi kỳ tới đây.

Nhân tiện xin đăng hai bài họa của ông, trong kỳ đây, và kỳ khác lại sẽ có làm ra giảng-tập.

Nguyễn-khắc-Hiếu

* * *

Thơ họa «Ngày xuân tương tư»

1. — Họa theo vần xuôi

Vì đâu khúc ruột chín vò tơ ;
Ghép chữ "tương" vào với chữ "tư."
Giời đất đời Hoàng, *chim ấm tổ ;*
Nước mây lòng khach, nhạn ngong thơ.
Hồng chen tía đượm ; ai người cũ ?
Đá tạc vàng ghi trạnh ước xưa.
Ngao-ngán đầu xanh mơ nhướm bạc.
Hỡi người trong nhớ biết cho chưa ?

2. — Họa theo vần ngược

Hỡi người trong nhớ biết cho chưa ?
Non nước còn y, cảnh khác xưa.
Não khách đài gương xa tựa bóng ;
Cùng ai chén rượu góp bàn thơ ?
Cuộc đời ngán nỗi "vô-thường-định;"
Truyện cũ ôn bài "hữu-sở-tư".
Nhắn nhủ Đông-hoàng soi xét thấu,
Ruột tằm sau trước vẫn vương tơ.

Nam-Đán

DỊCH THƠ PHÁP

L'isolement

Souvent sur la montagne, à l'ombre d'un vieux chêne,
Au coucher du soleil, tristement je m'assieds ;
Je promène au hasard mes regards sur la plaine
Dont le tableau changeant se déroule à mes pieds.

Ici gronde la fleuve aux vagues écumantes;
Il serpente et s'enfonce en un lointain obscur ;
Là le lac immobile étend ses eaux dormantes,
Où l'étoile du soir se lève dans l'azur.

Au sommet de ces monts couronnés de bois sombres,
Le crépuscule encor jette un dernier rayon ;
Et le char vaporeux de la reine des ombres
Monte et blanchit déjà les bords de l'horizon.

Cependant.s'élançant de la flèchegothique,
Un son religieux se répand dans les airs :
Le voyageur s'arrête, et la cloche rustique
Aux derniers bruits du jour, mêle de saints concerts.

Mais à ces doux tableaux mon âme indifférente
N'éprouve devant eux ni charme ni transports ;
Je contemple la terre ainsi qu'une ombre errante :
Le soleil des vivants n'échauffe plus les morts.

De colline en colline en vain portant ma vue,
Du sud à l'aquilon,de l'aurore au couchant,
Je parcours tous les points de l'immense étendue,
Et je dis : « Nulle part le bonheur ne m'attend. »

Que me font ces vallons, ces palais, ces chaumières,
Vains objets dont pour moi le charme est envolé ?
Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères,
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé.

Que le tour du soleil ou commence ou s'achève,
D'un œil indifférent, je le suis dans son cours ;
En un ciel sombre ou pur, qu'il se couche ou se lève,
Qu'importe le soleil ? je n'attends rien des jours.

Quand je pourrais le suivre en sa vaste carrière,
Mes yeux verraient partout le vide et les déserts :
Je ne désire rien de tout ce qu'il éclaire,
Je ne demande rien à l'immense univers.

Mais peut-être au delà des bornes de sa sphère,
Lieux où le vrai soleil éclaire d'autres cieux.
Si je pouvais laisser ma dépouille à laterre,
Ce que j'ai tant rêvé paraîtrait à mes yeux.

Là, je m'en ivrerais à la source où j'aspire;
Là, je retrouverais et l'espoir et l'amour ;
Et ce bien idéal que toute âme désire,
Et qui n'a pa de nom au terrestre séjour.

Que ne puis-je, porté sur le char de l'aurore,
Vague objet de mes voeux, m'élancer jusqu'à toi !
Sur la terre d'exil pourquoi resté-je encore ?
Il n'est rien de commun entre la terre et moi.

Quand la feuille des bois tombe dans la prairie,
Le vent du soir s'élève et l'arrache aux vallons ;
Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie
Emportez moi comme elle, orageux aquillons !

Lamartine

Tịch-mịch

Đòi phen trên núi dưới trời,
Mặt trời đã xế mình ngồi thần-thơ ;
Vô tình con mắt xa đưa,
Đồng bằng mọi vẻ nhấp-nhô chân đồi.

Sông cồn bọt sóng chơi-vơi :
Quanh-co, chảy mãi vào nơi xa mù ;
Nước im phăng-phắc mặt hồ !
Sao hôm soi nước thập-thò trên xanh.

Chỏm đồi rừng tối vấy quanh,
Bóng tà-dương rọi đầu cành một tia.
«Xe mây bà chúa đêm khuya»
Đã reo ngấn trắng vào ria chân trời.

Tháp cao, von-vót một trời,
Chuông kinh tan-tác một hồi trên không:
Khách du, đương bước cũng dừng,
Điệu từ-bi, tiếng hôn-hoàng pha nhau.

Bức tranh êm mắt mặc dầu !
Mà hồn lạnh ngắt còn đâu cảm-tình.
Mặt trời của bọn phù-sinh.
Còn soi đâu đến vong-linh vật-vờ.

Hết đồi gần, đến đồi xa,
Nam rồi tới bắc, đông đà sang tây.
Mênh-mông nhìn khắp đó đây,
« Than rằng : « Hạnh-phúc chờ ai đâu nào ? »

Còn chi là thú thanh-tao,
Hỡi thung-lũng, hỡi nhà lầu, nhà tranh?
Sông cồn, đá mốc, rừng xanh,
Một ai đã vắng, vắng tanh khắp vùng.

Thái-dương khi giáng khi thăng,
Theo đường không, mắt ta hằng thờ-ơ.
Mọc lên hay lặn bao giờ ?
Da trời xấu tốt ? Ta chờ được chi !

Đường thênh-thang vì theo đi,
Mắt ta chỉ thấy bốn bề không không.
Của trời, ta chẳng hề mong,
Cầu chi vũ-trụ mênh-mông mà cầu.

Họa chăng ngoài cõi thiên-cầu,
Có vừng Ác thật, soi bầu trời riêng.
Thân này để lại đất đen,
Bấy giờ họa thấy nhỡn tiền ngày xưa.

Bấy giờ, suối mộng say-sưa,
Tha hồ mà ước, mà mơ, mà tình ;
Mà ta mê-mẩn với mình,
Với mình chẳng có tính-danh dưới phàm.

Nào đâu là cái ước thầm,
Cười hào-quang, muốn chạy sầm tìm ngươi.
Đoạ thân chi mãi dưới đời,
Thân ta đành với cõi người vô-duyên.

Lá rừng khi rụng cỏ tren,
Gió chiều cũng thổi bay lên lưng trời.
Thân ta nào khác lá rơi.
Đưa ta đi với, hỡi ơi gió cuồng !

Nguyễn-cát-Ngạc *dịch*

CA RỪNG

Mấy câu ca-rao của người Thổ châu Văn-chấn Yên-bay.
(Tiếp theo số 45)

Câu hát làm nương

Phát hày phải phát liệp đon,
Phát hày mó phát liệp nam,
Món pên phác dải phải pên co phác tuổi đé liên khăn.
Mứ năng phác chất khăn,
Vắn nưng phác chất tuổi,
Phác tuổi phác bươn nhì si sải.
Mư năng phác khăn đái chất tửa,
Đềm phải cò dầy duốc.
Ơn thân nọng ả lả sở lai,
Chẳng dầy đềm khăn luộc pay tang.
Đềm phải co dấy sao,
Ơn thân nọng hả lai chẳng dầy dèm khăn dao là bản.

Bài dịch ra tiếng Annam

Nương bông phải phát gần rừng;
Nương dâu gần nước, xem chừng dễ chăm.
Trồng dâu lấy lá nuôi tằm,
Bông làm vải sợi . . . . . .
Giệt khăn may túi chùng-chùng,
Xuân sang ta sẽ gửi cùng cho nhau.
Nhuộm khăn sam-sám là màu,
Sợi bông coi tựa sợi tầu chuối non.
Ơn em ghi tấm lòng son,
Cho khăn ta đội hãy còn màu đen.
Sợi vải chẳng khác sợi len,
Khăn tuy không đẹp chẳng hèn trong dân.

(Còn nữa)

Câu hát kéo gỗ

May luông tặng đông luông dú ngáy,
Thong lá chẳng véc khoan đay lống hẳm.
Liến hẳm di liếu đẹo hửa ngay,
Chẳng pây âu po vái đay má lạc.
Lạc may lạc táng cốc pay ngay,
Lạc má thưng lươn đay lá vay.

Bài dịch ra tiếng Annam

Cây to đừng thẳng trong rừng,
Vác rìu lên đẵn đã từng ai hay.
Đẵn xong ta đẽo cho ngay,
Kéo về phải dụng trâu cầy mới nên.
Kéo gỗ gốc đi đầu tiên,
Đem về đục đẽo làm nên cột kèo.

Ca giao của người Mán Sừng châu Văn-chấn, Yên-bái

Câu hát ghẹo của người con gái

Lêu phàm cà nghìn sảy mặn kiêm,
Nam kiêm sêng phản giầu. giầu khiểu hải chiêu,
Mân kiêm chuẩn púa phíu miền tồng lạo puôi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Cô con gái đẹp sao đẹp thế !
Cầm cái ô đi rẽ châu nào ?
Nói cho tôi biết với nao,
Biết cô đi rẽ đường nào tôi theo.

Con gái hát đáp lại

Phải tan màu ố, sểng phải giầu giầu,
Xuề mạnh puôi.
Phải tan sảy muộn, họ vần mài ố,
Puổi phíu chuộng chuẩn chiu.

Bài dịch ra tiếng Annam

Ở đây không có cửa nhà,
Theo đường cái chửa định là vào đâu.
Gặp chàng em hỏi một câu,
Nhà chàng đâu đấy cho nhau đi cùng.

Câu hát làm nương

Gia pua than chứa sất mần, lều tịu hoàng.
Lêu phàm sểu vần púa phin,
Giời giời xẩu phíu xuân,
Hải kiếm mai ên phíu xuân tồng lao puôi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Ở nhà cơm sớm đi nương,
Nỗi buồn ai biết đoạn-trường cho chăng.
Ước gì được khách tri âm,
Cùng nhau ta sẽ ra tâm vun giồng.

Ca giao của người Mán Sơn-tang châu Văn-chấn, Yên-bái

Câu hát gặt lúa

Xuân thẩu xẩu va goàng rồi xẩu,
Quần hậy khai phim họp dần hùi.
Nhật om dần hùi chả pú muội,
Sít dún tòng lầu vàng tòng hùi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Này ! mùa lúa đã chín rồi,
Cùng nhau đi gặt đông người cho vui !
Bây giờ giời đã tối rồi,
Hỡi cô thiếu-nữ cùng tôi ra về.

Câu hát làm nương

Xuân thầu giếng chuẩn goẳn hày cù,
Chày điều goàn rồi mình chầy chuẩn.
Chày chuẩn ấy mùng và bóng rộng,
Thìn nìn màn sủi dậm giầu sầu.

Bài dịch ra tiếng Annam

Tiết đầu xuân làm nương vui vẻ,
Cơm sớm rồi, ta sẽ cùng đi.
Mong cho lúa tốt xanh rì,
Nghìn năm muôn tuổi ta thì khỏi lo.

Câu hát khi gặt xong đem lúa về nhà

Vụ cóc vùi thoẳng tìm goẳn hạy goàng rồi,
Nhắm tíu sàng goẳn sàng,
Ấy mùng goàng rồi sàng thủng tờ,
Hoác rồi gín giàng màn nìn on.

Bài dịch ra tiếng Annam

Mừng nay thóc lúa đầy nhà,
Cùng nhau uống riệu xướng ca vui cười.
Mong cho giai gái đủ đôi,
Lấy nhau cho được trọn đời cùng nhau.

Bài hát mừng nhà mới

Cha xong chày sòng tú ón châu,
Màn nìn ón vấn Phải tìm xong.
Ấy mùng bình ám màn nìn châu,
Vụ cóc màn thoong vượng cá tài.

Bài dịch ra tiếng Annam

Nay mừng nhà mới đã thành,
Cùng nhau ta ở yên lành muôn năm.
Con con cháu cháu đầy sân,
Thóc nhiều của lắm ngày tăng càng ngày.

Câu hát đám cưới

Gín giang họp đùn sàng sủng tôi,
Màn nìn sip tối giặm trang pỉu,
Pú tấy pắt vì chắm phềng định,
Vìn thi phềng lại đồng chầm mìn.

Bài dịch ra tiếng Annam

Phu thê là nghĩa tương-phùng,
Trăm năm tạc một chữ đồng từ đây.
Duyên giời đã định những ngày,
Nên nay ta được vui-vầy cùng nhau.

Câu hát phúng đám ma

Nầy nẳng xấy sin pỉu tìu phíu.
Sau sím sai phù om mòng mòng.
Này hùi giấm páu màn nìn khù,
Làu số thái giàng màn nìn ón.

Bài dịch ra tiếng Annam

Bác nỡ vội đi đâu ?
Để tôi phải buồn rầu !
Suối vàng yên dấc điệp,
Phù-hộ làng sống lâu.

Câu hát mừng cha mẹ tuổi già

Ấy mùng gín giáng màn nìn lỏ,
Só cản pấy nhình màn súi on.
Thùy tặng vành xương ùi mình giế,
Xong bản vàng sầu vì my nhi.

Bài dịch ra tiếng Annam

Mừng cha mẹ tuổi già,
Làm gốc con cháu nhà.
Gả chồng dựng vợ cả,
Thờ nuôi được mới là.

Câu hát tết

Ấy mùng gín giang sẳn nìn thẻ,
Bấy nẳng thìn nìn Bành sử còng.
Thìn sủi màn nìn mầu hộ giầy,
Cái dai màn mật xẳn lài giều.

Bài dịch ra tiếng Anuam

Chúc cha mẹ trường thọ,
Sống như ông Bành-tổ.
Con cháu nối đời đời,
Xuân lai của vô số.

* * *

Ca rao của người Mán Nga-hoàng

Câu hát con giai ghẹo con gái

Pu muộn muội,
Muộn muội giầu giầu sẩu hải châu,
Muộn muội giầu giầu sẩu hải vuyện ?
Hải châu, hải vuyện tẳng puồng liu.

Bài dịch ra tiếng Annam

Cô oi, cô đi châu nào ?
Hay là đi đến huyện nào hỡi cô ?
Huyện châu xin hãy bảo cho,
Bảo cho tôi biết tôi cô đi cùng.

Con gái đáp lại

Giặm sài muộn,
Triệu phỉu sào nghìn chuẩn pủa phìn.
Chậu choi muông than mầu nhược chỉu,
Sỉa chúa phới tài cho phỉu phin.

Bài dịch ra tiếng Annam

Thiếp xin thưa thực cùng chàng,
Những người biết hát trong làng ít thay (1).
Gặp chàng là sự duyên may,
Mời chàng ở lại thiếp đây tự-tình.

Nguyễn-tiến-Lãng (Yên-Bái) sao lục

1. — Tục ở dân Thổ Mán, con giai con gái gặp nhau thường hát vui. Câu này ý người con gái mừng xưa nay quanh mình chưa gặp người đủ tài cùng xướng họa, mà nay giữa đường đã nghe nhường có tri-âm. (N. T. L. chú-thích)

CÂU ĐỐI

Khóc người bạn trẻ

Trăm năm thân-thể, một gánh tang-bồng, anh Quỳnh ơi! đầu đường cuốn đám mây hư-ảo;

— Chút nợ giang-hồ, bao duyên ngày tháng, ông Tạo nhẽ, giọt lệ hòa mô đất cỗ kim

Khóc một ông già

Giời ư? đất ư? ai thù ông mà cướp sống quẳng ngày xanh? người đến thế! bệnh đến thế!

Gái ấy! giai ấy! kẻ đứt ruột còn ghi chết dòng chữ đỏ! cảnh như kia, tình như kia!

Đinh Huy-Hạo

HÀI VĂN

Ớt Hà-đông

Trong Báo-quán có tiếp bốn lọ ớt của hiệu **Quảng-Phát** ở **Hà-đông** gửi tặng, mỗi lọ giá bán 0$10, trong đơn có nói cách chế theo Khoa-học, có những chất: **ớt, dấm, cà cuống**, vân vân.

Vậy tôi có mấy câu lục-bát sau đây, gọi là giúp mấy lời cổ-động cho hiệu ấy, tưởng cũng là sự-thể hợp nghi của người trong làng Báo đối với nhà làm nội-hoá vậy.

Ớt nào là ớt chẳng cay?
Đến anh Quảng-phát ớt này mới ngon!
Hà-đông đã nổi tiếng đồn,
Xem với sư-tử lại còn phần hơn.
Cô nào có tính hay ghen,
Mua lấy lọ ớt mà khuyên lấy chồng.
Bảo rằng: đây ớt Hà-đông!

Tản-Đà

Bản chí mới nhận được

« *Phong-Hóa tuần báo* » xuất-bản ngày thứ năm, giá bán 0$10.

Sách thuốc « *Thảy nhà lá vườn* » của Hồi-Xuân Phạm-dụng-Hanh giá 0p20.

« *Y-thoại tùng-biên* » cuốn nhì biên-tập chủ-sự Vũ-thượng-Chi (Gia-định) không thấy đề giá bán.

Bản-chí vui lòng xin giới-thiệu cùng bạn độc-giả mấy cuốn sách có ích và tờ Phong-Hóa, ông bạn đồng-nghiệp « mới ».

A.N.T.C.

CHUYỆN THẾ-GIỚI

Nhịn đói 45 ngày lấy 200 đồng cứu bệnh cho mẹ

Người hiếu-tử ấy là một cô con gái ở tỉnh Lệ-sĩ-tây (Leicester) nước Anh. Mẹ ốm, nhà nghèo thuốc-thang không có, Cô bèn liều mình xin nhịn đói 45 ngày để cho một nhà y-sĩ khảo-cứu, cốt lấy giải thưởng 200 đồng cho mẹ thuốc thang. Ông y-sĩ đem để cô ở trong một cái phòng chung quanh bịt kính kín mít, mỗi khi cô đói thì chỉ cho uống chút « limonade » thôi. Bấm gan nhịn suốt 45 ngày, cô con gái hiếu kia phờ-phạc bước ra khỏi phòng thí-nghiệm đem món tiền 200 đồng về nuôi mẹ.

Thật là hạng gái phi-thường.

Xin tát hồ Genève

Ai đã học qua chút địa-dư nước Pháp hẳn biết cái hồ Do-ne (Genève), nhất là ai đã đọc bài thơ « cái Hồ » của thi-sĩ Lamartine rồi thì quyết không bao giờ quên được.

Hồ Genève ở thượng-lưu con sông Rôn (Rhône), thuộc đất Thụy-sĩ, rộng chừng bằng vịnh Hạ-Long ở xứ Bắc-Kỳ ta.

Vậy mà có một cô con gái muốn tát cạn hồ ấy để mò cái lược thì chẳng là điên rồ lắm ru!

Chẳng cần vội nói, chắc nhiều người đã đoán trúng cô con gái kỳ-dị ấy người nước Hoa-Kỳ. Cô, mỹ-danh là Duy-Liên, Jullène), có lẽ là một tay chung-tình bực, nhứt Một hôm bơi thuyền trên mặt sóng cô ngả-nghiêng để rơi cái lược xuống nước, chìm-lỉm, cái lược ấy đau-đớn thay! — Nó là cái « sú-vơ-nia » của người yêu. Lập tức, cô bỏ ra ngàn đồng tiền vàng thuê người lặn xuống đáy hồ mò, nhưng mà vô-hiệu.

Nỗi « *đoạn-trường* » ấy chịu sao cho được, cô liền đến trình ông xã-trưởng thành-phố, xin phép ông cho tát cái hồ ấy để tìm cái lược của tình-nhân. Ông xã cho là cô điên, cung-kính xin mời cô về Mỹ.

Kể ra, thật cũng lại là một hạng gái phi-hường.

Sắc khuynh thành

Các bà, các cô ai lại dở người mà chẳng muốn có cái sắc nghiêng thành nghiêng nước nhỉ? Nhưng dầy-dà quá! Muốn đẹp thì phải có tiền, mà dùng nhiều tiền quá cũng sót! Vậy ai muốn người đẹp mà không cần đến kem, đến phấn xin mách giùm một cách sau này:

Các bà, các cô thử ngảnh lại cái đời xửa, đời xưa, bắt chước chị em nước Hi-lạp và nước cổ La-mã, cứ sớm chiều bôi hành và dầu « ô-liu » vào mặt, ít lâu sẽ thấy da dẻ vừa mịn, vừa trắng, hai má hồng hồng y như trứng gà bóc vậy.

CHƯƠNG-TRÌNH CỦA ĐẢNG CẤP-TIẾN

Ở tạp-chí số 45, tôi có hứa kỳ này sẽ nói đến chương-trình của đảng Cấp-tiến và chính-sách của đảng đối với Thuộc-địa. Song thiết nghĩ câu hỏi trên cũng không cần-thiết, mà câu hỏi dưới thì . . . .

. . . . . .

chỉ xin nói qua về chương-trình của đảng Cấp-tiến ra sao, ...

. . . . . .

Hiện nay, chương-trình đảng cấp-tiến có thể tóm-tắt đại-khái:

1º) Xin thay đổi hiến-pháp, cốt yêu-cầu cho Hạ-nghị-viện có rộng quyền hơn và sự bầu cử Nguyên-lão Nghị-viên có tính cách dân-chủ hơn trước (nghĩa là gần như cách phổ-thông đầu-phiếu).

2º) Xin cho rọng quyền tự-do của các xã; giữ cho các công việc lớn của nhà-nước khỏi lọt vào vòng tư-lợi, hợp-tác với nhà sản-xuất để mưu sự sinh-lợi chung.

3º) Bảo-hộ quyền tự-do của cá-nhân, ngăn giữ kẻ lạm quyền bắt bớ, phản-kháng cách giam-hậu.

4º) Bênh-vực cho các chiến-binh và lính tàng-tật.

5º) Bác bỏ Gia-giáo ra ngoài chính-giới và học-giới.

6º) Cải-cách các thứ thuế, cốt lập ra một thứ thuế lợi-tức.

7º) Giữ luật làm việc 8 giờ; che chở cho các nghiệp-đoàn và thợ thuyền.

8º) Không chịu để vấn-đề nợ bồi-thường châm-chước theo tình-hình kinh-tế Âu-châu; tin ở hội Quốc-liên để mưu cuộc hòa-bình vĩnh-viễn.

Đinh Huy-Hạo

MẤY CÁI NGUYÊN-NHÂN VỀ SỰ KINH-TẾ TRỤY-LẠC Ở NƯỚC MỸ

II

Cái tật dự-định các công việc kiến-thiết vượt quá ra ngoài vòng nhu-dụng, ta đã nhìn thấy ở nguồn-gốc cái chính-sách thiết-lộ và ngân-hàng ở nước Mỹ, thì nay ta lại thấy hiển-hiện ra một cách rõ-rệt hơn ở sự tổ-chức các công cuộc công-nghệ và thương-mại ở phía bên kia bể Đại-tây dương.

Nếu ta xét kỹ các chương-trình sáng lập và hành-động của những công-cuộc to tát như nhà Ford, nhà Filène, thì ta phải nhận ngay ra rằng các chương-trình ấy không có nương-tựa vào một cái cơ-sở nào chắc-chắn, trường-cửu cả. Vì cái số hóa-vật ít nhất sản-xuất ra đã dự-định sẵn, mà cái số ấy chỉ có thể ngày một tăng, chứ không có thể ngày một giảm, cho nên các công-xưởng bị bắt-buộc phải cứ thay-đổi các khí-cụ luôn, dù cái tư bản bỏ ra để mua các khí cụ ấy chưa thu-hồi lại được cũng mặc. Như vậy mà nếu cái số lợi thực-sự thu vào chưa lên bằng cái số lợi-tức dự-toán, thì những tiêu-khoản ấylấy vào đâu ? Tất-nhiên là phải gọi thêm vốn hoặc nhờ đến tá-khoản của các ngân-hàng. Cái cách xoay-sở như thế, thiết tưởng không tài nào trường-cửu được. Mà thật thế, muốn cho các guồng máy cứ có thể chạy nhanh tít và sản-xuất ra hóa-vật luôn luôn, tất phải làm sao cho các người mua cũng có thể tiêu-thụ nhanh như thế và mua đổi các đồ-dùng luôn luôn mới được. Muốn thế, chỉ có một cách, là tăng lương các thợ-thuyền lên cho thật cao, mà muốn trả lương cao, tất lại phải sao cho công-việc có được nhiều lãi. Cũng vì muốn có được cái hiệu-quả ấy, nên các nhà công-nghệ bên Mỹ mới tăng mãi lương bổng của các thợ thuyền lên. Hiện nay, số lương của một người thợ Mỹ, thật đã lên đến một bực cao nhất ở thế-giới. Nhưng về phần lợi-tức, thì nào có được thế. Vì có sự cạnh-tranh dữ-dội, vì không có gì làm giới-hạn cho sự sản-xuất, mà cái « địa » lợi-tức của phần nhiều các công-việc cứ thu hẹp dần dần lại mãi, cho đến khi không còn một tý nào nữa.

Vì thế, cái cảnh-tượng hưng-vượng phát-đạt của phần nhiều các nhà công thương nước Mỹ, chỉ là một cái cảnh-tượng tam thời, rồi rút cục, cùng nhau bước vào cái thời-kỳ mà họ gọi là thời kỳ hưng-vượng hữu danh vô-thực (période de prospérité fictive). Cái thời-kỳ ấy đã xuất hiện ra trước năm 1914, mới đây lại tái sinh ra trong khoảng năm 1926-1927.

Vả chăng, công-lương thợ thuyền tuy có nâng lên thật cao chăng nữa, cũng không tài nào khôi-phục lại cái mực thăng-bằng của hai bên sản-xuất và tiêu-thụ. Xem như, ở năm 1913, số lương trung-bình hàng năm của một người thợ Mỹ là 594 đô-la, mà đến năm 1929, số ấy tăng lên đến 1.205 đô-la, thế là công-lương đã tăng lên đến 103 phần trăm, nhưng cái mực trung-bình của số hàng-hóa sản-xuất ra, thì lại còn tăng lên gấp mấy cái tỷ-lệ ấy. Như vậy, thì bên tiêu-thụ làm sao theo cho kịp bên sản-xuất được !

Hiện nay các xưởng giầy mỗi năm chế ra 900 triệu đôi giầy, mà số giầy tiêu-thụ hàng năm chỉ lên đến 300 triệu. Sức sinh-sản của các công-xưởng chế xe ô-tô, một năm có thể chế ra 8 triệu cái xe, những số xe thông dụng ở cả hoàn-cầu chỉ có 6 triệu. Các mỏ than trong nước Mỹ dự-định chế ra 750 triệu tấn than, nhưng xuốt cả thị-trường nước Mỹ chỉ có thể « hút » được 500 triệu tấn. Cả trong địa-hạt nước Mỹ, nhân-dân chỉ tiêu-thụ có 4 triệu thùng dầu-hỏa, mà các mỏ dầu sản ra đến 6 triệu, chỉ cần dùng có 40 triệu tấn thép mà các nhà máy chế ra 66 triệu. Cho đến các nhà máy diệt len, diệt bông, làm giấy, thứ gì cũng là thừa quá cả. Vì thế trong sự sản-xuất, bao giờ cũng vẫn có một phần thừa ra vô-ích, mà cái chỗ thừa ấy không những là vô-ích, lại còn có hại, bởi vì có nó, mà cái chân-giá của cái phần thiết-dụng cũng bị giảm bớt đi.

Ta xem thế đủ biết cái lâu-đài tuy lông-lẫy nhưng dựng lên ở trên một cái nền cát kia, chắc không tài gì đứng vững lâu dài được.

Cuộc vỡ-lở đáng lẽ đã xảy ra từ năm 1914, chỉ nhờ có cuộc Âu-chiến, mà cái lâu-đài đã lung-lay ấy, lại còn chống-chế lại được ít lâu. Đến ngày nay, thì tình thế ngày càng nguy-ngập, khôn bề hàn gắn lại được. Huống chi, bất cứ ở nước nào, cái cơ thịnh vượng của nền công-nghệ cũng phải nhờ-cậy một phần lớn ở nông dân, mà nước Mỹ, thì hình như, từ trước đến nay, vẫn hy-sinh nông nghiệp vì công-nghiệp. Vào hồi giữa thế-kỷ trước, số nông dân còn chiếm 87 phần trăm dân số nước Mỹ, mà đến ngày nay, cái số ấy đã sụt một cách ghê-gớm xuống đến 30 thấy phần trăm. Về mặt lợi-tức của các nông-dân năm 1910, số nông lợi với số lợi-tức chung mà sự sản-xuất nước Mỹ, còn đứng vào quãng 16 phần trăm, đến năm 1928, chỉ còn đáng có 2 phần trăm thôi. Trách gì cái sức mua của những người tiêu-thụ không một ngày một kém.

Nói tóm lại, những trường-hợp đặc-biệt, những quán-kiện bất-thường về việc sản-xuất, giao-dịch và tiêu-

XÃ-HỘI BA-ĐÀO KÝ

ĐỜI VĂN-SĨ

(Tiếp theo)

Nhà văn-sĩ vẫn chưa hiểu ra sao cả, chàng quay hỏi đứa cháu bà chủ nhà, thì thấy nó nói rằng:

— Lúc ông ở nhà ra đi được độ một chốc thì có một người ăn vận quần áo tây, người to béo phương phi, đi xe nhà đến đỗ ở cửa này; ông ta trông thấy tôi thì hỏi rằng:

— Có phải nhà ông Bảo-Đài đây không?

Tôi bảo phải, nhưng mà ông đi vắng nên ông ta dút ví lấy cái giấy này viết đưa cho tôi và dặn hễ ông về thì đưa cho ông, đến chiều ông ta sẽ lại.

Dù sao chăng nữa, người ta chẳng quen biết mình—mình chẳng nhớ họ là ai — thì dẫu họ muốn thăm hỏi mình điều gì cũng chẳng ngại; tuy vậy mà nhà văn-sĩ không tài nào quên bẵng được sự chờ đợi, nó làm cho nóng lòng sốt ruột.

Một giờ trưa, nhà văn-sĩ đương ngả lưng, nằm chéo kheo trên cái phản gỗ, mơ màng nghĩ ngợi vẩn vơ...

Bỗng có người đập cửa gọi, nhà văn-sĩ đoán chắc rằng cái người đã hẹn đến thăm mình chăng? Chàng vội vàng chạy ra mở cửa thì thấy một người vận âu phục, hình dáng to béo, mặt mũi phương phi; khi người đó vừa trông thấy nhà văn-sĩ thì nâng mũ chào một cách rất lễ-phép, rồi mỉm cười:

— Thưa ngài tha lỗi cho, ngài là nhà văn-sĩ Bảo-Đài?

— Thưa vâng ạ, rước ngài vào chơi.

Nhà văn-sĩ ân cần đón khách, nhưng trong gia chàng vẫn nặng mối hoài-nghi, không hiểu khách đến hỏi mình việc gì.

Khi vào trong nhà, khách chủ ngồi đối diện nhau, cả hai người không ai nói gì, mãi đến hơn mười phút đồng hồ, Phương Thái-Lang mới mỉm cười nhìn văn-sĩ nói:

— Thưa ngài, có lẽ tôi được tiếp kiến ngài lần này là lần đầu; tôi hâm-mộ cái tài viết văn của ngài lắm! Tuy rằng học lực tôi kém cỏi; nhưng cũng biết được chút ít. Tôi đã được đọc quyển «Lời thề» và tập «Trường thiên hận» của ngài viết mùa thu năm ngoái. Tôi rất hâm mộ văn-chương ngài, nhưng phải cái thời giờ eo hẹp quá, không mấy lúc được nhàn rỗi mà khảo sát, bình phẩm như hồi tôi còn nhỏ.

Câu chuyện dẳng-dai về văn-chương thơ phú, mất hơn một tiếng đồng hồ; ông khách ăn nói hoạt-bát và tỏ ra cho nhà văn-sĩ biết rằng mình đây cũng là một hạng người có giá-trị và từng chải nhiều.

Đoạn ông ta mới kéo ghế lại gần nhà văn-sĩ và cất cái giọng nho nhỏ bí-mật:

— Thưa ngài, tôi chẳng nói giấu gì ngài cả. Hôm nay sở-dĩ tôi đến đây là có một câu chuyện ích-lợi muốn ngỏ cùng ngài, và mong ngài đừng từ chối thì hân hạnh cho tôi lắm lắm!

— Vâng ạ, ngài đã có lòng yêu mà đến bảo ban cho những nhời vàng ngọc, vậy có việc gì xin ngài cứ dạy cho, tôi xin vui lòng giúp đỡ ngài.

Phan Thái-Lang ngần ngừ dụt dè, sau mới dám mạnh bạo nói:

— Tôi chẳng dám giấu diếm gì ngài, tôi là «chủ» cái sòng bạc ở phố Đầu cầu đất, ngay gần chỗ dẫy nhà mới, ở dưới tôi cũng có giọn hàng thêu; ban ngày thì tôi đi làm vắng, chỉ có về đêm mới họp đánh cùng nhau.

Những con bạc ở nhà tôi đều là các bà Thông, Phán và các me tây, thỉnh khách chứ không có người nào hạ-lưu bậy bạ cả. Như mấy tháng trước đây thì nhờ giời cũng ăn thua, nhưng sang cái năm nay, «lâm» đến kinh-tế khủng-hoảng, buôn bán không được «phát-đạt», các con bạc nghe chừng cũng thưa lắm! Như thế tôi đã thiệt hại nhiều rồi, mà lại còn khổ một nỗi vài anh «nhặt chuyện», nó xoay tiền tôi chẳng được; nay nó đe «cho vài cột báo», mai nó đe «sẽ ngồi nhà pha». Những hạng đầu trâu mặt ngựa ấy, tôi đã biết rõ chúng rồi. Thật mỗi khi làm đến bước ấy, thì tôi cũng bố-thí cho chúng ít nhiều, để cho chúng đạt được cái lòng đào khoét, nhưng nay nghĩ ức quá, chúng quen mui bén mùi, lại càng muốn «cắn» đẫy. Tôi sợ rồi cũng có một ngày hắn lôi tên tôi mà bêu-dếu trên tờ báo, thì lại càng khó-khăn thêm cho sự sinh-hoạt hàng ngày của tôi. Vì thế, nên muốn cho người ta khỏi nghi ngờ và để che mắt các nhà chức-trách, tôi biếu ngài cái gác đó, tôi xin cung-phụng ngài không thiếu một thứ gì; và mỗi tháng tôi lại xin đưa trước cho ngài một món tiền là hai chục. Vì ngài là một nhà văn-sĩ hiền lành, ai cũng biết tiếng, ai cũng mến phục; ngài mà đến ở chỗ gác đó thì tôi chắc chẳng còn ai nghi-ngờ nữa; như vậy thì dễ cho chúng tôi hội họp, không những là ngài cũng

---

thụ đã giúp cho nền kinh-tế nước Mỹ đứng vững được từ trước đến giờ, hiện nay đã biến đi mất cả rồi, mà biến đi một cách vĩnh-viễn, chứ không phải chỉ ở trong cái thời kỳ khủng-hoảng này mà thôi. Rồi đây, nước Mỹ không thế nào ôm mãi cái chỗ thừa, cái chỗ vô-dụng ở trong cái công-cuộc công-nghệ và thương-mại, cũng như họ không thể nào giữ mãi được cái cung-cách sinh-hoạt quá-đáng của họ. Cái chỗ thừa ấy, tất-nhiên họ phải phá-hủy đi, cũng như bây giờ họ đang phá-hủy hàng mấy nghìn triệu tư-bản mà không nhìn đến sự nhu-dụng tự-ý họ bầy đặt ra. Vậy ngay từ bây giờ, ta có thể coi cái thời-kỳ bá-chủ về phương-diện kinh-tế và tài-chính của nước Mỹ như đã đến ngày cuối cùng vậy.

Ngô-thúc-Địch

đỡ phải chật-vật mà chúng tôi cũng đỡ được một cái lợi to.

Phan Thái-Lang nghĩ một lát, rồi lại nói:

— Cái gác ấy tha hồ mát mẻ rộng rãi, thôi thì bàn ghế, tủ-gương, giường tây đệm sắt; tôi lại vừa cho làm quạt-trần, đèn điện ba bốn ngọn, tôi xin để một thằng nhỏ rất tinh khôn để hầu hạ ngài, không dám để thiếu thốn một tý gì, miễn là để ngài che chở cho, và đối-phó với những thằng đầu «trâu» mặt «ngựa» nó đương đinh công-kích tôi trên mặt báo. Ấy đấy chúng tôi chỉ có hiền ngài có một việc như vậy, mong rằng ngài sẽ vì lòng thành thực của chúng tôi, đừng chối từ thì hạnh phúc cho tôi lắm!

Nhà văn-sĩ nghe hết câu chuyện, không biết giả lời ra sao; chắc chàng cũng biết rằng người ta muốn dùng cái chính-sách «hơi đồng» để lợi-dụng chàng; họ muốn đem cái linh-hồn chong sạch của chàng để giam vào một chỗ tối tăm ô-uế; họ muốn mua chuộc cái thanh-danh chàng để che lấp một đống bùn lầy.

Cái đời «tù-lỏng», cái thân bó buộc, dưới quyền kẻ khác trông coi, thì còn khổ-nhục gì bằng. Rồi ra, kiếp mình chẳng khác chi con phượng-hoàng trong lồng son cóng sứ, con cá vàng trong chậu thủy tinh. Ôi! ta sẽ bị mất hết quyền tự-do . . . . . .mất hẳn cái tinh cách độc-lập như bây giờ; một manh chiếu rách, ngụm nước vối suông, sinh-hoạt tháng ngày trong nóc nhà ranh vách đất; ta tự lấy làm sung-sướng thung dung, tự thấy có nhiều cái khoái-lạc sâu xa dễ chịu.

Nếu nhà văn-sĩ đã không có cái bộ óc kim-tiền, nếu chàng đã đổi bằng con mắt đạt-quan, thì ô-tô xe ngựa, nhà rộng cửa cao, những cảnh phù-hoa về vật-chất ấy, không thể nào làm mờ-ám được con mắt kẻ thanh-cao, không thể nào làm thay đổi được lòng người sắt đá.

Vì vậy, dẫu Phan Thái-Lang có dùng những nhời nói xảo-quyệt mấy đi chăng nữa, cũng đành ôm mối thất vọng ra về. Trước khi ông ta bước ra ngoài bực cửa, chắc ông ta còn nhớ những nhời của văn-sĩ đáp lại:

— Cảm ơn ngài, có bụng yêu mà giúp đỡ cho, nhưng trong đời tôi, có lẽ không thể nào rời bỏ túp lều tranh này mà đi chỗ khác được. Vả lại, tôi ở đây đã quen rồi, kể ra một mình cũng đủ chi dụng, không đến nỗi thiếu thốn, trong lòng tôi lúc nào cũng được khoan khoái, vui vẻ vô cùng.

«Ngài quá yêu mà cấp đỡ cho như vậy thực là hạnh phúc cho tôi lắm; nhưng tôi tiếc rằng không thể theo được như ý-định, và trước sau tôi đã thưa với ngài rằng tôi không cần dùng chi đến tiền cả. Nhưng, ngài đã sẵn lòng từ-tâm như vậy, tôi xin mạn phép khuyên ngài hãy đem món tiền hàng tháng đó mà cúng vào Viện nuôi những người mù lòa của các bà Sờ, lập ra để cứu giúp kẻ khốn cùng, tại con đường Lạch-Tray huyện Rào. Còn tôi, tôi xin giúp ngài một tay, tôi sẽ viết nhiều bài cổ động lên báo, cho các nhà tư bản để ý đến; kẻ ít người nhiều, thì kể già nua tàng tật có chỗ mà gửi linh hồn sác thịt, có chỗ mà nương thân đến khi chết!».

Nhà văn-sĩ cứ tưởng rằng ở đời này, ai cũng đồng ý với chàng, mà những nhời đạo đức ấy chàng cho là có ảnh-hưởng cho đời lắm! chứ nào có biết đâu đem luân lý, triết học mà giảng cho hạng người vai u thịt bắp, đem đàn Tỳ-bà gẩy trước tai trâu, thì chỉ là dúm muối bỏ bể, nước đổ lá khoai, vô-vị, khó-nhọc mà chẳng công-hiệu gì.

Ngày giờ theo thời-gian tiêu tán, nhà văn-sĩ công nhận cái luật của thiên-công tiến hóa, sống để làm việc như trăm nghìn người khác; nhà văn-sĩ vẫn viết... vẫn thường xuất bản những cuốn sách dầy ba bốn trăm trang, những bài văn gọt đẽo rất tinh thần.

Trót nặng nợ với văn-chương, nhà văn-sĩ lấy đó làm nghề-nghiệp, lấy đó để mưu cuộc sinh tồn. Chàng sưu-tập từ giọt nước dưới dòng khe róc rách, tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, nào núi non cây cỏ, phong cảnh lâu-đài; tất cả muôn vật của càn-khôn vũ-trụ, đều là những vật-liệu của nhà văn-sĩ dùng, để tô điểm cho văn-chương thêm nhiều vẻ đẹp.

Vậy thì văn-chương cũng là một vị thuốc bổ nuôi sống được tinh tình, có khi lại là cái mầm họa hay một thứ thuốc độc có hại đến sinh mệnh người ta.

Như thế thì đời văn-sĩ có công mà cũng có tội, cái kết quả tốt đẹp nhiều khi chỉ được trông thấy lúc qua đời, còn như cái tội của nhà văn-sĩ thì trông thấy ngay lúc cầm bút viết...

Nhà văn-sĩ ao-ước sống ở trong cõi êm đềm lặng lẽ. Lúc nào cũng muốn giam mình vào trong bốn bức tường đất: nghĩa là nhà văn-sĩ muốn ẩn-dật, muốn tránh đám bụi trần hắc-ám. Nhưng đứng thiên-công kia chả khi nào để cho ta được thỏa lòng sở vọng, còn muốn nổi lên trận phong ba bão tát, những ngọn sóng trào ghê gớm mà cuốn tung các vật đen sì kia tan tác khắp nơi.

* * *

Mấy tháng sau, một hôm vào giữa khoảng mùa hè, khí giời nóng nực, trên con đường Haiphong—Đồ-sơn, không mấy lúc là ngớt tiếng ô-tô qua lại; người ta ra Đồ-sơn tắm, nghỉ mát và xem phong cảnh.

Trên bãi bể phẳng lỳ như tấm thảm, nếu chẳng có những mỏm đá lô-mô thiên tạo những làn sóng tung bọt rì-rào thì ta đã tưởng tượng ngay là bãi sa-mạc ở châu Phi rồi.

Năm giờ chiều, mặt giời đã khuất bóng, để lại cái nốt châu vàng nhạt chốn phương tây, chộn lẫn với quầng mây xanh thẫm mà giọi xuống mặt nước phẳng-phiu lóng lánh... giời bể lúc bấy giờ trông khác nào như vàng thêu gấm dệt; rồi nước thủy-triều ở đâu kéo lại, mới trong giây phút mà bốn bề đã bát ngát mênh mông.

Ánh sáng từ từ đổi dạng, một màu đen thẫm che phủ cả non nước cỏ cây.

Lúc bấy giờ, mắt chỉ thấy muôn chùng trắng sóa, những ngọn sóng cuồn cuộn rít kêu, tai chỉ nghe thấy tiếng gió vù vù, tiếng cành thông vo-vo kẽo kẹt...

...Nhà văn-sĩ đương đi bước một trên bờ bể, tâm-chí vẩn-vơ, nghĩ những chuyện trên giời dưới nước!

— Ông Bảo-Đài ơi!

Nhà văn-sĩ nghe thấy tiếng người gọi sau lưng, rật mình quay lại, thấy một người to béo ăn vận âu phục, và một thiếu phụ mặc chiếc áo mùi hoa cà, đương cùng nhau bước dảo lại.

Nhà văn-sĩ lấy làm lạ, nhìn kỹ xem ai, đến khi hai người kia đi gần tới thì nhà văn-sĩ nhận được người vận âu phục to béo là Phan-thái-Lang, còn người thiếu phụ kia thì văn-sĩ đoán phỏng là vợ của anh chàng đó.

Phan Thái-Lang vừa trông thấy văn sĩ thì chào mừng vui vẻ và nói cùng người thiếu-phụ rằng :

— Tôi xin giới-thiệu với bà, đây là nhà văn-sĩ Bảo-Đài.

Đoạn anh chàng lại quay lại nói với nhà văn-sĩ :

— Tôi cũng xin giới-thiệu để ngài biết đây là bà Vân-Đình, bạn thân của tôi.

Văn-sĩ tỏ lời cảm ơn ; ba người đều quay gót giở lại. Khi đi đường Phan Thái-Lang tỏ ý cho nhà văn-sĩ biết rằng bà Vân-Đình rất mến phục danh hiệu nhà văn-sĩ ; đương khao khát có dịp nào để tiếp kiến, thì may sao chiều hôm nay ra bể hóng mát, lại ngẫu nhiên gặp gỡ ; cả hai người đều tỏ ý muốn mời nhà văn-sĩ nghỉ lại Đồ-sơn đêm đó để trò chuyện. Nhưng vì văn-sĩ có nhiều việc bận, tiếp chuyện qua loa rồi từ giã ra về.

Mấy hôm sau, lúc đó vừa nhá-nhem tối, nhà văn-sĩ đương định sắp sửa đem mấy cuốn sách lại nhà in, bỗng thấy một đứa con gái trạc độ mười lăm mười sáu, tay cầm cái danh -hiếp, đi vào, nhí nhoẻn cười.

— Thưa ông, ông Lang ngồi đợi ông ở nhà bà con ; bảo con đưa giấy lại, mời ông lại chơi ngay.

Nhà văn-sĩ cầm lấy danh thiếp xem thấy :

« Xin mời tiên-sinh rời gót ngọc quá bộ « đến chơi ngay cho chúng tôi được hầu chuyện. »

Madame Vân-Đình

Nhà văn-sĩ lưỡng lự, chẳng biết có nên lại hay không ; vì chàng đối với Phan Thái-Lang chẳng phải thân mật gì ; nhưng người ta có lòng tốt mời mình mà mình từ chối thì họ lại cho là mình khinh họ. Vì lẽ ấy mà lương tâm bó buộc, nhà văn-sĩ phải theo đứa bé lại chơi.

Khi đến nơi, bà Vân-Đình đã đứng đón ngay ở cửa, và mời nhà văn-sĩ lên chơi trên gác trong, trông xuống cái vườn hoa ở bên cạnh cái hồ chạy dài xuống đến cuối phố.

Nhà văn-sĩ đưa mắt nhìn, thấy trong phòng trang hoàng theo lối mới và trông lịch-sự lắm!

Nhà văn-sĩ không thấy ông Phan Thái-Lang đâu thì trong bụng đã hơi nghi hoặc, chàng vừa định hỏi thì bà Vân-Đình đã rót chén rượu rôm (Rhum) mời chàng và cất tiếng nói nhẹ nhàng :

— Thưa ngài, ông Lang tôi đợi ngài ở đây mãi, vừa mới chạy xuống cửa, có lẽ cũng lộn lại ngay bây giờ.

Bà Vân-Đình năm nay mới độ hăm bảy hăm tám tuổi, trông người ông-ả tầm thước, da mặt đã trắng còn điểm phấn tô son, thêm nhiều vẻ yêu kiều mềm mại.

Bà ta ăn mặc rất trai-lơ, cái bộ áo mùi hoa-cà mỏng sát vào thịt, cái quần cẩm châu trắng muốt. Dưới ánh sáng đèn, cái đường ngôi lệch phân hẳn ra đôi mái tóc mượt-đen và nức mùi nước hoa nhài.

Bà Vân-Đình nhìn văn-sĩ cười, rồi cầm đống sách ở đầu giường lại bàn và nói :

— Mấy cuốn sách này cũng của ông viết ?

Nhà văn-sĩ tiếp lấy nhìn thấy quyển : « Tiếng Cuốc đêm hè », và hai quyển « Tình-Mộng » với « Đời Bích-Vân » bèn đáp :

— Thưa bà vâng, bà cũng để ý đến những sách tôi viết ư ?

— Vâng... tôi thì đàn bà dần độn, học thức kém cỏi ; nhưng cũng biết được dăm ba chữ. Tôi mê đọc tiểu-thuyết lắm! cho nên nhà tôi thỉnh-thoảng lại gửi ở Saigon về mấy quyển. Mấy cuốn sách này là nhà tôi cũng mua ở Saigon gửi về đầu tháng trước. Trong ba cuốn sách này, tôi hâm mộ nhất quyển « Đời Bích-Vân » ; chẳng biết ngài viết những trang lệ-sử của « đời Bích-Vân » thì ngài có cảm-động không, chứ như tôi thì lắm chỗ đọc phải phát khóc lên được.

Nhất là đoạn «Bích-Vân» bị oan-uổng, rằng đã đem cái thanh-danh của cha mẹ mà dấn xuống bùn lầy. Nàng bị gia-đình hất hủi, mà nỗi oan-tình vẫn không bộc bạch được cùng ai ; duy chỉ có một người biết được nỗi oan-khổ của nàng, thì lại chẳng dám tỏ nỗi chân tình cho ai biết! Như vậy thì kẻ ngậm sầu ôm nặng mối oan-ly, người mặt nước thương ai trong cảnh-ngộ.

Thật là vì « Bích-Vân » quá thương người để lụy vào thân, nàng phải mang cái tiếng xấu mà không hề oán hận...

— Nhưng về sau, cái chỗ mà nàng về quê ở, giồng giọt kiếm ăn, cha mẹ nàng lúc ấy mới biết lòng con chong sạch, những thương trộm nhớ thầm đứa con vô-tội, mà bị bao năm đầy đọa, ngày nay hối hận vô cùng...

— Cái kết quả của đời « Bích-Vân » tới đó, những người đọc chuyện cũng được hả hê đôi chút. Nhưng thưa ông còn con người « bí-mật » đã liều thân bầy dãi đầu đuôi câu chuyện ấy ra thì sau này ra sao ?

Nhà văn-sĩ mỉm cười đáp :

— Thưa bà, câu chuyện thực ra đầu đuôi chỉ có thế thôi, còn nếu sau này Bích-Vân nghĩ lại... cha mẹ nàng chắc chẳng đến nỗi vô-tình với kẻ chân mây...

Bà Vân-Đình nhìn văn-sĩ cười, cái cười nồng nàn, kính mến con người khéo tả giọng văn mềm-mại sâu-xa ..

— Thưa ông, tôi thấy ông Phan Thái-Lang nói chuyện với tôi rằng ông ở chỗ đó chật hẹp tối tăm lắm giá ông đừng nề hà mà coi chúng tôi như bè bạn, đến ở chỗ gác đó có phải hân hạnh cho chúng tôi được gần gũi trò truyện không.

— Cám ơn bà có lòng mến yêu... dạy bảo cho, nhưng vì tính tôi ở đó đã quen, nay đi chỗ khác thì buồn bã lắm!

— Thưa ông, lấy lòng thành-thực của tôi, lần đầu được hầu chuyện ông thế này tôi lấy làm hân-hạnh lắm.

Tôi thấy ông là người có tài, chẳng may cái cảnh-ngộ bần bách không đủ chi dụng, nên tôi rất đem lòng mến tiếc. Không những là chỉ ông Phan Thái-Lang đã nói chuyện với tôi mà chính cả ông Trần-Thiếu chủ nhà in cũng có ngỏ ý cho tôi biết ông. Tôi đương ước ao có dịp nào được hạnh ngộ ông thì may sao, chiều hôm nọ được gặp ông ngoài bãi bể.

Bà Vân-Đình nói đến đó ngồi m một lát rồi lại nói tiếp :

— Thưa ông, ông Trần-Thiếu cũng là bạn của nhà tôi đấy ạ. Ông Trần-Thiếu đối với tôi cũng như người nhà vậy. Thưa ông, nếu ông vui lòng cho tôi giúp đỡ ông một vài phần, cũng như ông Trần-Thiếu chủ nhà in giúp đỡ ông thì tôi lấy làm vui vẻ quá !

— Thưa bà, tôi chẳng biết lấy chi đáp lại tấm lòng hào hiệp của bà ; nhưng cái nghề của tôi tuy rằng thanh-bạch bần hàn mà kể ra cũng đủ chi-dụng, không đến nỗi thiếu thốn. Bà có lòng quảng-đại cấp đỡ, ơn ấy không bao giờ tôi quên. Nhưng thực ra hiện bây giờ tôi không cần dùng chi đến tiền cả.

Chín giờ tối, chuông đồng hồ đập rõ từng tiếng một, nhà văn-sĩ cáo từ ra về ; bà Vân-Đình tỏ lòng lưu-luyến và cảm phục con người thanh-nhã đáng thương...

Bà Vân-Đình là vợ một ông Tham, nhưng ông vừa có giấy đổi đi Saigon được mấy tháng nay. Bà ở nhà buồn bã, đâm ra cờ bạc; lại chết về một nỗi mấy người bạn gái của bà đều là hạng lăn lóc trong cuộc đỏ đen. Nào là bà Thông bà Phán bà Ký, các bà ấy không biết thương chồng thương con, chỉ phá-hại và làm mất cả danh-giá nữa.

Bà Vân-Đình cũng vậy, bà chẳng biết cái địa-vị mình là vợ một ông Tham, phải vì cái danh-giá đó mà giữ lấy tư-cách mình, phải coi sóc cửa nhà, dạy bảo con cái. Bổn phận người đàn bà là phải tề-gia nội-trợ, chứ chẳng nên đem cái thì giờ xa phí vào con bài lá bạc.

Tôi còn nhớ, cách đây chẳng bao lâu, vợ ông Cử theo một người thợ may. Mà đầu đuôi trước sau chỉ vì cờ bạc, vì cờ bạc mà gia-đình tan nát, vì cờ bạc, mà vợ chồng chia rẽ, mẫu tử xa nhau. Nói rút lại cờ bạc chỉ là con đường đưa ta vào nơi địa-ngục. Tôi đã được mục-kích một đám bạc trong đó có đủ các hạng mặt của xã-hội : Nào ông Ký, bồi bếp, bà Tham bắc-tê (porteur) bà Phán, Cu-ly... Ấy là đám bạc... tôi chắc những đám bạc khác cũng tương tự như thế cả.

Bà Vân-Đình cũng vậy, bà bị người ta cám giỗ mà đâm ra cờ bạc; có khi suốt ngày không ai thấy mặt bà ở nhà, thâu-đêm lỗi bếp đợi trông chẳng thấy bà về. Cái tình-cảnh ấy, ông Tham nào có biết, ông tin ở bà ; mỗi một tuần lễ ông gửi về một bức thơ, mỗi một tháng ông gửi về một cái măng-đa.

Một ngày hơn 8 tiếng đồng hồ trong buồng giấy, còng lưng khó nhọc, những để cho ai hưởng cái thú phong-lưu cả tinh thần lẫn vật chất ! thế mà bà Tham vẫn chưa hối-hận, vẫn dong chơi đêm hết lại ngày...

Ôi ! những hạng « vợ » như trên này chỉ là cái « nợ » cho bọn làm « chồng », phải đeo « dơ » đeo « duốc » ; chính những bà vợ ấy đã bêu dếu, và làm mất cả phẩm giá của chồng con rồi.

Bà Vân-Đình cũng vậy, bà bị Phan-thái-Lang cám giỗ chẳng bao lâu mà thành con bạc thực-thụ ; nhất là hôm nào không đánh trác gì phải ở nhà thì bà lấy làm khó chịu lắm, khó chịu hơn cái thân tù giam ở ngục-thất !

Trước đây, tối nào bà cũng đánh ở sòng Phan Thái-Lang, nhưng từ ngày có công-kích trên mặt báo thì cũng không dám thì-thọt lại luôn.

Còn Phan Thái-Lang, muốn bịt miệng người đời, định lợi-dụng nhà văn-sĩ, nhưng chàng bị thất-bại, bèn dùng « kế-mỹ-nhân », chàng khôn-khéo lắm, tưởng rằng kéo bà Tham vào, lấy « tình » và « tiền » để đảo áp anh chàng văn-sĩ kiết, ai ngờ cái chính-sách sau này cũng lại vô-hiệu. Sòng bạc có lẽ phải tan, bà Tham hẳn từ nay phải tỉnh-ngộ...

* * *

Quên !

Ông Jindrich ở thành Prague là một nhà trạng-sư có tiếng... có tiếng về cái tính đãng-trí của ông.

Một hôm, ông phải đến Presbourg để cãi cho một thân-chủ, nhưng đến nơi thì ngài quên đứt đi mất cái tên của bạn hàng ngài. Thế mới chết, ông vội đánh giây thép về nhà, hỏi :

«Quên mất tên thân-chủ. Nhờ nhắc tôi bằng giây thép».

Rồi thì cái giây thép đó, ngài cũng chẳng ký tên của ngài vào. Ông «cờ léc» chính (principal clerc) tự biết ông chủ của mình đãng-trí đến bực nào rồi, liền đánh giấy trả lời :

«Tên thân-chủ : Lemberg tên của ông : Indrich »

* * *

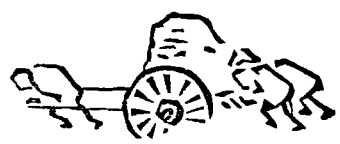
«Ông Painlevé, một buổi chiều phải đi ra khỏi nhà có tí việc. Người nhà thì đi vắng cả, ông sợ có ai hỏi ông, nên ông mới viết ở ngoài cổng mấy chữ sau này :

«Ông Painlevé mãi khuya mới về»

Hồi đó ông còn làm chức giáo-sư tại một học-đường. Chiều về, ông chèo lên gác, hì hà hì hục mới bước tới niễng cửa thì chợt trông thấy tấm biển ông viết sáng ngày. Thấy thế ngài liền so vai, không bằng lòng, vứt cặp xuống đất, rồi ngồi tiên bực thang, lẩm bẩm :

«Thôi được, ta ngồi chờ vậy»

T. T.



Mười giờ đêm.

Nhà văn sĩ thơ thẩn, mãi lúc đó mới về tới nhà ; chàng cầm bút vừa viết được cái đầu chuyện :

« Đời-văn-sĩ »

Thì.... bà chủ hàng ở ngoài đi vào, tay lại sách cái âm sứt vòi đặt vào cai danh ở trên ban :

— Thế này là năm-xu rưỡi.....

Trần-văn-Năng

(Ninh-Bình le 8 Mai 1932)

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG !

Jack London
soạn

22

Trà-sơn
dịch

— Đó là một món tiêu vô-ích. Dù thế nào mặc lòng, nếu mướn người thì mười phần chắc chín là chúng mình sẽ vớ phải một anh chàng nghiện rượu. Cái việc đó cứ để tôi làm còn bằng nghìn người làm công. Người làm công, bao giờ họ săn-sóc đến quyền-lợi của mình bằng chính tay mình làm lấy được. Vả, về việc hàng-hải, tôi chắc họ không thạo bằng tôi.

« Phi một anh chàng già ốm bất-mãn thì một chú lính thủy chết dẫm tự-nhận là cập-tên, đó, đại khái những nhân-vật chúng mình có thể mướn được ở sau này. »

— Người nào làm cũng được ! Nhưng, một người đàn bà mà ngày mai đây sẽ là người chung phần với ôi tất được người ta kính trọng...

— Đa tạ tôn-ông !

— Mà nếu cô-nương cứ ngày đêm lênh-đênh ở một chiếc xuồng trên mặt biển thì người ta còn có thể kính trọng cô-nương sao được.

— Tôn-ông thật là một nhân-vật đáng buồn cười !

Nàng nhún vai rồi đi ra. Song, trước khi trời tối, nàng cũng phải chịu theo ý chàng Xen-đôn. Hai người định ngay ngày hôm sau, khi ký giấy hợp đồng rồi, nàng sẽ đáp tầu đi Xích-nê để mua lấy một chiếc tầu và mướn một viên quan ba nhân thể.

Nàng vật-nài mãi mới được chàng Xen-đôn hứa sẽ cho phép thỉnh-thoảng vặn tầu đi chơi lanh-quanh trong vùng quần-đảo. Còn việc đi mộ phu ở Mã-lai-tạ thì cái ý định của chàng không tại nào lay-chuyển được.

Rồi dựa theo ý muốn của cô Gian-nê hai người cùng thảo ra một bản hợp-đồng rõ-ràng giản-dị, rồi cùng ký tên vào. Ký xong, chàng Xen-đôn đi đi lại lại đến một tiếng đồng hồ, để định lại thần-trí và ngẫm nghĩ đến cái cách khuôn xếp vô-tình mà chàng đã phải nhờ đến, để bước ra khỏi cái cảnh ngộ khó khăn

Chàng lại tưởng mình có khi phải bắt buộc thừa-nhận một cái cảnh ngộ trướng ngược như thế với một người đàn bà thật quả đứt giây trên giời rơi xuống.

Vả, chàng lại nghĩ ở trong đời thật có nhiều cái việc trí tưởng-tượng không bao giờ nghĩ tới được, dù cai trí tưởng-tượng ấy phong-phú đến bậc nào cũng mặc.

Một cái cảnh-ngộ vô-lý mà có thật ; đó là cái cảnh-ngộ của chàng.

Chàng vừa cắn râu vừa đi vừa hút thuốc lá, hút hết điếu này sang điếu khác, bỗng con Sa-tăng đi chơi ở ngoài vườn về, đến dụi cái mõm âm-ấm và man-mát vào tay, làm cho chàng rật mình rời cõi mơ-màng quay về đằng thực-cảnh.

Chàng vuốt ve hai tai con chó rồi quăng mình nằm ườn trên chiếc ghế xích-đu mà cười khanh khách. Chàng tự hỏi : chả biết đối với việc này viên Giám-sát trong quần-đảo nghĩ sao, và ở nhà chàng nếu được tin này thì người nhà bàn soạn ra thế nào ?

Trong bụng chàng lúc bấy giờ rất là phân-vân. Một đằng mừng vì nhờ có tờ hợp đồng vừa ký-kết xong mà chàng được bước ra ngoài cái cảnh ngộ bối rối. Một đằng lại bực tức vì đã phải thúc-thủ chịu kém vế trước mặt cô gái Lạc-lan. Như thế chẳng thà nàng đừng có bước chân đến quần đảo Sa-lô-mông này cho xong !

Rồi chàng đi vào trong phòng cầm cái gương ra tự soi một hồi lâu. Mình lại hỏi mình : chả biết cái mặt mũi ngày nay có phải vẫn là cái mặt mũi mình ngày trước không.

CHƯƠNG THỨ XIII

Ba ngày hôm sau, khi cơm sáng xong, chàng Xen-đôn và cô Gian-nê đang mải đánh bi-da, bỗng tên Việt-bửu-ri đến báo rằng:

— Có một chiếc tầu lớn đến gần bến.

Ngay lúc ấy, người ta nghe thấy tiếng giây neo kêu soang-soảng chui qua cái lỗ ở đằng mũi tầu. Cô Gian-nê và chàng Xen-đôn đứng ở mái hiên trông ra thì quả nhiên thấy một chiếc tầu lớn sơn đen đang đỗ ở ngoài bến.

Cô Gian-nê la lên rằng :

— Đó là một chiếc tầu Mỹ ! Tôn-ông nhìn coi, cái đằng đầu nó thì mảnh và dài, cái đằng đuôi nó thì vẹt.

Thấy lá cờ lấm-tấm những ngôi sao kéo lên trên cột buồm, nàng bèn vỗ vai chàng mà bảo rằng:

— Xen-đôn tiên-sinh ôi ! tiên-sinh thử coi, tôi nói thật quả không sai mà !

Về phần chàng Xen-đôn, chàng cũng sai tên Nô-át kéo lá cờ Anh lên trên chiếc cột cờ báo hiệu ở ngoài vườn.

Cô Gian-nê hỏi :

— Chiếc tầu này muốn cái gì ? Tuy không phải là một chiếc tầu dùng để đi chơi, nhưng tôi chắc nó chạy cũng không đến nỗi chậm. Tôn-ông có thấy rõ tên nó là gì không ?

Chàng Xen-đôn vác ống nhòm ra chiếu và đọc :

— *Mạc-ta, Sang Phan-xích-cô.* Tầu Mỹ xưa nay ít qua các đảo... Kìa chiếc xuồng của chiếc tầu đang bơi vào bờ. Trời ơi ! Cô-nương thử nhìn các người bơi xuống coi ! Họ toàn là người da trắng ! Tôi cũng bắt chước cô-nương mà tự-hỏi : chiếc tầu này đến đây làm cái gì ?

— Rõ thật toàn là những viên thủy-thủ tầm thường... Tôi thấy một bọn

mọi đen bơi dở nhường kia, trong bụng tôi rất lấy làm xấu hổ.

Đằng sau xuồng có hai người ngồi, chắc là hai tay chủ tầu.

Cô Gian-nê nói;

– Coi bộ họ không phải là tay đi bể thạo. Tôn-ông nhìn coi cái chàng béo-phị kia... Tôi thiết tưởng giá chàng kiếm một con ngựa cái mà cỡi thì may ra còn có vẻ ung-dung hơn là chàng bơi xuồng.

Khi xuồng đến bờ, hai người ở trên bước xuống, có một bọn phu theo sau, coi bộ họ có tính tò mò lắm.

Mấy người kia mở cửa vườn đi lên cái ngõ vào nhà. Một người trong bọn hai người kia thì to lớn lanh lợi, mình bận một bộ quần áo vải trắng, trông như một người nhà binh vậy.

Còn người nữa thì ăn mặc lố-lăng, đi đứng ra vẻ người vừa ở trên bộ vừa quen đi biển, trong mình có ý nóng bức lắm. Chàng đi uể-oải nặng-nề. Chàng kéo lê cặp giò y như là một con khỉ lớn, đứng không vững. Ngoài cái sự lê cặp giò y như một con khỉ lớn, mặt chàng lại có bộ râu đỏ quạch rễ che và cặp mắt nhỏ tý, trông cau cảu mà hay lụng liếng nhìn.

Chàng Xen-đôn ở trên mái hiên xuống thềm đón. Hai người kia tự giới-thiệu. Chàng Xen-đôn cùng hai người đi lên, rồi giới-thiệu họ cho cô Gian-nê.

Chàng râu rễ tre, trông dáng đi như người miền E-cốt (nước Anh), thì tên là Vương-bích nói tiếng Anh đặc giọng ngoại quốc.

Còn người bận đồ trắng kia tên là Tư-đồ họ Dương, ăn nói như một người Mỹ có học thức, song tiếng nói hơi có giọng một người Đức.

Tuy cái giọng nói có giống người Đức, song chàng lại có bộ râu mép lún phún, để lộ cặp môi dầy đỏ choét mà cong cong trông không có vẻ thô-xuất chút nào.

Chàng Vương-bích trông bề ngoài có vẻ tiều-tụy, thô-lỗ. Trái lại, chàng Tư-đồ thì nói-năng cử-chỉ dịu dàng. Khi chàng nói chuyện thì cặp mắt trông lại lanh-lợi và long lanh sáng quắc. Cứ xem cái nét mặt của chàng biến đổi luôn, đủ thấy những cuộc vận-động sốt sắng ở trong trí-não và tư-tưởng của chàng.

Chàng Vương-bích bèn nói rõ cho chàng Xen-đôn nghe cái nguyên-nhân cuộc diện-kiến của mình cùng là cái mục-đích của mình đang noi theo.

Hiện họ đang mưu một cuộc thám-hiểm. Cái đối-tượng cuộc thám-hiểm đó, là ở sự đi tìm vàng. Chàng Vương-bích là trưởng-đoàn còn chàng Tư-đồ tức là phó trưởng-đoàn thám-hiểm vậy.

Trong đoàn thám-hiểm còn có 28 người nữa, toàn là những người có ít nhiều cổ-phần trong việc đi kiếm vàng. Nhiều người trong bọn này, vốn chuyên nghề làm tầu biển; còn phần đông là thợ làm ở các mỏ xứ Mếch-xích và xứ Á-la-sĩ-ka.

Câu chuyện lặn lội đi tìm vàng, xưa nay ta vẫn thường nghe thấy. Những người này sở-dĩ kéo nhau đến quần đảo Sa-lô-mông chẳng qua cũng chỉ vì cái mục-đích ấy.

Đoàn thám-hiểm này chia làm hai bọn. Một bọn do chàng Tư-đồ dẫn-đạo, thì phải đi ngược sông Bá-lê-suy-mã, rồi nhân đường ấy mà đi tuốt vào miền núi đảo Ga-đa-na-ca. Một bọn thì theo chàng Vương-bích lại xuống tầu Mạc-ta khởi-hành qua Mã-lai-tạ, để kiếm vàng.

Chàng Vương-bích kết luận rằng:

– Chúng tôi cần mọi đen để đi với ông Tư-đồ, ngài có thể giúp cho chúng tôi được không?

Chàng Tư-đồ nói:

– Nếu ngài giúp cho thì cố-nhiên chúng tôi phải trả tiền họ. Có thế nào xin ngài cho biết giá. Tôi nghe nói mỗi năm công mỗi đứa 6 đồng bạc Anh.

Chàng Xen-đôn đáp:

— Không thể được đâu! Bản-cục hiện cũng đang cần dùng đến. Vả lại, bản-cục dẫu có cũng không được là bao.

Chàng Tư-đồ liền hỏi:

— Ngài nói «bản-cục», vậy chỗ ngài đây cũng là một thương-cục? Sao ở Gu-vu-tu, họ lại nói với chúng tôi rằng độ trước một người cùng chung vốn với ngài mất, nay ngài ở có một mình đây?

Chàng Xen-đôn quay đầu về phía cô Gian-nê, rồi nàng thấy chàng luống cuống hất hàm hỏi:

– Tự ngày đó cô Lạc-lan đây, đã bỏ vốn ra làm đồn-điền với chúng tôi... Nhưng, thiết-tưởng ta nên nói nốt câu chuyện đang nói dở dang. Hiện nay chúng tôi cũng đang cần đến bọn mọi đen của chúng tôi. Vả, bọn họ cũng chẳng có ích gì cho các ngài cả.

«Mà họ chẳng chịu đi theo các ngài xa nào. Rồi đến Bi-nu, tầu đi được độ một ngày, tất họ sẽ bỏ đổi các ngài. Họ đây toàn là những người Mã-lai-tạ. Họ chỉ sợ những người đường rừng ở Ga-đa-ca-na ăn thịt.

«Có lẽ đến Bi-nu các ngài cũng có thể mượn phu khác thay vào thì cũng tạm được, song, đi chừng một hôm, khi đến những chỗ núi non hiểm trở, thì bọn phu ấy tất cũng lại bỏ các ngài đấy mà quay đầu

Khéo nhất!

Sạch sẽ nhất!

Vào một hiệu thợ cạo nhem-nhuốc, dù ai cầu-thả cũng thấy ghê người; Húi cái đầu mà soi gương coi lem-nhem, dù nhà đạo-đức cũng thấy khó chịu.

Ở Hà-thành, tôi xin giới các ông một hiệu thợ cạo vừa khéo, vừa sạch sẽ lạ, đó là hiệu.

MỸ-LONG

106, Đường Huế, 106

Ai đến đó một lần sẽ thấy rằng không phải tôi giới thiệu càn, và sẽ muốn đến đấy cắt tóc ở đấy mãi.

LE GALANT

về. Họ cũng không muốn để cho những người rừng ăn thịt.

Chàng Vương-bích hỏi:

— Thật ư?

— Điều đó các ngài không cần phải nghi ngờ gì nữa. Ở trung-bộ đảo Ga-đa-ca-na chưa có người nào lần đến thám-hiểm. Những tên người rừng ở đó toàn là bọn tối-giã-man. Ngày nay, suốt trên mặt trái đất, không đâu còn những người giã-man như chúng.

« Riêng tôi, mắt tôi chưa từng thấy một tên nào trong bọn chúng, mà tôi cũng chưa từng nghe ai nói là đã được trông thấy chúng. Không bao giờ chúng lần mò ra bờ biển. Họa hoằn mới có một vài đứa trong bọn chúng mò về đồng bằng, bắt người nào đi bơ vơ một mình mà ăn thịt.

«Người ta chỉ biết lờ mờ về chúng. Chúng không biết hút thuốc lá. Trước đây vài năm đã có một phái-bộ khoa-học người nước Áo đến thám-hiểm đảo này. Khi phái-bộ vừa đi quá vào bên trong, liền bị băm ra từng mảnh. Một người trong bọn sống sót về có thuật lại cái nạn xảy ra. Sau đó, người ta có lập một cái đài kỷ-niệm ở ngay bờ biển, cách đây chừng hai hải-lý.

« Tất cả câu chuyện tôi biết đích, hoặc nghe người ta nói về trung-bộ đảo Ga-đa-ca-na là thế. ».

Chàng Tư-đồ rầu rầu nét mặt nói :

— Xin đa-tạ ngài. Nhưng còn vàng thì sao? Ngài có biết đôi chút về việc đó không?

Chàng Xen-đôn mỉm cười. Hai người khách lặng yên. Chàng nói :

— Khi nào các ngài đi ngược sông Bá-lê-suy-mã được chừng 2 hải lý, các ngài sẽ thấy một thú cát. Đãi cái cát ấy cũng được ít vàng, tôi vẫn thường làm thế luôn. Đi vào tít tận miền núi, tôi chắc thế nào cũng còn có vàng nữa.

Chàng Tư-đồ và chàng Vương-bích, hai người đưa mắt nhìn nhau ra vẻ đắc-ý. Bỗng chàng Tư-đồ la lên rằng :

— Thì ra cái lão Việt-sắc nói đúng thật. Nếu ở Mã-lai-tạ mà các việc đều ổn như thế này thì...

Cô Gian-nê liền hỏi :

— Việt-sắc là ai?

— Là một tên hải-tặc mà tình cờ một hôm chúng tôi đã được gặp. Vả, chính ông Vương-bích đã khám-phá được cái điều bí-mật của hắn...

Xen-đôn tiên-sinh ơi! tiên-sinh chớ nên nghi ngờ gì nữa, trước khi phái-bộ khoa-học người nước Áo, mà ngài nói đó, qua đảo Ga-đa-ca-na, thì đã thấy có vết tích người da trắng rồi :

Chang Xen-đôn nhún vai mà đáp :

— Việc đó thật quả tôi không rõ. Còn mọi đen thì tôi có thể cho các ngài mượn đến Bi-nu. Các ngài muốn mượn mấy đứa tùy ý các ngài. Nhưng, tôi xin nhắc lại để các ngài biết rằng chúng không chịu đi xa quá chỗ đó đâu.

« Tất cả các ngài có bao nhiêu người dự cuộc thám-hiểm và hôm nào các ngài định cử-hành? »

Chàng Tư-đồ nói :

— Tất cả chúng tôi sẽ có chừng 10 người, tôi và chín người nữa.

Chàng Vương-bích nói :

— Vả, ngày kia ngài có thể cử-hành cũng được. Chiều nay thì tầu đến, các đồ hành-lý thì ngày mai ta có thể vừa cho bốc lên, vừa cho sửa soạn sẵn. Còn tầu Mạc-ta thì khi nào mặt giời lặn sẽ cùng tôi khởi-hành.

Hai người khách ra xuống, chàng Xen-đôn bèn nói dỗn với cô Gian-nê rằng :

— Câu chuyện này đáng biên thành một thiên tiểu-thuyết. Chắc cô-nương lấy làm ưng ý lắm. Như thế mới thật viển vông, cái câu chuyện kiếm vàng ở xứ mọi ăn thịt người!...

— Thật là một cái nhan-đề rất xinh xắn của một cuốn sách. Nếu cái nhan-đề ấy mà để như thế này : « *Các nhà đi kiếm vàng ở xứ mọi ăn thịt người* », thì tôi chắc sách bán chạy lắm.

Chàng Xen-đôn lại nói chêu cô Gian-nê rằng :

— Tôi chắc cô-nương nghĩ lại tiếc cái tiền bỏ ra làm đồn-điền chung. Giá cái tiền ấy cứ để bây giờ mà bỏ ra chung vào việc đi kiếm vàng thì hóa hay hơn.

— Nếu tôi mà có cái ý muốn ấy thì tôi chắc chàng Vương-bích vui lòng để tôi qua Mã-lai-tạ, chứ không làm nhiều trò nhơ tôn-ông. Trái lại, tôi dám chắc rằng chàng sẽ vồ ngay lấy cái dịp ấy nữa... Thôi, xin gác những chuyện bông phèng đi. Tôn-ông thử nghĩ xem tư-cách mấy người này ra sao?

— Lão Vương-bích thì chắc chắn ma vui tính. Với hắn, tôi chắc, nếu cần thì có thể tin cạy được. Còn cái anh chàng Tư-đồ thì nhẹ giạ mà chẻo lẻo bề ngoài. Nếu một ngày kia chẳng may tôi có bị đắm tầu lên được một hòn đảo quạnh-hiu mà gặp hai người đó, thì tôi sẽ ở với chang Vương-bích chứ không khi nào tôi chịu ở với chàng Tư-đồ.

— Cô-nương đã từng đọc cuốn sách tên là : « *Truyện vị Nữ-quận-công* », của Bửu-ninh tiên-sinh chưa?

Nàng ra hiệu nhận là có đọc.

— Vậy nếu gác cái vấn-đề giống đực giống cái ra, tôi thấy chàng Tư-đồ tôi lại tưởng đến vị Nữ quận-công đó.

— Đó là một vị nữ-lưu rất trang nhã.

— Cái đó đã hẳn. Một người đàn bà thì được phép trang nhã. Nhưng, một người đàn ông thì không thể thế được. Làm một người đàn ông thì phải biết tự kiềm-soát lấy mình, phải biết suy nghĩ hơn một người đàn bà, mà tính tình không được nóng nẩy như họ. Cái nghĩa-vụ thứ nhất của một người đàn ông là phải cho vững-vàng không cứ về phương-diện thể-nhục hay là về phương-diện tinh-thần. Chứ một nhân-vật như chàng Tư-đồ, thì tôi lấy làm khó chịu lắm.

Ý kiến cô Gian-nê xem ra thì lại khác hẳn ý chàng Xen-đôn. Bẩm-sinh là đàn ông, chàng cũng đã thấy thế, nên chàng hơi có vẻ bối-rối. Chàng sực nghĩ đến cái lúc cô Gian-nê long lanh cặp mắt, chuyện-trò cùng vị khách ở phương xa đến, rồi chàng bụng bảo giạ:

— Quái! quái! Mình đâm ghen rồi chắc? Vì cớ gì cặp mắt của nàng lại không có quyền long lanh? Dù có thế đi chăng nữa, thì việc gì đến mình? *(Còn nữa)*

Phòng chữa mắt
Từ-ngọc-Liên
Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi
chuyên-môn chữa mắt
và bán thuốc đau mắt
Từ-ngọc-Liên rất
hay giá 0$10
và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước
cấp bằng thưởng
Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này :

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hợp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hòi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết ly 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH
Hiệu Bảo-Nguyên-Trường
N· 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ
DƯỢC PHÒNG
81, Route de Huế — Hanoi
Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

集詩賢時
THỜI-HIỀN THI-TẬP

It hàng trân-trọng, thưa cùng các bạn làng thơ.

Nay tôi muốn sưu-tập các thơ văn của các Ngài đã có lòng yêu gửi lai-cảo cho từ trong khi tôi ở báo *Hữu-Thanh*, cho đến từ *An-nam tạp-chí* mới ra ở hàng Lọng, cho đến cả từ nay về sau, góp được ít nào, tiếp tục in ra, nhan chung là « *Thời-Hiền Thi-tập* ». Vậy có lời xin phép ở các ngài.

Lời kính tường về sự xin phép đây, in cả ở các sách của *Tản-đà thư-cục* từ tháng mai năm 1932 này, chừng khoảng năm sáu tháng thời thôi. Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cũng có thư cho được biết.

Nay kính,

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THUỐC HAY !

Thập-Linh-Đơn. — Chữa bệnh Cúm - cảm sốt rất tài - Đã có giấy thí-nghiệm của Laboratoire Hanoi, mỗi liều . . . . . 0$10

Bánh cam-tích. — Chữa trẻ con có bệnh run sán, bụng ỏng da xanh biếng ăn, Trẻ thích ăn lắm, mỗi hộp . . . . . 0$08

Cao đại bổ. — Bổ khí huyết, cứng gân cốt, cao này để pha làm rượu bổ, một chai nhỏ này pha được một chai litre. Rượu vang hay rượu ta tùy ý. Rất tiện cho người đi xa, rất rẻ. Thử tính : chai cao này 0$60 với một chai rượu ta 0$32 thành một chai rượu bổ có non một đồng bạc.

Thuốc gội đầu. — Một gói này pha được 2 chậu nước, gội rất chơn tóc hết gầu, tóc xanh mượt, mỗi gói. . . . . 0$05

Bán tại :
VĨNH-HƯNG-TƯỜNG Vinh và các Chi-điếm.
PHÓ-GIA-TƯỜNG và các Chi-điếm.

Kiểu Mới
HIỆU GIẦY BẢO-HIÊN
60-1 Phố Commerce (Ba-ly)
HAIPHONG

Làm giầy đã lâu năm được các quí-khách rất hoan-nghênh. Bổn-hiệu lại mới mua được các da mùi rất đẹp, có đủ các kiểu giầy quí ông quí bà (cả giầy kim-thời) rất thanh-nhã làm cẩn-thận, giá tính phải chăng. Xin quí-khách chiếu cố sẽ được như ý.

Xin các ngài nhớ ngoài cửa có vẽ một con

SƯ-TỬ

書叢局書泛傘

TẢN ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ



Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (loại Tiểu-thuyết). — . . . 0,20
3. — **Khối-tình con thứ ba** (Thơ ca). — . . . 0,25
4. — **Giấc mộng con thứ hai** . . . . . — . . . 0,25

(Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc mộng con thứ nhất* và Giấc mộng lớn).

Đã đương in : **Đài gương kinh**

Từ 1er Juin này trở đi; các Ngài mua buôn và mua lẻ các sách của Bản-cục in ra trong năm 1932, từ *Thanh-hóa* trở vô tới *Nam-kỳ*, và *Ai-lao, Cao-mên*, xin viết thư về hỏi tại :

M. Vương-đình-Châu

Directeur de l'Imprimerie du Nord-Annam. — Vinh.

kính-cáo.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Enseignement primaire, primaire supérieur, secondaire

LYCÉE LIBRE HONG-BANG

A HANOI

70, Rue Jules Ferry, 70

là trường lư lo nhất (ở Đông-Pháp chỉ có trường này được phép mở đến ban tú-tài) có đủ các lớp; lớp dạy riêng về khoa triết-học, lớp dạy theo lối gửi thơ. Nhận cả lưu học-sinh, tiền học không tính đắt. Giáo-sư Tây, Nam rất có danh tiếng. Quản-đốc : ông LEURET, cử-nhân khoa Văn-chương triết-học, chính sở xã-hội cứu-tế tại phủ Toàn-quyền, đã ra công đào-luyện cho bọn thiếu-niên bên Pháp trong khoảng 30 năm giời, diễn-thuyết hơn 100 lần và đã lập được nhiều hội Cứu-tế khắp trong Nam ngoài Bắc.

Lớp nghỉ-hè đến 27 Juin khai giảng tạm ở trường Chấn-nam số 2 phố Nguyễn-Trãi (Hanoi) cho đến khi chữa sửa xong nhà trường mới. Ai hỏi thể-lệ nhớ đính tem giả lời.

L'Administrateur Gérant : Ngô-Thúc-Địch — Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí